

THÔNG ĐIỆP CARITAS IN VERITATE - BÁC ÁI TRONG CHÂN LÝ
Bản dịch của UB. Giáo Lý Đức Tin và TT Mục Vụ TGP. Saigon

*** Những giá trị luân lý phải chiến thắng trong cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu hiện nay cũng như để tiêu diệt nghèo đói và để thúc đẩy sự phát triển chân chính của tất cả các dân tộc trên thế giới,**

(ĐTC Bênêđictô XVI đã nói đến trong thông điệp)

Thông điệp Caritas in Veritate, đề ngày 29 tháng Sáu và ban hành tại Vatican ngày 7 tháng Bảy.

Thông điệp gồm 6 chương với 79 số, được chia ra như sau:

Phần mở gồm các số 1-9

1. chương I gồm các số 10-20: sứ điệp POPULORUM PROGRESSIO
2. chương II gồm các số 21-33: Phát triển nhân loại ngày nay
3. chương III gồm các số 34-42: Huynh đệ, phát triển kinh tế, xã hội dân sự
4. chương IV gồm các số 43-52: Phát triển các dân tộc, quyền lợi và trách nhiệm, môi sinh.

5. chương V gồm các số 53- 67: Hợp tác của gia đình nhân loại

6. chương VI gồm các số 68-77: Phát triển các dân tộc và kỹ thuật

Phần kết: gồm các số 78-79

Đây là Thông điệp thứ III của Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI

DEUS CARITAS EST ngày 25.12.2005

SPE SALVI ngày 30.11.2007

CARITAS IN VERITATE ngày 07.07.2009

Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI đóng góp vào các văn kiện Tòa Thánh về các vấn đề xã hội. Chúng ta nhìn lại các văn kiện đó từ thời Đức LEO XIII đến nay:

1. Đức Giáo Hoàng Lêô XIII thông điệp RERUM NOVARUM (15.5.1891)
2. Đức Giáo Hoàng Piô XI thông điệp QUADRAGESIMO ANNO (15.5.1931)
3. Đức Giáo Hoàng Gioan XII thông điệp MATER ET MAGISTRA (15.5.1961)
4. Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII thông điệp PACEM IN TERRIS (11.4.1963)
5. Công đồng Vaticanô II: GAUDIUM ET SPES (7.12.1965)
6. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI thông điệp POPULORUM PROGRESSIO (26.3.1967)
7. ĐGH Gioan-Phaolô II thông điệp LABOREM EXERCENS (14.9.1981)
8. Gioan-phaolô II thông điệp SOLLICITUDO REI SOCIALIS (30.12.1987)
9. Gioan-Phaolô II thông điệp CENTESIMUS ANNUS (1.5.1991)
10. Gioan-Phaolô II thông điệp EVANGELIUM VITAE (25.3.1995)

THÔNG ĐIỆP “CARITAS IN VERITATE”
BÁC ÁI TRONG CHÂN LÝ
CỦA ĐỨC GIÁO HOÀNG BÊNÊDICTÔ XVI

GỬI:

CÁC GIÁM MỤC

CÁC LINH MỤC VÀ PHÓ TẾ

NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC THÁNH HIẾN

CÁC TÍN HỮU GIÁO DÂN

VÀ TẤT CẢ NHỮNG NGƯỜI THIỆN CHÍ

VỀ SỰ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI TOÀN DIỆN TRONG BÁC ÁI VÀ CHÂN LÝ

DẪN NHẬP

1. Bác ái trong chân lý (CARITAS IN VERITATE)! chân lý mà Đức Giêsu đã làm chứng trong cuộc đời tại thế và nhất là qua cái chết và sự phục sinh của Người; tình yêu này là sức mạnh điều hướng chính yếu cho việc phát triển đích thực mỗi người và toàn thể nhân loại. Tình yêu – *caritas* – là một sức mạnh ngoại thường, thúc đẩy con người dần thân thật can đảm và quảng đại trong lãnh vực công lý và hòa bình. Đó là một sức mạnh bắt nguồn từ Thiên Chúa, Đấng là TÌNH YÊU muôn thuở và là CHÂN LÝ tuyệt đối. Mỗi người sẽ tìm được hạnh phúc của mình khi sáp nhập vào kế hoạch Thiên Chúa dành cho họ, để hiện thực bản thân cách trọn vẹn. Trong kế hoạch này, con người sẽ tìm thấy sự thật về chính mình và họ sẽ được tự do khi gắn bó với sự thật đó (Ga 8, 22). Do đó, bảo vệ sự thật, xác định sự thật này cách khiêm tốn, xác tín và làm chứng cho sự thật này trong đời sống của mình, là những hình thái đúng đắn và tối cần thiết của tình yêu. Thật vậy, tình yêu “vui khi thấy điều chân thật” (1Cr 13,6). Mọi người đều cảm nhận sự thúc đẩy nội tâm để yêu một cách chân thật: tình yêu và chân lý không bao giờ hoàn toàn rời bỏ con người, bởi lẽ tình yêu và chân lý là ơn gọi Thiên Chúa đặt để trong tâm hồn và tâm trí của từng người. Đức Giêsu Kitô thanh tẩy và giải thoát việc tìm kiếm tình yêu và chân lý của chúng ta khỏi những nghèo hèn yếu đuối thuộc nhân tính, và Người mạc khải cho chúng ta cách trọn vẹn sáng kiến tình yêu và kế hoạch hướng đến sự sống đích thực Thiên Chúa đã chuẩn bị cho chúng ta. *Tình yêu trong chân lý* trở thành gương mặt của Chúa Kitô; và trong Đức Kitô, tình yêu này trở thành ơn gọi của chúng ta. Ơn gọi của chúng ta là yêu thương anh em trong chân lý của chương trình Thiên Chúa dành cho họ. Thật vậy, chính Chúa Kitô là CHÂN LÝ (Ga 14,6).

2. Bác ái là tâm điểm trong giáo huấn của Giáo hội về xã hội. Mọi trách nhiệm và dần thân mà giáo huấn ấy kêu gọi đều xuất phát từ tình yêu, mà theo lời dạy của Đức Giêsu, tình yêu này là bản tóm kết toàn bộ Lề Luật (Mt 22,36-40). Tình yêu đem đến nội dung chính yếu cho liên hệ cá nhân với Thiên Chúa và với tha nhân; tình yêu là nguyên lý không những cho những liên hệ vi mô – trong bạn bè, gia đình và từng nhóm nhỏ – nhưng cả cho những liên hệ vĩ mô – trong liên hệ xã hội, kinh tế và chính trị. Đối với Hội Thánh – được thấm nhuần Phúc Âm – tình yêu là tất cả, chỉ vì như thánh Gioan đã dạy chúng ta (1Ga 4,8.16) và tôi cũng đã gọi lên trong Thông điệp đầu tiên của tôi: “THIÊN CHÚA LÀ TÌNH YÊU – DEUS CARITAS EST”: *mọi sự đều bắt nguồn từ tình yêu Thiên Chúa, mọi sự đều được định hình bởi tình yêu ấy, và mọi sự đều quy hướng về tình yêu ấy*. Tình yêu là quà tặng vĩ đại nhất mà Thiên Chúa ban cho nhân loại; tình yêu là lời hứa của Người và là hy vọng của chúng ta.

Tôi biết tình yêu đã và đang bị tước đoạt ý nghĩa, từ đó đưa đến nguy cơ là người ta sẽ hiểu sai tình yêu, tách rời tình yêu ra khỏi đời sống luân lý và trong mọi trường hợp, đều bị mất giá trị. Trong các lãnh vực xã hội, pháp lý, văn hóa, chính trị và kinh tế, là những môi trường mà hiểm họa này nổi cộm nhất, tình yêu dễ dàng bị coi là không thích hợp trong việc giải thích và định hướng cho trách nhiệm luân lý. Vì thế, cần phải liên kết tình yêu với chân lý không những theo định hướng do thánh Phaolô chỉ dạy: VERITAS IN CARITATE – CHÂN LÝ (Sự Thật) TRONG BÁC ÁI (Ep 4,15), nhưng ngược lại cần phải bổ túc thêm: CARITAS IN VERITATE – BÁC ÁI TRONG CHÂN LÝ. Chân lý phải được tìm kiếm, khám phá và diễn đạt trong “nhiệm cục – économie –” của tình yêu, nhưng ngược lại tình yêu cũng phải được hiểu, được xác nhận và thực hiện trong ánh sáng của chân lý. Bằng cách này, không những chúng ta phục vụ tình yêu được chân lý soi sáng, mà còn mang lại tính khả tín cho chân lý, chứng minh sức thuyết phục và minh xác của chân lý trong bối cảnh thực tiễn của đời sống xã hội. Đây không phải là vấn đề nhỏ ngày nay, trong bối cảnh văn hóa và xã hội đang tương đối hóa chân lý, ít quan tâm tới chân lý, lại còn không muốn nhìn nhận sự hiện hữu của chân lý.

3 Do mối liên kết chặt chẽ với chân lý, bác ái có thể được nhìn nhận như cách diễn tả chính thực của nhân tính, là yếu tố có tầm quan trọng nền tảng cho các mối tương quan của con người – bao gồm cả bình diện công cộng. *Chỉ trong chân lý, bác ái mới có thể chiếu tỏa và có thể sống một cách chính thực.* Chân lý là ánh sáng trao ban ý nghĩa và giá trị cho tình yêu. Đó vừa là ánh sáng của lý trí vừa là ánh sáng của đức tin, nhờ đó, lý trí mới có thể đạt đến chân lý tự nhiên và siêu nhiên của tình yêu: lý trí có thể hiểu được ý nghĩa của tình yêu là dâng hiến, đón nhận và hiệp thông. Không có chân lý, tình yêu sẽ thoái hóa thành cảm tính. Tình yêu trở thành vỏ ốc trống rỗng, tìm cách lấp đầy bằng những gì mình yêu thích. Đó là nguy cơ trầm trọng mà tình yêu phải đối mặt trong một nền văn hóa không có chân lý. Tình yêu trở thành tế vật cho những xúc cảm và ý kiến chủ quan chóng qua, một từ ngữ bị lạm dụng và nát vụn đến độ mang ý nghĩa đối nghịch. Chân lý giải thoát tình yêu khỏi sự hạn hẹp của chủ nghĩa duy cảm là thứ tước đoạt nội dung xã hội và tương giao của tình yêu, và khỏi một thứ chủ thuyết duy tín tước đoạt khía cạnh nhân văn và vũ trụ của tình yêu, ngăn chặn tình yêu có tầm nhìn nhân bản và phổ quát. Trong chân lý, tình yêu phản ánh chiều kích cá nhân và công cộng của niềm tin vào Đấng Thiên Chúa của Kinh Thánh, Đấng vừa là AGAPE – TÌNH YÊU vừa là LOGOS – LỜI: Bác ái và Chân lý, Tình yêu và Lời.

4. Vì tình yêu tràn đầy chân lý, nên con người có thể nắm bắt, đón nhận và truyền đạt giá trị phong phú của nó. Thật vậy, chân lý là LOGOS – LỜI, Lời tạo nên DIA-LOGOS – ĐỐI THOẠI và do đó, kiến tạo truyền thông và hiệp thông. Khi giúp con người thoát khỏi những ý kiến và ấn tượng chủ quan, chân lý giúp họ có khả năng vượt lên trên những giới hạn văn hóa và lịch sử, giúp nhau xác định giá trị và bản chất của mọi vật. Chân lý khai mở và kết hợp tâm trí của chúng ta với LOGOS của tình yêu: đó là sứ điệp và chứng tá của tình yêu Kitô giáo. Trong môi trường văn hóa xã hội hiện hành có xu hướng tương đối hóa chân lý, việc sống bác ái trong chân lý giúp người ta hiểu rằng việc gắn bó với các giá trị Kitô giáo không những hữu ích, nhưng còn là một yếu tố tất yếu để xây dựng một xã hội tốt đẹp và giúp phát triển con người cách toàn vẹn và đích thực. Một thứ Kitô giáo chủ trương bác ái mà không có chân lý sẽ dễ dàng bị lẫn lộn với một mô hình tình cảm tốt đẹp, tuy hữu ích cho sự gắn kết về mặt xã hội, nhưng không có tác động bao nhiêu. Nói cách khác, sẽ không còn vị trí đích thực nào cho Thiên Chúa trong thế giới. Nếu không có chân lý, bác ái bị dồn vào những liên hệ hạn hẹp và cá nhân. Trong sự trao đổi giữa nhận thức và thực hành, bác ái bị loại khỏi những dự án và tiến trình thúc đẩy sự phát triển con người trong chiều kích phổ quát.

5. CARITAS (Bác ái) là tình yêu được đón nhận và trao ban. Bác ái là CHÁRIS – ÂN SÙNG. Nguồn gốc của bác ái là tình yêu vô thủy vô chung của Thiên Chúa Cha ban cho Chúa Con trong Chúa Thánh Thần. Bác ái là tình yêu, từ Chúa Con tuôn trào đến chúng ta. Bác ái là tình yêu sáng tạo, từ tình yêu này chúng ta mới nhận được sự hiện hữu của mình; bác ái là tình yêu cứu độ, nhờ tình yêu này chúng ta mới được tái sinh. Đó chính là tình yêu được Đức Kitô mạc khải và hiện thực (Ga13,1) “tuôn đổ vào trong tâm hồn chúng ta nhờ Chúa Thánh Thần” (Rm 5,5). Là đối tượng tình yêu của Thiên Chúa, con người được đặt làm chủ thể của bác ái, được kêu gọi trở thành khí cụ của ân sủng để truyền đạt bác ái của Thiên Chúa, kiến tạo những mạng lưới bác ái.

Giáo huấn xã hội của Giáo hội đáp ứng cho tính năng động này của bác ái được đón nhận và trao ban. Giáo huấn đó là CARITAS IN VERITATE IN RE SOCIALI: loan báo chân lý (về) tình yêu của Đức Kitô trong xã hội. Giáo huấn này là một sự phục vụ cho bác ái, nhưng cứ điềm của giáo huấn là chân lý. Chân lý duy trì và biểu lộ sức mạnh giải phóng của bác ái trong những biến cố không ngừng thay đổi của lịch sử. Chân lý vừa là chân lý của đức tin vừa là chân lý của lý trí, cả hai bình diện nhận thức này vừa phân biệt với nhau vừa gặp gỡ nhau.. Chân lý này cần thiết cho sự phát triển, cho công ích xã hội và cho sự kiếm tìm một giải pháp thỏa đáng những vấn đề kinh tế xã hội khó khăn đang đè nặng con người. Và còn cần thiết hơn nữa là chân lý này phải được yêu mến và minh chứng. Không có chân lý, không có sự tin tưởng và tình yêu đối với chân lý, sẽ không có lương tâm và trách nhiệm xã hội: hoạt động xã hội cuối cùng ra chỉ phục vụ những lợi ích riêng tư và lôgích của quyền

lực, đưa đến những hậu quả phá tán xã hội, nhất là một xã hội đang trên đường tiến đến việc toàn cầu hóa và ở những thời điểm khó khăn như hiện nay.

6. *Caritas in Veritate* là chân lý trung tâm của giáo huấn xã hội của Giáo hội. Nguyên lý ấy được thể hiện cách cụ thể qua những tiêu chuẩn hướng dẫn hành động luân lý. Trong những tiêu chuẩn đó, tôi muốn quan tâm đặc biệt đến hai tiêu chuẩn có ý nghĩa đặc biệt đối với nỗ lực phát triển trong một xã hội ngày càng mang tính toàn cầu: **CÔNG LÝ VÀ CÔNG ÍCH.**

Trước tiên là công lý. **UBI SOCIETAS, IBI IUS – Ở ĐÂU CÓ XÃ HỘI Ở ĐÓ PHẢI CÓ CÔNG LÝ:** mỗi xã hội xây dựng một hệ thống pháp lý riêng của mình. **BÁC ÁI PHẢI VƯỢT TRÊN CÔNG LÝ,** vì yêu thương là trao ban cho kẻ khác điều “thuộc về tôi”; nhưng bác ái không thể hiện hữu nếu không có công lý, là điều buộc tôi phải trao trả cho kẻ khác điều “thuộc về họ”; điều thuộc về họ căn cứ vào hữu thể và hoạt động của họ. Tôi không thể “ban tặng” cho kẻ khác điều “thuộc về tôi” mà trước tiên không trao trả lại cho họ điều thuộc về họ dựa theo công lý. Ai yêu thương anh em trong tình bác ái, thì trước hết phải thực thi công lý đối với họ. Công lý không những không xa lạ với bác ái, cũng không phải là con đường thay thế hay song song với bác ái: công lý liên kết chặt chẽ với bác ái [1], công lý là yếu tố nội tại của bác ái. Công lý là con đường đầu tiên của bác ái hay - như Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã nói - là “tiêu chuẩn tối thiểu” của bác ái [2], một thành phần cơ bản của tình yêu này trong “hành động và chân lý” mà thánh Gioan tông đồ đã khuyến khích. Một mặt, bác ái đòi buộc công lý: nhìn nhận và tôn trọng quyền lợi hợp pháp của từng cá nhân và của các dân tộc. Bác ái cố gắng xây dựng “đô thị trần gian” theo luật pháp và công lý. Mặt khác, bác ái vượt trên công bằng và đưa công bằng đến chỗ hoàn thiện trong lôgic của trao ban và tha thứ [3]. “Đô thị trần gian” được phát triển không chỉ đơn thuần nhờ những tương quan quyền lợi và nghĩa vụ, nhưng ở mức độ rộng lớn và nền tảng hơn, còn nhờ những tương quan vô vị lợi, nhân từ và hiệp thông. Cũng thế, bác ái luôn biểu lộ tình yêu của Thiên Chúa trong những tương quan nhân loại, bác ái mang lại giá trị thần học và cứu độ cho mọi dân thân phục vụ công bằng trên thế giới.

7. Tiếp đến, phải đặt mỗi quan tâm đặc biệt khác cho công ích. Yêu một người nào đó có nghĩa là phải chú ý đến lợi ích của người đó và cố gắng để thực hiện được. Bên cạnh lợi ích cá nhân còn có một lợi ích gắn bó với đời sống con người trong xã hội: đó là công ích. Đó là lợi ích của “chúng ta tất cả”, từ từng cá nhân, gia đình và những nhóm nhỏ, tạo thành một cộng đồng xã hội [4]. Đó không phải là lợi ích chỉ được dành cho cá nhân mình, nhưng cho những con người liên hệ với nhau trong một cộng đồng xã hội, và chỉ trong cộng đồng này họ mới có thể đạt được lợi ích thực sự và có hiệu quả. Khao khát và nỗ lực vươn tới công ích là đòi hỏi của công lý và bác ái.. Dẫn thân cho công ích có nghĩa là, một mặt bảo vệ và mặt khác phục vụ cho toàn bộ các cơ chế qui định đời sống xã hội về mặt pháp lý, dân sự, chính trị và văn hóa, với cách thức này đời sống xã hội trở thành POLIS (thành phố). Chúng ta càng nỗ lực bảo đảm công ích cho phù hợp với những nhu cầu đích thực của tha nhân, thì chúng ta càng yêu thương họ cách hiệu quả. Mỗi Kitô hữu đều được gọi để thực hành đức bác ái này theo cách thể phù hợp với ơn gọi của mình và theo mức độ ảnh hưởng mình có trong polis. Đó là con đường mang tính cơ chế – người ta cũng có thể nói mang tính chính trị – của bác ái, con đường tuyệt hảo và hiệu quả không thua kém gì hình thức bác ái khi trực tiếp gặp gỡ tha nhân, bên ngoài trung gian cơ chế của polis. Sự dẫn thân cho công ích do bác ái tác động, sẽ có một giá trị cao hơn sự dẫn thân thuần túy thể tục và chính trị. Cũng như mọi dẫn thân cho công lý, công ích có một vị trí trong chứng tá của đức ái, dọn đường cho thành đô vĩnh cửu qua những hoạt động trần thế. Khi hoạt động của con người trên trái đất được bác ái gọi hứng và nâng đỡ, hoạt động ấy sẽ mang tính chất xây dựng cho Nước phổ quát của Thiên Chúa, mà gia đình nhân loại đang hướng tới như điểm đến của lịch sử. Trong một xã hội ngày càng mang tính toàn cầu, công ích và sự dẫn thân cho công ích phải mang những chiều kích của toàn thể gia đình nhân loại, nghĩa là cộng đồng các dân tộc và quốc gia [5], để xây dựng đô thị trần gian theo hướng hiệp nhất và

hòa bình - và một cách nào đó - tạo những tiền đề cho thành đô không bị chia cắt của Thiên Chúa.

8. Khi công bố thông điệp POPULORUM PROGRESSIO vào năm 1967, vị tiền nhiệm đáng kính của tôi là Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã soi sáng đề tài lớn về việc phát triển các dân tộc dưới ánh quang chân lý và ánh sáng tình yêu của Chúa Kitô. Ngài xác quyết rằng đời sống trong Chúa Kitô là yếu tố đầu tiên và chính yếu của phát triển [6] và khuyến khích chúng ta tiến bước trên con đường phát triển này với con tim và lý trí của chúng ta [7], có nghĩa là với nhiệt tình của bác ái và sự khôn ngoan của chân lý. Đây là chân lý nguyên thủy của tình yêu Thiên Chúa, một ân sủng được ban tặng cho chúng ta, giúp đời sống của chúng ta mở ra để đón nhận ân huệ và có khả năng giúp hy vọng của chúng ta trở thành hiện thực, một hy vọng vào việc phát triển con người toàn diện và nhân loại toàn diện [8] tiến từ những điều kiện ít nhân bản đến những điều kiện nhiều tính nhân bản hơn [9] khi chiến thắng mọi khó khăn không thể tránh được trên đường đi.

Bốn mươi năm sau ngày công bố thông điệp, tôi muốn nhắc nhớ đến vị giáo hoàng vĩ đại Phaolô VI và tôn vinh ngài, khi lấy lại những giáo huấn về việc phát triển con người toàn diện và dõi theo con đường đã được vạch ra để áp dụng cho hoàn cảnh ngày hôm nay. Tiến trình hiện tại này đã bắt đầu với thông điệp SOLLICITUDO REI SOCIALIS, qua thông điệp này, tôi tớ Chúa là Đức Giáo Hoàng Gioan-Paolô II muốn kỷ niệm hai mươi năm ngày công bố thông điệp *Populorum progressio*. Cho đến lúc đó Hội Thánh chỉ kỷ niệm thông điệp RERUM NOVARUM mà thôi. Hai mươi năm sau, tôi xác tín rằng thông điệp *Populorum progressio* xứng đáng được xem như thông điệp *Rerum novarum* của thời đại chúng ta, soi sáng con đường nhân loại đi đến hiệp nhất.

9. Bác ái trong chân lý- CARITAS IN VERITATE – là một thách thức lớn cho Hội Thánh trong một thế giới trên đường toàn cầu hóa đang phát triển và phổ biến. Nguy cơ của thời đại chúng ta là sự tương thuộc đương nhiên (de facto) giữa các dân tộc và các quốc gia lại không đi đôi với sự tương tác về mặt đạo đức của lương tri, từ đó không thể đưa đến một sự phát triển nhân bản đích thực như kết quả. Chỉ trong bác ái được ánh sáng lý trí và đức tin soi sáng, chúng ta mới có thể đạt được những mục tiêu phát triển mang những giá trị nhân văn và nhân hóa. Việc chia sẻ của cải và tài nguyên, từ đó có thể đưa đến một sự phát triển đích thực, không thể chỉ đơn thuần do những bước tiến kỹ thuật hay những tương quan lợi nhuận, nhưng do sức mạnh của tình yêu chiến thắng điều ác bằng điều thiện (Rm 12,21), mở ra con đường hướng tới sự tương hỗ của lương tâm và tự do.

Giáo hội không đưa ra những giải pháp kỹ thuật [10] và cũng không đòi hỏi “nhúng tay vào chính trị của Nhà Nước bằng bất cứ cách nào” [11]. Dù vậy, Giáo hội phải chu toàn trong mọi thời gian và mọi hoàn cảnh sứ mạng phục vụ chân lý nhằm xây dựng một xã hội xứng với con người, với phẩm giá và ơn gọi của họ. Không có chân lý, con người sẽ rơi vào một nhân sinh quan mang tính thường nghiệm và hoài nghi, không đủ khả năng vượt lên trên bình diện thực tiễn do thiếu quan tâm đến việc nắm bắt các giá trị – đôi khi cả những ý nghĩa của sự vật – là những điều giúp con người phán đoán và điều hướng cuộc sống. Sự trung thành đối với con người đòi buộc sự trung thành với chân lý, vì chỉ có chân lý là điều bảo đảm cho tự do (Ga 8,32) và khả năng phát triển con người toàn diện. Chính vì thế, Giáo hội tìm kiếm chân lý, rao giảng không mệt mỏi và nhìn nhận chân lý bất cứ nơi nào nó biểu lộ. Sứ mạng phục vụ chân lý này đối với Giáo hội là sứ vụ Giáo hội không bao giờ được khước từ. Giáo huấn xã hội của Giáo hội là một phương diện đặc biệt của việc rao giảng này: đó là một sự phục vụ chân lý giải phóng. Mở rộng ra để đón nhận chân lý, dù chân lý này từ đâu đến, giáo huấn xã hội của Giáo hội đón nhận chân lý ấy, thu nhận những mảnh vụn thường bị phân tán vào trong một tổng thể và đưa chân lý ấy vào trong thực tiễn cuộc sống không ngừng thay đổi của các dân tộc và các quốc gia [12].

CHƯƠNG I: SỨ ĐIỆP CỦA POPULORUM PROGRESSIO

10. *Populorum Progression* đã ra đời trên bốn mươi năm, việc đọc lại thông điệp này mời gọi chúng ta phải trung thành với sứ điệp bác ái và sự thật hàm chứa trong đó, đặt thông điệp này trong toàn bộ giáo huấn đặc biệt của Đức Phaolô VI, và tổng quát hơn, trong truyền thống của giáo huấn Giáo hội về xã hội.. Hơn nữa, phải lượng giá các điều kiện khác mà vấn đề phát triển ngày nay phải chạm trán so với 40 năm về trước. Quan điểm đúng đắn là quan điểm của truyền thống đức tin của các Tông đồ [13], là gia sản vừa cũ vừa mới, tách khỏi gia sản này thông điệp *Populorum progressio* sẽ là một tài liệu mất gốc và những vấn đề liên quan đến phát triển bị giản lược thành những dữ kiện xã hội học đơn thuần.

11. Thông điệp *Populorum progressio* – Phát triển các dân tộc - được công bố ngay sau khi bế mạc Công đồng Vaticanô II. Ngay trong những đoạn đầu, Thông điệp xác nhận liên hệ chặt chẽ với Công đồng [14]. Hai mươi năm sau, trong thông điệp SOLLICITUDO REI SOCIALIS – ƯU TƯ VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ XÃ HỘI – Đức Giáo Hoàng Gioan-Phaolô II đến phiên mình, nhấn mạnh liên hệ phong phú của thông điệp này với Công Đồng, đặc biệt với Hiến Chế Mục Vụ GAUDIUM ET SPES [15]. Ở đây cả tôi cũng muốn nhắc đến tầm quan trọng của Công đồng Vaticanô II đối với thông điệp của Đức Giáo Hoàng Phaolô VI và với huấn quyền tiếp nối của các Đức Giáo Hoàng sau này trong vấn đề xã hội. Công đồng đã đào sâu điều vốn vẫn thuộc về chân lý đức tin, tức là Giáo hội, khi phục vụ Thiên Chúa, cũng phục vụ thế giới dựa theo những tiêu chuẩn tình yêu và chân lý. Chính từ nhãn quan này, Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã khai triển để chia sẻ với chúng ta hai chân lý quan trọng. *Chân lý đầu tiên là toàn thể Giáo hội, khi rao giảng, cử hành Bí tích Thánh Thể và hoạt động trong bác ái, trong toàn thể bản chất và hoạt động của mình, phải nhằm vào việc thúc đẩy sự phát triển toàn vẹn con người.* Giáo hội có một vai trò trong đời sống công cộng, vượt trên những hoạt động giáo dục và bác ái: mọi năng lực Giáo hội đem đến cho sự tiến bộ của nhân loại và tình huynh đệ phổ quát được biểu lộ khi Giáo hội có thể hoạt động trong bầu khí tự do. Trong nhiều trường hợp, tự do này bị ngăn cản do luật lệ cấm cản và bách hại hay bị hạn hẹp, khi sự hiện diện công khai của Giáo hội bị giới hạn chỉ trong những công tác bác ái. *Chân lý thứ hai là, sự phát triển đích thực của con người phải quan tâm đến sự toàn diện con người trong mọi chiều kích* [16]. Nếu không có tầm nhìn vào đời sống vĩnh cửu, sự phát triển con người sẽ thiếu vắng sức sống trong thế giới này. Nếu sự phát triển này chỉ hạn hẹp vào trong thế giới này mà thôi, sẽ gặp nguy cơ là chỉ chú tâm vào việc gia tăng của cải; như thế nhân loại sẽ mất đi sự can đảm để sẵn sàng đón nhận những điều thiện hảo cao trọng hơn, để thực hiện những công tác lớn lao, vô vị lợi mà bác ái phổ quát thúc đẩy. Con người không thể tự sức mình để phát triển bản thân, cũng không phải do bên ngoài đưa đến sự phát triển này. Trong dòng lịch sử, người ta thường nghĩ rằng việc tạo ra các cơ chế là đủ để bảo đảm cho nhân loại thỏa mãn quyền phát triển. Tiếc thay người ta đã đặt tin tưởng quá đáng vào các cơ chế này, làm như các cơ chế này sẽ tự động đưa đến thành quả mong ước. Trong thực tế, các cơ chế này tự chúng không đủ, vì sự phát triển toàn vẹn con người trước tiên là một ơn gọi và đòi hỏi mọi người phải nhận trách nhiệm của mình cách tự do và liên đới. Ngoài ra, một sự phát triển như thế đòi buộc phải có một cái nhìn siêu nhiên về con người, cần có Thiên Chúa: không có Thiên Chúa, sự phát triển hoặc sẽ bị phủ nhận hoặc được trao phó cách độc đoán cho con người với ý nghĩ sai lầm rằng con người có thể cứu độ chính mình, cuối cùng ra lại chỉ cổ võ một hình thái phát triển phi nhân. Mặt khác, chỉ qua sự gặp gỡ Thiên Chúa, chúng ta mới có thể thấy được nơi tha nhân điều gì đó lớn hơn một thụ tạo bình thường, tức là nhận ra hình ảnh Thiên Chúa nơi người khác [17] và như thế mới có thể thực sự khám phá người khác và triển khai tình yêu, một tình yêu “chăm sóc kẻ khác vì kẻ khác”[18].

12. Mỗi liên kết giữa thông điệp *Populorum Progressio* và Công đồng Vaticanô II không có nghĩa là giáo huấn xã hội của Đức Phaolô VI đứt đoạn với giáo huấn của các vị giáo hoàng trước, vì Công Đồng đào sâu giáo huấn này trong tính liên tục của đời sống Giáo Hội [19]. Theo nghĩa này, một số phân chia trừu tượng trong giáo huấn xã hội của Giáo hội đã không góp phần làm rõ các vấn đề, vì những phân chia này áp dụng vào giáo huấn xã hội của các giáo hoàng những tiêu chuẩn xa lạ. Không thể có hai loại giáo huấn xã hội khác

nhau, một trước Công Đồng và một sau Công Đồng, nhưng *chỉ có một giáo huấn duy nhất, liên kết chặt chẽ và luôn luôn mới* [20]. Thật vậy, phải chú ý đến những điểm đặc biệt của thông điệp này với thông điệp khác, giáo huấn của vị giáo hoàng với vị giáo hoàng khác, nhưng không bao giờ rời mắt khỏi sự liên kết chặt chẽ của toàn thể Corpus - Tổng thư của giáo huấn [21]. Sự liên kết chặt chẽ không có nghĩa là đúc kết vào một hệ thống, nhưng đúng hơn là sự trung tín năng động với ánh sáng đã được đón nhận. Giáo huấn xã hội của Giáo hội soi sáng các vấn đề luôn luôn mới xuất hiện bằng một ánh sáng không bao giờ thay đổi [22]. Điều này bảo vệ đặc tính liên tục và lịch sử của gia sản giáo thuyết, vốn là thành phần của Truyền thống sống động trong Giáo hội [24]. Giáo huấn xã hội của Giáo hội được xây dựng trên nền tảng được các Tông đồ truyền đạt cho các giáo phụ và được các tiến sĩ nổi tiếng của Hội Thánh tiếp nhận và đào sâu. Giáo huấn này hướng đến Con Người mới, vị Adam cuối cùng, “Đấng là thần khí ban sự sống” (1Cr 15,45) và là nguyên lý của đức ái “không bao giờ tàn tạ” (1Cr 13,8). Giáo huấn này được xác nhận bằng chứng tá của chư thánh và của tất cả những ai dâng hiến cuộc sống mình cho Đức Kitô, Đấng Cứu độ, trong lãnh vực công lý và hòa bình. Trong giáo huấn này chúng ta thấy được trách nhiệm ngôn sứ của các vị giáo hoàng: hướng dẫn Giáo hội Chúa Kitô theo cách thức các tông đồ và nhận ra những đòi hỏi mới mẻ của việc Phúc Âm hóa. Vì những lý do này, thông điệp *Populorum progressio*, được trứ tác trong dòng chảy vĩ đại của truyền thống, vẫn còn nhiều điều có thể nói với chúng ta.

13. Ngoài việc liên hệ đầy ý nghĩa của thông điệp với toàn giáo huấn xã hội của Giáo hội, *thông điệp Populorum progressio gắn kết với toàn bộ giáo huấn của Đức Giáo Hoàng Phaolô VI* và đặc biệt với giáo huấn của ngài trong các vấn đề xã hội. Giáo huấn xã hội này có một tầm quan trọng: nhấn mạnh vai trò tất yếu của Phúc Âm cho việc xây dựng xã hội theo nghĩa tự do và công lý, trong viễn cảnh lý tưởng và lịch sử của một nền văn minh được tình yêu tác động. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI hiểu rõ rằng, vấn đề xã hội đã bao trùm cả thế giới [25]; ngài nắm bắt được mối liên hệ hỗ tương giữa nỗ lực hướng đến sự hiệp nhất nhân loại và lý tưởng Kitô giáo về một gia đình duy nhất bao gồm các dân tộc sống trong tình liên đới và huynh đệ. Ngài cho việc phát triển theo nghĩa nhân bản và Kitô giáo là trọng tâm giáo huấn xã hội của Giáo hội và đề nghị bác ái Kitô giáo như sức mạnh chính yếu để phục vụ cho việc phát triển. Với khao khát làm cho người đồng thời của mình thấy được tình yêu của Chúa Kitô, Đức Giáo Hoàng Phaolô VI vững vàng đối mặt với những vấn đề đạo đức, không chiều theo những yếu đuối của văn hóa thời đại.

14. Trong Tông thư OCTAGESIMA ADVENIENS vào năm 1971, Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đề cập đến ý nghĩa của chính trị và *mối nguy hiểm do những nhân giới mang tính ảo tưởng và ý thức hệ*, đe dọa những chiều kích đạo đức và nhân bản trong chính trị. Đây là những vấn đề liên kết chặt chẽ với sự phát triển. Tiếc rằng những ý thức hệ tai hại vẫn không ngừng nở rộ. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã khuyến cáo về nguy hiểm to lớn của chủ trương kỹ trị, đang rất phổ biến ngày nay khi trao phó toàn bộ tiến trình phát triển chỉ cho kỹ thuật mà thôi [26], vì theo cách thức này sẽ không có định hướng cho sự phát triển. Kỹ thuật có hai mặt. Một mặt, nếu ngày nay vẫn có xu hướng hoàn toàn tin tưởng phó thác tiến trình phát triển cho kỹ thuật, thì mặt khác, người ta nhận thấy những ý thức hệ xuất hiện, phủ nhận hoàn toàn sự hữu ích của phát triển, xem sự phát triển như phi nhân bản và sẽ đưa tất cả vào sa đọa. Cuối cùng, xu hướng này kết án không những định hướng đôi khi sai lệch và bất công mà người ta gán cho phát triển, nhưng còn lên án cả những khám phá khoa học, lẽ ra nếu được sử dụng đúng đắn, sẽ đưa đến cơ hội phát triển cho mọi người. Quan niệm về một thế giới không có phát triển nói lên sự thiếu tin tưởng vào con người và Thiên Chúa. Đó là một sai lầm nặng nề, khi đánh giá thấp những khả năng của con người trong việc kiểm soát những lệch lạc trong phát triển, hay quên rằng con người ở tự thân luôn hướng đến một “hiện hữu phong phú hơn”. Tuyệt đối hóa phát triển kỹ thuật theo ý thức hệ hay khao khát cách ảo tưởng về một nhân loại quay trở về tình trạng nguyên thủy là hai cách thức tương phản nhau, nhưng đều tách biệt sự phát triển khỏi giá trị luân lý và qua đó khỏi trách nhiệm của chúng ta.

15. Hai tài liệu tiếp theo của Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, tuy không có mối liên hệ trực tiếp với giáo huấn xã hội – Thông điệp HUMANAE VITAE ngày 25.7.1968 và Tông Huấn EVANGELII NUNTIANDI ngày 8.12.1975 – cũng rất quan trọng, vì nói lên nội dung sự phát triển con người toàn diện theo đề nghị của Giáo hội. Vì thế cần phải đọc hai bản văn này trong sự liên kết với thông điệp *Populorum progressio*.

Thông điệp HUMANAE VITAE nhấn mạnh ý nghĩa hai mặt của tính dục là sự kết hợp và sinh sản, xây dựng xã hội trên nền tảng của đôi vợ chồng, người nam và người nữ, cả hai đón nhận nhau trong sự khác biệt và bổ túc cho nhau; như thế đôi vợ chồng mở ra cho sự sống [27]. Đây không phải chỉ là luân lý cá nhân: Thông điệp HUMANAE VITAE cho thấy những *liên hệ chặt chẽ giữa đạo đức của sự sống và đạo đức xã hội*, khai mở một đề tài giáo huấn được triển khai trong nhiều tài liệu của huấn quyền, và cuối cùng trong thông điệp EVANGELIUM VITAE của Đức Giáo Hoàng Gioan-Phaolô II [28]. Giáo hội nhấn mạnh sự liên hệ giữa đạo đức của sự sống và đạo đức xã hội, vì Giáo hội biết rằng: “một xã hội sẽ không thể có nền tảng vững chắc khi một đảng khăng định những giá trị như phẩm giá con người, công lý và hòa bình, nhưng đảng khác, lại hành động ngược lại khi chấp nhận hay nhân nhượng những hình thức khinh rẻ và xúc phạm đến sự sống của con người, nhất là đối với những sự sống yếu đuối hay bị gạt ra bên lề” [29].

Tông huấn EVANGELII NUNTIANDI liên kết chặt chẽ với phát triển – như Đức Giáo Hoàng Phaolô VI viết – “sẽ không thể có việc Phúc Âm hóa trọn vẹn nếu không chú ý đến những liên hệ cụ thể và thường trực hiện hữu giữa Tin Mừng và đời sống cá nhân và xã hội của con người” [30]. “Có những liên hệ thực sự giữa việc Phúc Âm hóa và đòi hỏi nhân bản – phát triển và giải phóng” [31]. Từ nhận thức này, Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đặt liên hệ rõ ràng giữa việc rao giảng Đức Kitô với đòi hỏi của con người trong xã hội. *Làm chứng cho tình yêu của Đức Kitô qua các công việc xây dựng công lý, hòa bình và phát triển, là thành phần của việc Phúc Âm hóa*, vì đối với Đức Giêsu Kitô, Đấng yêu thương chúng ta, con người trọn vẹn rất quan trọng. Khía cạnh truyền giáo [32] trong giáo huấn xã hội của Giáo hội như yếu tố chính yếu của việc Phúc Âm hóa đều đặt nền tảng trên những giáo huấn quan trọng này [33]. Giáo huấn xã hội của Giáo hội loan báo và làm chứng cho đức tin. Đó là khí cụ và khung cảnh tất yếu của việc giáo dục đức tin.

16. Trong thông điệp *Populorum progressio*, Đức Giáo Hoàng Phaolô VI muốn nói với chúng ta, sự phát triển căn cứ theo nguồn gốc và bản chất của nó là một ơn gọi: “Theo chương trình của Thiên Chúa, mỗi người được kêu gọi để tự phát triển; chỉ vì toàn cuộc sống là ơn gọi” [34]. Chính điều này cho phép Giáo hội can thiệp vào những vấn nạn của phát triển. Nếu sự phát triển chỉ liên quan đến những khía cạnh thuần túy kỹ thuật của đời sống con người, chứ không liên quan gì đến ý nghĩa của đời sống con người qua dòng lịch sử cùng với những con người khác, hoặc không liên quan gì đến việc xác định mục tiêu của đời sống con người, thì Giáo hội không có quyền gì để nói lên những điều này. Cũng như Đấng tiền nhiệm của ngài là Đức Giáo Hoàng Lêô XIII trong thông điệp RERUM NOVARUM [35], Đức Giáo Hoàng Phaolô VI ý thức rằng phải chu toàn một trách nhiệm trong triều đại ngài, đó là đem ánh sáng Phúc Âm rọi vào các vấn đề xã hội thời của ngài [36].

Nhìn *phát triển như một ơn gọi* có nghĩa là một mặt, phải công nhận phát triển xuất phát từ một ơn gọi siêu vượt và mặt khác, phát triển không tự đem đến cho mình ý nghĩa tối hậu được. Không phải là không có lý khi thuật ngữ “ơn gọi” xuất hiện trong một đoạn khác của thông điệp, trong đó nói rằng: “Không có chủ nghĩa nhân bản đích thực nào mà không mở ra với Tuyệt Đối và ý thức về ơn gọi đã ban tặng cho đời sống con người ý nghĩa đích thực” [37]. Cái nhìn về sự phát triển này là trọng tâm của thông điệp *Populorum progressio* và động viên mọi suy tư của Đức Giáo Hoàng Phaolô VI về tự do, chân lý và bác ái trong sự phát triển. Đó cũng là lý do chính yếu làm cho thông điệp này vẫn còn mang tính thời sự.

17. Ơn gọi là tiếng kêu đòi hỏi phải có một câu trả lời tự do và có trách nhiệm. *Sự phát triển toàn diện con người giả thiết sự tự do có trách nhiệm của mỗi con người và của các dân tộc*. Không một cơ cấu nào có thể bảo đảm cho sự phát triển này, nếu như bỏ qua

hay vượt trên trách nhiệm con người. Những thứ chủ nghĩa cứu thế hứa hẹn đủ điều nhưng chỉ tạo ra những ảo tưởng [38] vì đưa ra những đề nghị dựa trên việc phủ nhận chiều kích siêu việt của phát triển, cho rằng việc phát triển hoàn toàn nằm trong tầm tay của mình. Sự bảo đảm sai lệch này sẽ chuyển thành những yếu kém, vì kéo theo việc nô lệ con người, hạ thấp con người thành một phương tiện cho việc phát triển, trong khi sự khiêm tốn của người đón nhận ơn gọi sẽ được biến đổi thành sự tự lập đích thực vì nó làm cho con người thành tự do. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI không nghi ngờ rằng sẽ có những chướng ngại và hoàn cảnh làm chậm lại sự phát triển, nhưng ngài cũng chắc chắn rằng “mỗi người sẽ là tác nhân chính yếu cho thành công hay thất bại của mình, dù các ảnh hưởng có đè nặng trên họ” [39]. Sự tự do này không chỉ liên quan đến hình thái phát triển chúng ta đang xem xét nhưng còn liên quan đến cả những hoàn cảnh kém phát triển, không do tình cờ hay tất yếu lịch sử, mà do trách nhiệm của con người. Đó là lý do tại sao “các dân tộc đang đau khổ vì đói kém...kêu gọi khẩn thiết các dân tộc giàu có” [40]. Đó cũng là tiếng gọi của những chủ thể tự do gửi đến những chủ thể tự do khác để cùng nhau lãnh nhận trách nhiệm. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã có một ý thức sắc bén về tầm quan trọng của các cơ cấu và cơ chế kinh tế, nhưng ngài cũng nhận thức rõ bản chất của những cơ cấu và cơ chế này chỉ là những dụng cụ phục vụ cho sự tự do của con người. Chỉ khi có tự do, sự phát triển mới có thể là phát triển con người toàn diện; chỉ trong bầu khí tự do có trách nhiệm, phát triển mới có thể gia tăng cách thỏa đáng.

18. Ngoài sự đòi buộc tự do, *sự phát triển toàn diện con người được xem như ơn gọi cũng đòi buộc tôn trọng chân lý*. Ơn gọi hướng đến sự phát triển thúc đẩy con người “phải hoạt động nhiều hơn, nhận thức nhiều hơn, chiếm hữu nhiều hơn để hiện hữu phong phú hơn [41]. Vấn đề được nêu lên: hiện hữu phong phú hơn nghĩa là gì? Đức Giáo Hoàng Phaolô VI trả lời câu hỏi này khi ngài chỉ cho thấy phẩm chất chính yếu của sự phát triển đích thực: phát triển phải toàn diện, phải đem thiện hảo đến cho con người toàn diện và cho tất cả mọi người [42]. Giữa những quan niệm về con người đang cạnh tranh nhau trong xã hội hôm nay, và còn nhiều hơn nữa vào thời Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, cái nhìn của Kitô giáo có điểm đặc thù là vừa củng cố vừa khẳng định giá trị vô điều kiện của nhân vị và ý nghĩa của việc phát triển con người. Ơn gọi Kitô giáo hướng đến việc phát triển giúp thúc đẩy sự tiến bộ của tất cả mọi người và của con người toàn diện. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI viết: “Điều quan trọng đối với chúng ta là con người, mỗi một người và mỗi nhóm người, và bao hàm toàn thể loài người” [43]. Khi thúc đẩy sự phát triển, đức tin Kitô giáo không dựa vào đặc quyền hay vị trí quyền lực cũng không dựa vào công trạng của các Kitô hữu, chắc chắn đã có và hiện có cho dù có những ranh giới tự nhiên [44], nhưng chỉ dựa vào Đức Kitô, Đấng mà mọi ơn gọi đích thực cho sự phát triển toàn vẹn con người đều qui về. Tin Mừng là yếu tố nền tảng cho sự phát triển, chỉ vì trong đó Đức Kitô “biểu lộ trọn vẹn con người trong mạc khải về mầu nhiệm Thiên Chúa Cha và tình yêu của Người với nhân loại” [45]. Nhờ Chúa chỉ dạy, Giáo hội đào sâu các dấu chỉ của thời đại, giải thích chúng và trình bày cho thế gian “điều thực cốt lõi: một cái nhìn bao quát về con người và nhân loại” [46]. Chính vì Thiên Chúa nói lên tiếng “vâng” với con người [47], nên con người không thể từ chối mở rộng tâm hồn để đón nhận ơn gọi của Thiên Chúa nhằm thực hiện sự phát triển của mình. Chân lý về sự phát triển hệ tại ở tính toàn thể: nếu như sự phát triển không nhằm con người trọn vẹn và từng người một, thì đó không phải là phát triển đích thực. Đó là Sứ điệp trọng tâm của thông điệp *Populorum progressio*, vẫn còn giá trị cho hôm nay và mãi mãi. Việc phát triển toàn vẹn con người trong chiều kích tự nhiên là lời đáp trả trước tiếng gọi của Thiên Chúa sáng tạo [48]. Sự phát triển đó đòi hỏi sự hoàn thành bản thân “nhờ chủ thuyết nhân bản siêu việt đem lại cho con người sự tròn đầy cao độ nhất: đó là mục đích và ý nghĩa cuối cùng của sự phát triển con người” [49]. Do đó, ơn gọi Kitô giáo hướng đến việc phát triển này đụng chạm không những đến bình diện tự nhiên mà còn cả bình diện siêu nhiên; đó là lý do tại sao: “khi đẩy Thiên Chúa vào trong bóng tối, khả năng của chúng ta sẽ chao đảo không còn nhận ra trật tự tự nhiên, mục đích và sự “thiện” [50].

19. Cuối cùng, quan niệm về sự phát triển như ơn gọi đòi buộc *bác ái phải nằm ở trọng tâm của sự phát triển này*. Trong thông điệp *Populorum progressio*, Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã cho thấy những nguyên nhân của việc chậm phát triển không chủ yếu nằm trong trật tự vật chất. Ngài mời gọi chúng ta phải tìm những nguyên nhân đó trong những chiều kích khác của con người. Trước tiên là trong ý chí, thường xao nhãng những trách nhiệm liên đới. Thứ đến trong suy tư, đã không định hướng ý muốn cho đúng đắn. Vì thế, khi theo đuổi sự phát triển, cần có tư tưởng và suy nghĩ của những người khôn ngoan trong việc tìm một chủ thuyết nhân bản mới, giúp con người hôm nay tìm lại được chính mình” [51]. Nhưng đó không phải là tất cả. Việc kém phát triển có một nguyên nhân còn quan trọng hơn là thiếu suy nghĩ: đó là “thiếu tình huynh đệ giữa con người và giữa các dân tộc” [52]. Con người có thể đạt được tình huynh đệ này tự cố gắng của mình hay không? Xã hội càng ngày càng đi đến toàn cầu hóa giúp chúng ta gần gũi nhau, nhưng chưa làm cho chúng ta thành anh em với nhau. Lý trí ở tự nó có thể hiểu sự bình đẳng giữa con người và thiết lập một đời sống dân sự ổn định, nhưng không thể tạo được tình huynh đệ. Tình huynh đệ này bắt nguồn từ ơn gọi siêu việt của Thiên Chúa Cha, Đấng yêu thương chúng ta trước và dạy dỗ chúng ta qua Người Con để biết bác ái huynh đệ là gì. Trong việc trình bày tiến trình phát triển con người dưới nhiều mức độ, sau khi đã gọi lên đức tin, Đức Giáo Hoàng Phaolô VI nói lên đỉnh điểm là “sự hiệp nhất trong tình yêu của Chúa Kitô, Đấng kêu gọi mọi người như con cái chia sẻ vào cuộc sống của Thiên Chúa sống động, là Cha của mọi người” [53].

20. Những viễn cảnh do thông điệp *Populorum progressio* khai mở vẫn luôn là nền tảng mang lại niềm phấn khởi và định hướng cho việc dần thân phát triển các dân tộc. Ngoài ra Thông điệp còn luôn nhấn mạnh đến sự khẩn thiết phải canh tân [54] và kêu gọi phải hành động cách can đảm và không ngần ngại khi đối mặt với những vấn đề lớn lao của sự bất công trong việc phát triển các dân tộc. Chính tình yêu trong sự thật kêu gọi sự khẩn thiết này. Tình yêu của Chúa Kitô thúc bách chúng ta “CARITAS CHRISTI URGET NOS” (2Cr 5,14). Sự khẩn thiết không những nằm nơi các dữ kiện, cũng không xuất phát từ sức ép của các biến cố hay vãn nạn, nhưng từ chính vấn đề đang được quan tâm: sự thực hiện một tình huynh đệ đích thực. Tầm quan trọng của mục đích này đòi hỏi chúng ta mở trí để hiểu cho sâu và huy động bản thân từ bên trong, để bảo đảm rằng tiến trình xã hội và kinh tế hiện nay sẽ hướng đến những kết quả đầy tính nhân bản.

CHƯƠNG II: PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI TRONG THỜI ĐẠI CHÚNG TA

21. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI có *cái nhìn rất rõ ràng về phát triển*. Với thuật ngữ “phát triển”, ngài muốn cho chúng ta thấy mục đích trước tiên là giúp các dân tộc chiến thắng nghèo đói, khổ ải, những bệnh truyền nhiễm và tình trạng mù chữ. Từ quan điểm kinh tế, điều này có nghĩa là sự tham gia tích cực của các dân tộc vào đời sống kinh tế quốc tế với những điều kiện bình đẳng; từ quan điểm xã hội, điều này có nghĩa là các dân tộc tiến đến chỗ trở thành những xã hội có giáo dục được ghi dấu bằng tình liên đới; từ quan điểm chính trị, điều này có nghĩa là sự củng cố những chế độ dân chủ có khả năng bảo đảm tự do và hòa bình. Sau bấy nhiêu năm, chúng tôi thực sự lo lắng khi thấy các cơn khủng hoảng cứ gia tăng tiếp nối trong thời đại chúng ta cũng như hậu quả của chúng; chúng tôi tự hỏi, những sự mong chờ của Đức Giáo Hoàng Phaolô đã được thỏa mãn đến mức độ nào dựa theo mẫu phát triển được áp dụng trong những thập niên cuối cùng này. Do đó, chúng ta nhận ra rằng Giáo hội có lý khi âu lo về khả năng của một xã hội thuần kỹ thuật, tự đặt cho mình mục đích thực tế và những phương tiện sử dụng trong tầm tay. Lợi nhuận cũng hữu ích nếu được xem là phương tiện hướng đến mục đích, và mục đích ấy đem lại ý nghĩa cho việc sản xuất cũng như sử dụng. Một khi lợi nhuận trở thành mục tiêu duy nhất, nếu lợi nhuận được làm ra bằng những phương thế không thích hợp và không nhắm đến công ích như mục đích tối hậu, thì lợi nhuận có nguy cơ hủy diệt sự giàu có và tạo ra nghèo đói. Sự phát triển kinh tế được Đức Giáo Hoàng Phaolô VI nhắm đến phải sản sinh một sự tăng trưởng thực sự dành cho mọi người và tồn tại cụ thể. Thực sự là đã có sự tăng trưởng và

sự tăng trưởng đó đã là và sẽ là một yếu tố tích cực để giải thoát cả tỷ con người khỏi khổ ải và cuối cùng sẽ đem lại cho nhiều đất nước khả năng trở thành những đối tác hữu hiệu trong lãnh vực chính trị quốc tế. Dù vậy, phải nhìn nhận rằng sự tăng trưởng kinh tế như thế đã và vẫn bị đe dọa vì những xáo trộn và những vấn đề bi thảm, và còn nổi cộm hơn nữa trong hoàn cảnh khủng hoảng hiện tại. Cơ cấu khủng hoảng này buộc chúng ta phải đứng trước những quyết định liên hệ chặt chẽ với vận mệnh con người, vận mệnh này không thể tách ra khỏi bản chất của con người được. Những sức mạnh kỹ thuật được áp dụng, những mối tương tác mang tính toàn cầu, những hậu quả tai hại trên nền kinh tế thật sự của một hoạt động tài chính bị áp dụng sai lệch và hơn nữa, một số đông làn sóng di tản, thường bị khơi dậy do một vài hoàn cảnh đặc thù rồi không được quan tâm đúng mức, sự khai thác cách độc đoán các tài nguyên – tất cả những điều này bắt chúng ta phải suy nghĩ về những mức độ cần thiết để giải quyết những vấn đề không những mới so với thời của Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, nhưng còn có ảnh hưởng quyết định đến thiện ích hiện tại và tương lai của nhân loại. Những khía cạnh khác nhau của cơ cấu khủng hoảng, những cách giải quyết, cũng như bất cứ sự phát triển mới mẻ nào trong tương lai, đều liên kết với nhau nhiều hơn, lệ thuộc vào nhau, đòi buộc những cố gắng mới để nhận định cách tổng thể và một tổng hợp mới về nhân bản. Tính phức tạp và tầm quan trọng của cuộc khủng hoảng kinh tế hiện tại gây âu lo cho chúng ta, nhưng chúng ta phải chọn thái độ thực tế khi đón nhận những trách nhiệm mới mẻ với niềm tin tưởng và hy vọng, với những trách nhiệm này chúng ta phải nhìn thấy viễn ảnh một thế giới đang cần có một cuộc canh tân văn hóa sâu xa và việc tái khám phá những giá trị nền tảng, dựa vào đó có thể xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn. Cuộc khủng hoảng đòi buộc chúng ta phải vạch một con đường mới, đưa ra những lề luật mới và tìm những hình thức mới để dẫn thân, định hướng trên những kinh nghiệm tích cực và loại bỏ những kinh nghiệm tiêu cực. Do đó, khủng hoảng trở thành cơ may để phân định, định hình cho một nhãn quan mới về tương lai. Trong nhãn quan tin tưởng hơn là do dự này, thật là thích hợp khi bàn đến các khó khăn hiện tại.

22. Bức tranh phát triển ngày nay có *nhiều lớp chồng chéo lên nhau*. Những động lực và các nguyên nhân của chậm tiến cũng như việc phát triển cũng rất đa dạng, công và tội cũng như thế. Sự kiện này thúc đẩy chúng ta phải thoát ra khỏi các ý thức hệ thường đơn giản hóa thực tế cách giả tạo. Sự kiện đó cũng đưa ta đến chỗ phải xem xét cách khách quan chiều kích nhân bản của các vấn đề. Làn ranh phân định giữa các nước giàu nghèo không còn rõ rệt như thời thông điệp *Populorum progressio*, như Đức Giáo Hoàng Gioan-Phaolô II đã chỉ cho thấy [55]. *Sự giàu có trong thế giới gia tăng ở mức độ rất cao, nhưng những sự bất bình đẳng cũng gia tăng lớn lao*. Trong các nước giàu, nhiều thành phần xã hội mới đang sa sút, từ đó nảy sinh các hình thức mới của nghèo khổ. Trong những vùng nghèo hơn, một số nhóm được hưởng sự phát triển cao độ, tiêu thụ và phung phí, đối nghịch một cách không thể chấp nhận được với những hoàn cảnh thường xuyên đầy đau khổ phi nhân. Tình trạng “cớ vấp phạm của bất công vẫn đang kêu gào” [56]. Tiếc thay, tham nhũng và bất tuân luật pháp vẫn tồn tại trong lối sống của những người đại diện kinh tế và chính trị trong những nước giàu cũ cũng như mới, cũng như trong những nước nghèo. Đôi khi những công ty đa quốc gia hay những nhóm sản xuất địa phương không tôn trọng quyền lợi nhân bản của những người lao động. Những sự trợ giúp quốc tế thường làm sai lệch mục đích vì những hành động thiếu trách nhiệm trong giới người cho cũng như những người nhận. Trên bình diện những nguyên nhân phi vật chất hay văn hóa của việc phát triển hay chậm phát triển, chúng ta cũng có thể nhận thấy những chuỗi trách nhiệm như thế. Có những hình thức bảo vệ kiến thức của những nước giàu qua việc áp dụng chặt chẽ quyền sở hữu tri thức, đặc biệt trong lãnh vực y tế. Đồng thời trong vài nước nghèo cũng có những mẫu văn hóa và luật lệ xã hội làm chậm tiến trình phát triển.

23. Ngày nay, dù không vững chắc và không thuần nhất, nhiều vùng trên trái đất đã phát triển và bước vào vòng những quyền lực mạnh mẽ, giữ một vai trò quan trọng trong tương lai. Dù vậy, phải nhấn mạnh rằng, *nếu chỉ phát triển về mặt kinh tế và kỹ thuật thì không đủ*. Sự phát triển cần phải đích thực và toàn diện. Việc bước ra khỏi tình trạng chậm

phát triển về mặt kinh tế, dù tự nó là một sự kiện tích cực, sẽ không giải quyết được những vấn đề phức tạp liên quan đến sự tiến bộ của con người: không những không giải quyết được trong những đất nước được hưởng trực tiếp những thành quả tiên tiến, mà cũng không đối với những nước còn nghèo đói, những nước phải đau khổ không những dưới những hình thức bóc lột trong quá khứ, nhưng còn dưới những hậu quả tiêu cực của một sự phát triển trệch hướng và bất bình đẳng.

Sau sự sụp đổ những hệ thống kinh tế và chính trị của những nước cộng sản Đông Âu và chấm dứt điều thường được gọi là “*những khối chống đối*”, người ta cần có một suy tư mới mang tính toàn cầu về phát triển. Đó là điều Đức Giáo Hoàng Gioan-Phaolô II yêu cầu vào năm 1987; ngài đã cho thấy sự hiện hữu “những khối” này như một trong những nguyên nhân chính làm chậm phát triển [57] vì chính trị đã rút ruột tài nguyên kinh tế và văn hóa, và ý thức hệ bóp chết tự do. Vào năm 1991, sau những biến cố của năm 1989 khi các khối chấm dứt, ngài đòi hỏi một chương trình toàn cầu về phát triển, không những cho những nước này, nhưng cả phương Tây và trong những phần thế giới trên đà phát triển [58]. Điều này mới chỉ thực hiện được một phần và vẫn còn là một trách nhiệm thật sự cần được đảm nhận, có lẽ nhờ những chọn lựa cần thiết để vượt qua những vấn đề kinh tế hiện hành.

24. Thế giới vào thời của Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, cho dù xã hội đã tiến triển đến mức ngài có thể nói về vấn đề xã hội mang tính toàn cầu, vẫn chưa tiến triển như ngày hôm nay. Hoạt động kinh tế và phạm vụ chính trị phần lớn được thực hiện trong cùng một không gian và có thể nương tựa lẫn nhau. Hoạt động sản xuất diễn ra trong ranh giới quốc gia và những việc đầu tư tài chính có một vòng xoay hạn hẹp ở ngoại quốc, đến độ chính trị của nhiều quốc gia đặt ưu tiên trên kinh tế, và một cách chắc chắn, có thể điều chỉnh tiến trình với những phương tiện sẵn có. Vì lý do này, Thông điệp *Populorum progressio* đặt một vai trò quan trọng cho “quyền lực công cộng” [59], nhưng không độc đoán.

Trong thời đại chúng ta, Nhà Nước phải đối mặt với những giới hạn áp đặt trên quyền hành của mình, do bối cảnh mới mang tính quốc tế về mặt thương mại và tài chính – một bối cảnh được đánh dấu bằng sự cơ động gia tăng của ngân sách tài chính và những phương tiện sản xuất về mặt vật chất lẫn phi vật chất. Bối cảnh mới mẻ này đã thay đổi quyền lực chính trị của các Nhà Nước.

Ngày nay, khi suy tư về những bài học mà cơn khủng hoảng kinh tế hiện hành đem đến, trong đó quyền lực công cộng phải trực tiếp lo lắng để sửa lại các sai lầm và kinh tế suy thoái, việc đánh giá lại vai trò và quyền lực của Nhà Nước xem ra cụ thể hơn; vai trò cũng như quyền lực của Nhà Nước cần được xem xét và cấu trúc lại, sao cho có thể đáp trả những thách đố trong thế giới hôm nay, nhờ những hình thức dẫn thân mới. Với vai trò được điều chỉnh lại tốt hơn của quyền lực công cộng, người ta hy vọng rằng những hình thức mới của việc tham gia vào chính trị quốc gia và quốc tế được củng cố hơn, những hình thức này được hiện thực nhờ hoạt động của các tổ chức đang làm việc trong các xã hội dân sự. Theo nghĩa này, hy vọng rằng sự chú tâm và tham gia tích cực của các công dân vào công việc chung (*res publica*) được phát triển rộng rãi hơn.

25. Từ quan điểm xã hội, những hệ thống bảo vệ và tiên liệu, vốn đã có trong nhiều quốc gia từ thời Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, thấy rất khó và trong tương lai còn khó hơn nữa để theo đuổi mục đích xây dựng một sự công bằng xã hội thực sự trong khung kinh tế đã thay đổi sâu xa. Thị trường mang tính toàn cầu thúc đẩy các nước giàu đi tìm những vùng đất, ở đó có thể sản xuất các sản phẩm với giá rẻ, hạ giá thành nhiều sản phẩm, gia tăng sức mua lên cao và nhờ đó nâng cao tỷ suất tăng trưởng căn cứ trên sự tiêu thụ càng lớn dần trong một thị trường nội địa. Hậu quả là thị trường kích thích những hình thức đua tranh giữa các quốc gia nhằm thu hút đầu tư nước ngoài thiết lập các trung tâm sản xuất, với những phương thức khác nhau – trong đó có chế độ thu thuế thuận lợi và làm rối loạn thị trường lao động. Tiến trình này đưa đến việc tìm kiếm những ưu thế cạnh tranh lớn hơn trên thương trường quốc tế, sẽ phải trả giá bằng việc hạn hẹp mạng lưới bảo vệ xã hội, sẽ đưa đến nguy hiểm trầm trọng cho quyền lợi của các công nhân, các quyền lợi căn bản của con

người và sự liên đới được thực hiện qua các hình thức truyền thống của Nhà Nước dân sự. Các hệ thống an ninh xã hội sẽ mất khả năng thực hiện trách nhiệm của mình, không những trong các nước nghèo, nhưng cả trong những nước mới phát triển cũng như trong những nước đã phát triển từ lâu. Trong những nơi đó, những chính sách tiền tệ với những cắt giảm chi phí xã hội do sức ép của các tổ chức tài chính quốc tế, làm cho người dân thành bất lực khi phải đối mặt với những nguy cơ cũ cũng như mới; sự bất lực này còn dâng cao do không được bảo vệ hữu hiệu về phía những hiệp hội các công đoàn. Do toàn bộ những sự thay đổi về xã hội và kinh tế tác động, các tổ chức công đoàn sẽ gặp những thử thách lớn, khó chu toàn vai trò đại diện cho lợi ích của các công nhân, cũng vì các chính quyền, do nhu cầu kinh tế, đã hạn hẹp những tự do hay khả năng thương thảo của các nghiệp đoàn. Những mạng lưới liên đới truyền thống phải luôn vượt lên trên những ngăn trở nghiêm trọng ngày càng gia tăng. Do đó, đề nghị của giáo huấn xã hội Công Giáo – bắt đầu với thông điệp *Rerum Novarum* [60] – kêu gọi các công đoàn lao động đứng lên để bảo vệ quyền lợi cho cuộc sống của mình, ngày nay còn cấp bách hơn nữa, để đưa ra một câu trả lời nhanh và có tầm nhìn xa hơn trước nhu cầu khẩn thiết phải có những hình thức hợp tác mới không những cho địa phương, nhưng cả về mặt quốc tế.

Tính cơ động của lao động liên kết với việc rối loạn phổ biến, tạo thành một hiện tượng quan trọng cũng có vài khía cạnh tích cực vì có thể kích thích sản xuất và trao đổi văn hóa. Dù vậy, khi có sự bất ổn về các điều kiện lao động do tiến trình cơ động và xáo trộn, sẽ xuất hiện nhiều hình thức bất ổn về mặt tâm lý, những khó khăn để hoạch định đời sống, ngay cả trong hôn nhân. Từ đó sẽ có những hoàn cảnh không những phung phí sức lực xã hội, mà cả việc sa đọa về mặt con người. So sánh với những tổn thất của xã hội công nghiệp trong quá khứ, sự thất nghiệp ngày hôm nay sẽ kéo theo những hình thức loại trừ mới về mặt kinh tế, và cơn khủng hoảng hiện tại sẽ làm cho hoàn cảnh thêm tệ hơn. Việc thất nghiệp một thời gian dài hay sự lệ thuộc vào sự trợ giúp công khai hay tư nhân, sẽ đánh mất tự do và tính sáng tạo của cá nhân, cũng như những liên hệ gia đình và xã hội, đem đến những đau khổ nặng nề trên bình diện tâm lý lẫn tinh thần. Tôi muốn nhắc nhớ mọi người, đặc biệt là những người cai trị, những người cố gắng đem lại cho trật tự kinh tế và xã hội thế giới một gương mặt mới, trọng tâm cần được bảo vệ và được đánh giá cao của con người, chính là nhân vị trong sự trọn vẹn của mình: “Thực vậy, con người chính là tác giả, trung tâm và mục đích tất cả đời sống kinh tế – xã hội”.

26. Trên bình diện văn hóa, so sánh với thời của Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, sự khác biệt còn gây ấn tượng nhiều hơn nữa. Phải nói rằng, vào thời đó, các nền văn hóa được xác định tương đối rõ ràng và có nhiều cơ hội để tự bảo vệ trước những tấn công san bằng văn hóa. Ngày nay, những khả năng *tương tác giữa các nền văn hóa* đã gia tăng đáng kể và tạo không gian cho những viễn cảnh mới của việc đối thoại liên văn hóa – một cuộc đối thoại để có thể tạo được nhiều hiệu quả – đòi hỏi cả hai phía trao đổi một ý thức sâu xa về căn tính của mình. Dù vậy, người ta cũng phải chú ý tình trạng thương mại hóa việc trao đổi văn hóa sẽ đem lại một nguy hiểm có hai mặt. Trước tiên người ta thấy có một chủ nghĩa chiết trung về mặt văn hóa (*kultureller Ekletizismus – un éclectisme culture – culrural ecleticism*) thường được đón nhận một cách không phê phán: các nền văn hóa cứ được đặt cạnh nhau, xem như có thể trao đổi giữa nhau vì có cùng giá trị theo bản chất. Điều này sẽ dẫn tới việc rơi vào chủ nghĩa tương đối, một chủ nghĩa không giúp gì nhiều cho việc trao đổi văn hóa đích thực; trên bình diện xã hội, chủ nghĩa tương đối tạo ra một đời sống tách biệt, sống cạnh nhau của những nhóm văn hóa không có đối thoại đích thực và cũng không có sự hội nhập thực sự. Thứ đến, còn có nguy cơ đối nghịch hẳn lại, đó là nguy cơ đưa đến việc san bằng văn hóa và đồng nhất các thái độ và cách sống. Theo cách này, ý nghĩa sâu xa của nền văn hóa của các quốc gia khác nhau và các truyền thống của nhiều dân tộc khác nhau sẽ bị đánh mất, những nền văn hóa và truyền thống xa xưa đã giúp con người đối mặt với những vấn nạn cơ bản của đời sống [62]. Chủ nghĩa chiết trung và san bằng văn hóa đều nhằm vào việc tách biệt văn hóa ra khỏi bản tính con người. Như thế các nền văn hóa không còn tìm được tiêu chuẩn của mình nơi chúng đã xuất phát [63] và cuối

cùng giảm thiểu con người thành một dữ kiện văn hóa. Nếu như điều này được thực hiện, nhân loại sẽ gặp nhiều nguy hiểm mới là sẽ bị nô lệ và bị thao túng.

27. Trong nhiều nước nghèo, đời sống con người hết sức bất ổn do sự thiếu hụt lương thực, đưa đến nguy cơ ngày càng nặng nề hơn: nạn đói vẫn hành hạ không biết bao nhiêu người giống như Lazarô xưa, không được phép ngồi đồng bàn với các kẻ giàu – như Đức Giáo Hoàng Phaolô VI mong muốn [64]. “*Cho kẻ đói ăn*” (Mt 25,35.37.42) là mệnh lệnh luân lý cho Giáo hội toàn cầu, để đáp lại lời giáo huấn về tình liên đới và chia sẻ của Đấng sáng lập là Đức Giêsu Kitô. Hơn nữa diệt trừ sự nghèo đói trên thế giới trong thời đại toàn cầu hóa đã trở thành mục tiêu phải theo đuổi cách khẩn thiết để bảo đảm hòa bình và bền vững trên trái đất. Tình trạng nghèo đói không lệ thuộc vào sự thiếu thốn vật chất cho bằng sự thiếu thốn về những tài nguyên xã hội mà quan trọng nhất là cơ chế. Nói cách khác, cái thiếu sót là một mạng lưới các cơ chế kinh tế, có khả năng bảo đảm việc chuyển đạt đều đặn những phẩm vật dinh dưỡng quan trọng như nước và lương thực, cũng như có thể giải quyết những nhu cầu cơ bản và khẩn cấp, thường xảy ra trong trường hợp khủng hoảng lương thực thật sự; các khủng hoảng này có thể do các nguyên nhân tự nhiên hay cũng có thể do sự thiếu trách nhiệm về mặt chính trị quốc gia hay quốc tế. Vấn đề bất ổn về mặt lương thực cần được quan tâm giải quyết trong một viễn cảnh lâu dài, loại bỏ những nguyên nhân về mặt cơ cấu đã dẫn đến tình trạng đói nghèo, và thúc đẩy sự phát triển nông nghiệp cho những nước nghèo nhất. Điều này chỉ có thể thực hiện qua việc đầu tư vào hạ tầng cơ sở nông nghiệp, trong hệ thống cung cấp nước, trong việc vận chuyển, trong các tổ chức siêu thị, đào tạo và phát triển kỹ thuật nông nghiệp thích hợp – tức là qua đầu tư thích ứng với các nguồn nhân sự, thiên nhiên và kinh tế xã hội đang có trong địa phương, sử dụng một cách tốt nhất để bảo đảm sự bền vững trong một thời gian dài. Tất cả những điều này phải được thực hiện với sự tham gia của các cộng đồng địa phương trong những chọn lựa và quyết định có ảnh hưởng đến việc sử dụng đất nông nghiệp. Trong viễn cảnh này, có thể hữu ích khi xem xét những khả thể mới mở ra nhờ sử dụng đúng đắn các kỹ thuật sản xuất nông nghiệp theo truyền thống cũng như cách thức mới, với điều kiện những cách thức mới này, sau khi được học hỏi kỹ lưỡng, được công nhận là hữu ích, thích hợp với môi trường và chú tâm đến những nhóm dân chúng bị bất lợi nhất. Đồng thời cũng không nên quên vấn đề cải cách đất đai cho công bằng trong các nước đang phát triển. Quyền về lương thực cũng như nước uống giữ một vai trò quan trọng trong việc đạt được những quyền lợi khác, bắt đầu trước tiên với quyền căn bản là được sống. Vì thế điều quan trọng là phải hình thành ý thức liên đới, công nhận lương thực và có nước uống là quyền lợi chung của tất cả mọi người, không phân biệt hay kỳ thị [65]. Ngoài ra cũng thật quan trọng để nhấn mạnh, con đường liên đới với sự phát triển của các nước nghèo có thể là một dự án để giải quyết cơn khủng hoảng thế giới hiện hành; ngày nay các nhà chính trị và những người chịu trách nhiệm của các cơ quan quốc tế phải nắm vững điều này: khi giúp đỡ các nước nghèo về mặt kinh tế bằng những chương trình tài chính phát xuất từ tình liên đới, để các nước này có thể từng bước đáp ứng các nhu cầu của dân chúng về sản phẩm tiêu thụ và phát triển, người ta không những nhắm vào sự phát triển kinh tế đích thực, nhưng còn nâng đỡ các khả năng sản xuất của các nước giàu đang gặp nguy cơ bị lấn cấn vì khủng hoảng.

28. Một trong những phương diện nổi cộm nhất về việc phát triển hôm nay là tính chất quan trọng của đề tài *tôn trọng sự sống*, là điều không thể tách rời khỏi những vấn nạn khác trong việc phát triển các dân tộc. Đây là một phương diện ngày càng có ý nghĩa quan trọng, buộc chúng ta phải mở rộng quan niệm về nghèo đói [66] và chậm phát triển, liên kết với việc đón nhận sự sống, nhất là ở những nơi sự sống bị ngăn cản bằng nhiều cách.

Không những nghèo đói gây nên trong nhiều vùng trẻ em phải chết sớm với mức độ cao, nhưng nhiều nơi trên thế giới chính quyền vẫn còn kiểm soát dân số thường qua việc phát thuốc ngừa thai hay còn đi xa hơn là áp đặt việc phá thai. Trong những nước phát triển về mặt kinh tế, luật lệ chống đối sự sống đã thành phổ biến, gây ảnh hưởng trên thái độ thực hành luân lý, góp phần phổ biến náo trạng bài sinh sản; tìm cách phổ biến qua các nước khác và xem đó như là một bước tiến về mặt văn hóa.

Một vài tổ chức phi chính phủ (NGO) cũng tích cực trong việc phổ biến việc phá thai và đôi khi thúc đẩy việc triệt sản trong các nước nghèo, kể cả trong một số trường hợp không cho phụ nữ biết. Ngoài ra, cũng có đủ lý do để nghi ngờ, đôi khi việc trợ giúp phát triển cũng gắn liền với những chính sách về y tế mà trên thực tế liên kết chặt chẽ với việc kiểm soát sinh sản. Ngoài ra cũng đáng lo ngại việc ban hành các luật lệ cho phép thực hiện an tử (euthanasie) cũng như phải lo ngại về áp lực của những nhóm thuộc quốc gia hay quốc tế đòi hỏi phải công nhận tính chất pháp lý của luật này.

Việc mở ra với sự sống nằm ở trung tâm việc phát triển đích thực. Khi một xã hội đi về hướng từ chối và áp chế sự sống, cuối cùng sẽ không tìm được những động cơ và năng lực cần thiết để phục vụ cho sự thiện hảo đích thực của con người. Khi con người cá nhân cũng như xã hội đánh mất sự nhạy bén trong việc đón nhận một sự sống mới, thì những hình thức đón nhận khác, hữu ích cho đời sống xã hội cũng bị khô héo. [67] Việc đón nhận sự sống củng cố các sức lực luân lý và tạo khả năng cho sự trợ giúp lẫn nhau. Khi các dân tộc giàu cố gắng mở ra cho sự sống, họ có thể hiểu được những nhu cầu của các dân tộc nghèo rõ ràng hơn; có thể tránh được sự phung phí những nguồn kinh tế và trí thức để thỏa mãn những tham vọng ích kỷ nơi các công dân của mình, và thay vào đó là những hoạt động tốt đẹp nhằm vào việc sản xuất mang tính luân lý lành mạnh và đầy tình liên đới, trong việc tôn trọng quyền căn bản của từng dân tộc và của từng người cho sự sống.

29. Còn một phương diện khác của đời sống hôm nay có liên hệ chặt chẽ với sự phát triển: việc từ chối *quyền tự do tôn giáo*. Tôi không chỉ nói đến những cuộc chiến và những xung đột trong thế giới có những động cơ tôn giáo, kể cả khi động cơ tôn giáo chỉ đơn thuần là vỏ bọc bên ngoài để che đậy những nguyên do khác như khao khát quyền lực và của cải. Cũng như vị tiền nhiệm của tôi là Đức Giáo Hoàng Gioan-Phaolô II và cả chính tôi cũng thường nhắc cách công khai [68], ngày nay người ta nhân danh Thiên Chúa để hủy diệt. Bạo lực dưới mọi hình thức đều ngăn chặn sự phát triển đích thực và ngăn cản bước tiến của các dân tộc đến mức sống cao hơn về mặt kinh tế xã hội và tinh thần. Điều này được áp dụng cách đặc biệt cho chủ nghĩa khủng bố với chủ trương bảo thủ cực đoan (fondamentalisme) [69], chủ nghĩa này đã gây nên đau khổ, phá hoại và chết chóc, ngăn cản việc đối thoại giữa các quốc gia và rút đi phương tiện tài chính lớn lao cho những cố gắng hòa bình và dân sự. Còn phải nói thêm nữa, cũng như chủ nghĩa cuồng tín tôn giáo ngăn cản trong nhiều vùng việc thực thi quyền tự do tôn giáo, việc cố tình cổ vũ sự dửng dưng tôn giáo hay chủ nghĩa vô thần thực hành trong nhiều nước cũng chống lại những đòi hỏi phát triển của các dân tộc, vì tước đi sự phong phú tinh thần và nhân bản của các dân tộc. Thiên Chúa là Đấng bảo đảm cho sự phát triển đích thực của con người, vì Ngài đã dựng nên con người theo hình ảnh mình, Ngài đặt nền tảng cho phẩm giá siêu việt của con người và luôn khơi dậy nơi họ sự khao khát được “hiện hữu cao hơn”. Con người không phải là một nguyên tử trong một vũ trụ ngẫu nhiên [70], nhưng là một thọ tạo của Thiên Chúa, được lãnh nhận từ Thiên Chúa một linh hồn bất tử và từ ngàn xưa đã được Ngài yêu thương. Nếu con người chỉ là kết quả của một sự ngẫu nhiên hay tất yếu, hoặc nếu con người phải hạ thấp những khát vọng của mình vào chân trời hạn hẹp của thế giới họ đang sống, nếu tất cả chỉ là lịch sử và văn hóa, và nếu con người không có một bản tính hướng đến một cuộc sống siêu nhiên, thì người ta có thể nói về tăng trưởng hay tiến hóa, nhưng không thể nói về phát triển. Khi Nhà Nước đòi hỏi, dạy dỗ hay thiết đặt những hình thức của một chủ nghĩa vô thần thực tiễn, thì Nhà Nước đã rút đi sức mạnh luân lý và tinh thần của các công dân, vốn là sức mạnh cần thiết để đạt đến phát triển con người trọn vẹn, và ngăn cản họ tiến bước với sức năng động mới trong nỗ lực đáp trả quảng đại hơn đối với tình yêu của Thiên Chúa [71]. Trong những liên hệ về mặt văn hóa, thương mại và chính trị, cũng xảy ra việc các nước đã phát triển về mặt kinh tế hay những nước đang phát triển phổ biến trong các nước nghèo cái nhìn giản lược nói trên về con người và định mệnh của họ. Quả là một thảm họa mà các nước “siêu phát triển” [72] gây ra cho việc phát triển đích thực, nếu tình trạng siêu phát triển về kinh tế đi kèm theo sự “chậm phát triển về mặt luân lý” [73].

30. Theo viễn cảnh này, đề tài phát triển con người toàn diện lại còn mang tầm mức phức tạp hơn nữa: sự liên hệ giữa những yếu tố đa dạng của phát triển đòi buộc người ta phải cố gắng thúc đẩy *sự tương tác giữa các bình diện khác nhau của tri thức nhân loại* nhằm cổ vũ sự phát triển đích thực các dân tộc. Người ta thường cho rằng sự phát triển, hay những biện pháp kinh tế-xã hội kèm theo, chỉ đòi hỏi được thực hiện như kết quả của một hành động chung. Tuy nhiên, hành động chung này phải được định hướng, chỉ vì “mọi hành động xã hội đều giả thiết có một lý thuyết trước đã” [74]. Đứng trước tính chất phức tạp của vấn đề, rõ ràng các ngành khoa học khác nhau phải cùng cộng tác theo hướng trao đổi liên ngành. Bác ái không loại trừ tri thức, vâng, bác ái còn đòi hỏi, đòi buộc và động viên sự hiểu biết từ nội tại. Sự hiểu biết không bao giờ chỉ là công trình của lý trí. Chắc chắn nó có thể bị giảm thiểu thành những tính toán và thực nghiệm, nhưng nếu tri thức muốn là sự khôn ngoan, thì phải hướng dẫn con người trong ánh sáng của những nguyên lý đầu tiên và mục đích cuối cùng của con người, như thế tri thức phải được thêm gia vị của “muối” tình yêu mới đậm đà. Hành động sẽ mù quáng nếu không có sự hiểu biết, và sự hiểu biết sẽ khô cằn nếu không có tình yêu. Chỉ vì, “người yêu đích thực là người chịu khó khám phá những nguyên nhân của sự khốn khổ, tìm những biện pháp để lướt thắng và tiêu diệt” [75]. Đối mặt với những vấn đề đang có trước mắt, bác ái trong chân lý trước hết đòi buộc chúng ta phải có một nhận thức và hiểu biết trong ý thức tôn trọng thẩm quyền đặc biệt của mỗi bình diện hiểu biết. Bác ái không phải là điều gì phụ thuộc được thêm vào sau, tương tự như một phụ lục thêm vào công trình đã được hoàn thành của các khoa khác nhau, nhưng bác ái đã hiện diện với các khoa ấy ngay từ đầu cuộc đối thoại. Những đòi hỏi của bác ái không đi ngược với các bộ môn lý trí. Sự hiểu biết của con người không đầy đủ, và những kết luận của khoa học ở tự nó không thể dẫn đến việc phát triển con người toàn vẹn được. Sự hiểu biết của con người luôn cần phải tiến xa hơn – đó là điều bác ái trong chân lý đòi hỏi [76]. Vượt xa hơn không bao giờ có nghĩa hạ giá các kết luận của lý trí, cũng không phải đối nghịch với các kết quả của chúng. Lý trí và bác ái không tách biệt nhau (nhưng thấm nhập vào nhau): có thứ bác ái tràn đầy lý trí và lý trí tràn đầy bác ái.

31. Điều này có nghĩa là, những đánh giá về mặt luân lý và tìm tòi khoa học phải cùng nhau tăng triển, và bác ái phải làm cho cả hai được sinh động trong một tổng thể liên ngành (interdisciplinaire) thật hài hòa, hợp nhất nhưng phân biệt với nhau. Giáo huấn xã hội Công giáo có một *chiều kích liên ngành quan trọng* [77], từ viễn cảnh này có thể chu toàn một phận vụ có hiệu quả ngoại thường. Giáo huấn này cho phép đức tin, thần học, siêu hình học và khoa học tìm được vị trí của mình trong sự cộng tác để phục vụ con người. Chính ở đây mà giáo huấn xã hội của Giáo hội cụ thể hóa chiều kích khôn ngoan của mình. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã thấy rõ, một trong những nguyên nhân gây nên việc chậm phát triển là thiếu sự khôn ngoan, suy nghĩ và một tư tưởng có khả năng đưa ra một hệ thống định hướng [78], hệ thống này cần phải có “một cái nhìn rõ ràng các phương diện về kinh tế, xã hội, văn hóa và tinh thần” [79]. Việc phân chia quá đáng sự hiểu biết thành nhiều lãnh vực chuyên khoa [80], các khoa học nhân văn khép kín lại đối với siêu hình học [81], những khó khăn trong việc đối thoại của các môn khoa học với thần học, gây khó khăn không những cho việc phát triển sự hiểu biết, nhưng còn cho cả sự phát triển các dân tộc, chỉ vì trong những trường hợp như thế, rất khó phân biệt điều thiện hảo trọn vẹn của con người trong nhiều chiều kích khác nhau. Việc “mở rộng quan niệm của chúng ta về lý trí và việc sử dụng lý trí” [82] là điều cần thiết để có thể đánh giá mọi yếu tố của câu hỏi về phát triển và cách giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội.

32. Trong nhiều trường hợp, những yếu tố mới trong bức tranh phát triển các dân tộc ngày nay cần phải có *những cách giải quyết mới*. Những cách giải quyết này phải được tìm hiểu đồng thời với việc tôn trọng các luật riêng của từng thực tế và đồng thời dưới ánh sáng của một cái nhìn trọn vẹn về con người, phản ánh nhiều phương diện khác nhau của con người, và một cái nhìn được đức ái thanh lọc. Bấy giờ người ta mới khám phá những đồng thuận độc đáo và những khả năng giải quyết cụ thể, mà không phủ nhận bất cứ thành phần cơ bản nào của đời sống con người.

Phẩm giá nhân vị và những đòi hỏi công bằng yêu cầu – đặc biệt là trong ngày hôm nay – những quyết định về mặt kinh tế không được phép gia tăng những cách biệt về của cải một cách quá đáng, không chấp nhận được về mặt luân lý[83] và phải theo đuổi mục tiêu ưu tiên là tạo công ăn việc làm ổn định cho tất cả mọi người. Đây cũng là đòi hỏi của “lôgic kinh tế”. Việc gia tăng có hệ thống sự bất bình đẳng giữa những nhóm xã hội trong một nước và giữa dân chúng trong những vùng khác nhau, cũng có nghĩa là gia tăng khối lượng sự nghèo đói theo nghĩa tương đối, không những gây hại cho sự kết hợp xã hội mà theo cách thức này còn mang theo nguy hại cho nền dân chủ. Trên bình diện kinh tế điều này cũng tác hại cách tiêu cực: qua việc xói mòn cách tiệm tiến “vốn xã hội” tức là tổng hợp các liên hệ tạo sự tin tưởng, sự vận hành và tuân giữ các luật lệ, đó là những gì cần thiết cho đời sống cộng đồng của các công dân.

Khoa kinh tế còn cho chúng ta thấy tình trạng bất ổn về mặt cơ chế sản sinh ra những thái độ ngăn cản sức sản xuất và phung phí các tài nguyên nhân bản, trong mức độ những người lao động dần dần lệ thuộc cách thụ động vào chủ nghĩa cơ giới tự động thay vì phát triển tính sáng tạo của mình. Trong điểm này cũng có sự đồng thuận giữa khoa kinh tế và cách đánh giá luân lý. Giá trị nhân bản luôn là một giá trị kinh tế, và những lệch lạc về mặt kinh tế luôn kéo theo những giá trị nhân bản.

Cũng nên nhắc lại, sự giảm thiểu các nền văn hóa vào chiều kích kỹ thuật mà thôi, dù trong một thời gian ngắn có tạo được lợi nhuận, nhưng thời gian dài sẽ đưa đến sự ngăn cản việc làm phong phú cho nhau và sự năng động trong hoạt động chung. Điều quan trọng là phải phân biệt những quyết định kinh tế hay xã hội ngắn hạn và dài hạn. Việc hạ thấp mức bảo vệ quyền lợi của người lao động hay từ bỏ việc tái phân phối lợi nhuận nhằm đất nước đạt được khả năng cạnh tranh lớn hơn trong thương trường quốc tế, sẽ ngăn cản việc thực hiện sự phát triển bền vững. Hơn nữa, phải cẩn thận đánh giá lại các hậu quả trên con người của những xu hướng hiện tại cho một kinh tế ngắn hạn, hay thật ngắn hạn. Điều này đòi buộc *một suy nghĩ mới mẻ và sâu xa về ý nghĩa kinh tế và mục đích của nó* [84], cũng như phải có một cái nhìn sâu sắc và rộng rãi về mẫu thức phát triển, để sửa chữa lại những khiếm khuyết và lệch lạc của nó. Ngoài ra, tình trạng môi sinh của hành tinh đòi hỏi điều đó; và nhất là cuộc khủng hoảng văn hóa và luân lý của con người qua những hiện tượng đã rõ ràng từ lâu trên toàn thế giới cũng đòi hỏi điều đó.

33. Trên bốn mươi năm sau thông điệp *Populorum progressio*, đề tài căn bản của nó là sự phát triển vẫn còn là *một vấn đề bỏ ngỏ*, đã trở nên gay gắt và cấp thiết hơn do cuộc khủng hoảng kinh tế và tài chính. Nếu có vài vùng trên trái đất ngày xưa bị nghèo đói hoành hành và ngày nay đã có những sự thay đổi đáng ghi nhận theo nghĩa tăng trưởng kinh tế và tham gia vào sản xuất quốc tế, thì những vùng khác vẫn còn nằm trong tình trạng khổ đau như thời của Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, trong một số trường hợp người ta phải nói tình trạng còn tệ hại hơn. Cũng phải thấy, vài nguyên nhân của hoàn cảnh này đã được nhận diện trong thông điệp *Populorum progressio*, tỉ như những nước phát triển về mặt kinh tế đã nâng cao thuế má, đã ngăn cản những sản phẩm đến từ các nước nghèo không cho vào thị trường của các nước giàu. Những nguyên nhân khác cũng được thông điệp nói đến thoáng qua, nay đã lộ diện rõ ràng. Trường hợp cụ thể là việc đánh giá tiến trình giải phóng thực dân, lúc đó đã vươn đến đỉnh cao. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã hy vọng nhìn thấy hành trình tiến đến sự tự lập trong tự do và hòa bình. Sau bốn mươi năm, chúng ta phải công nhận, tiến trình này khó khăn như thế nào, có thể là do các hình thức mới của chế độ thực dân và tình trạng tiếp tục lệ thuộc vào các quyền lực nước ngoài cũ cũng như mới, và có thể là do sự thiếu trách nhiệm trầm trọng ngay trong những đất nước đã được độc lập.

Điều mới mẻ chính yếu là *sự bùng nổ mới tương thuộc mang tính toàn cầu*, đó là điều ngày nay gọi là “toàn cầu hóa”. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã thấy trước một phần nào, nhưng không thể lường trước được tốc độ tiến hành của sự kiện này. Xuất hiện từ các nước phát triển về mặt kinh tế, tiến trình này theo bản chất của nó đã thu hút toàn bộ các nền kinh tế. Đây là động lực chính yếu làm cho nhiều vùng đất trên thế giới thoát ra khỏi tình trạng kém phát triển, và được xem như một cơ hội lớn. Dù vậy, nếu không có sự hướng dẫn của bác ái trong chân lý, động lực toàn cầu này sẽ gây nên những thảm hại cho đến bây giờ vẫn

chưa được biết và những sự chia rẽ giữa gia đình nhân loại. Vì thế, bác ái và chân lý đặt chúng ta trước một trách nhiệm hoàn toàn mới và đầy sức sáng tạo, chắc chắn sẽ rộng lớn và phức tạp. Đó là phải khai triển lý trí và giúp lý trí có khả năng nhận ra và hướng dẫn những năng động mới đầy ấn tượng, bằng cách linh động hóa những sức mạnh này từ bên trong theo viễn tượng nền “văn minh tình thương” mà Thiên Chúa đã gieo trong mỗi dân tộc và trong mỗi nền văn hóa.

CHƯƠNG III: TÌNH HUYNH ĐỆ, PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ XÃ HỘI DÂN SỰ

34. Bác ái trong chân lý đặt con người trước kinh nghiệm ngỡ ngàng về quà tặng. Tính chất nhưng không hiện diện trong đời sống con người dưới nhiều hình thức, thường không được nhận ra vì cái nhìn thuần túy mang tính sản xuất và thực dụng. Con người được tạo dựng để lãnh nhận quà tặng và chính quà tặng diễn tả và thực hiện chiều kích siêu việt của họ. Đôi khi con người thời đại xác tín cách sai lầm khi cho mình là tác giả duy nhất của chính mình, của sự hiện hữu của mình và của xã hội. Sự tự tôn này là hậu quả của việc tự đóng kín mình cách ích kỷ – và nói theo ngôn ngữ đức tin – do nguyên tội mà có. Sự khôn ngoan của Giáo hội luôn đề nghị phải quan tâm đến nguyên tội cả trong việc giải thích các sự kiện xã hội lẫn trong việc xây dựng xã hội: “Việc không nhìn nhận con người có một bản chất đã bị thương tích, nghiêng chiều về điều xấu, sẽ dẫn đến các sai lầm nặng nề trong lãnh vực giáo dục, chính trị, hoạt động xã hội và phong hóa” [85]. Trong danh sách các lãnh vực thể hiện những hậu quả tai hại của tội, từ lâu đã có lãnh vực kinh tế. Chúng ta có được chứng cứ rõ ràng trong thời đại chúng ta. Xác tín rằng tự mình là đủ và có khả năng vượt thắng được điều xấu trong lịch sử hiện tại bằng chính hoạt động của mình, xác tín đó đã đưa con người đến chỗ lẫn lộn hạnh phúc và ơn cứu độ với những hình thức nội thể của sự phong phú vật chất và hoạt động xã hội. Hơn nữa, xác tín cho rằng kinh tế đòi buộc phải có sự độc lập và không thể bị vấn đề luân lý ảnh hưởng, đã dẫn con người đến chỗ lạm dụng tiến trình kinh tế cách phá tán. Theo thời gian, những xác tín này đã đưa đến các hệ thống kinh tế, xã hội và chính trị, bóp nghẹt sự tự do của nhân vị và của nhiều nhóm xã hội, và vì lý do này, không đủ khả năng để bảo đảm sự công bằng như chúng hứa hẹn. Như trong Thông điệp *Spe salvi* tôi đã viết, nếu theo cách này, niềm hy vọng Kitô giáo bị tước đoạt khỏi lịch sử, [86], đang khi niềm hy vọng này là một nguồn lực xã hội mạnh mẽ để phục vụ cho việc phát triển toàn diện con người, và cũng là điều được tìm kiếm trong tự do và công bằng. Hy vọng động viên lý trí, đem cho lý trí sức mạnh để hướng dẫn ý chí [87]. Hy vọng đã hiện diện trong đức tin, đức tin gọi lên hy vọng. Bác ái trong chân lý được hy vọng dưỡng nuôi và đồng thời biểu lộ hy vọng. Xét như là quà tặng hoàn toàn nhưng không của Thiên Chúa, hy vọng ủa vào đời sống chúng ta cách nhưng không, vượt trên mọi thứ luật lệ về công bằng. Ở tự bản chất, quà tặng vượt trên công trạng, lề luật của nó là sự sung mãn. Quà tặng bước vào tâm hồn chúng ta như dấu chỉ sự hiện diện của Thiên Chúa và là một sự chờ đợi của Thiên Chúa đối với chúng ta. Chân lý cũng như bác ái là một quà tặng lớn hơn chúng ta, như lời dạy của thánh Augustinô [88]. Cũng thế, sự thật về chính mình, sự thật về lương tâm trước hết là quà tặng được ban cho ta. Trong mọi tiến trình nhận thức, chân lý không phải là điều gì đó ta làm ra, nhưng luôn là cái gì được tìm thấy hay đúng hơn, được lãnh nhận. Cũng như tình yêu, chân lý không phát sinh “từ tư tưởng và ước muốn, nhưng có thể nói là áp đặt trên con người” [89].

Vì là quà tặng mà mọi người đã lãnh nhận, bác ái trong chân lý là một sức mạnh xây dựng cộng đoàn, kết hợp mọi người lại với nhau đến nỗi không còn rào chắn, không còn ranh giới. Chính chúng ta có thể xây dựng cộng đoàn con người, nhưng tự sức mình, cộng đoàn này không thể nào trở thành một cộng đoàn huynh đệ trọn vẹn và lướt thắng các rào chắn được, có nghĩa là trở thành một cộng đoàn thực sự phổ quát: sự hiệp nhất nhân loại, hiệp thông huynh đệ vượt trên mọi phân cách, phát sinh từ Lời kêu gọi tập hợp của Thiên Chúa-Tình yêu. Để giải quyết vấn đề quyết định này, một mặt chúng ta phải xác định lô-gích của quà tặng không loại bỏ sự công bằng, cũng không chỉ đơn thuần được thêm vào sau đó từ bên ngoài; mặt khác, sự phát triển về mặt kinh tế, xã hội và chính trị, muốn thực sự là

nhân bản, phải quan tâm đến nguyên tắc về tính nhưng không (principe de gratuité) như cách biểu lộ tình huynh đệ.

35. Khi được đặt nền trên sự tin tưởng lẫn nhau, *thị trường* là một cơ chế kinh tế tạo ra sự gặp gỡ giữa con người, xét như là những chủ thể kinh tế sử dụng những khế ước để điều chỉnh mối liên hệ của họ khi trao đổi của cải và các dịch vụ với nhau, nhằm thỏa mãn những nhu cầu và ước muốn. Thị trường phải phục tùng những nguyên tắc của *công bằng giao hoán*, là sự công bằng điều hành các liên hệ cho và nhận giữa những chủ thể bình đẳng. Nhưng giáo huấn xã hội của Giáo hội luôn luôn nhấn mạnh đến tính chất quan trọng của *công bằng phân phối* và *công bằng xã hội* cho kinh tế thị trường, không những vì nó nằm trong một bối cảnh xã hội và chính trị lớn hơn, mà còn vì mạng lưới rộng lớn của những mối liên hệ trong đó nền kinh tế này vận hành. Thật vậy, một khi chỉ dựa vào nguyên tắc tương đồng về giá trị của các sản phẩm được trao đổi, thị trường không thể tạo ra sự gắn kết trong xã hội vốn là điều cần thiết để thị trường có thể hoạt động tốt. *Nếu không có những hình thức nội tại về sự liên đới và tin tưởng hỗ tương, thị trường không thể chu toàn phận vụ kinh tế một cách trọn vẹn được.* Ngày nay sự tin tưởng đã mất đi rồi và sự mất tin tưởng là một sự mất mát trầm trọng.

Trong Thông điệp *Populorum progressio*, Đức Phaolô VI đã nhấn mạnh rằng chính hệ thống kinh tế được hưởng lợi khi thực thi công bằng cách rộng rãi, vì những người đầu tiên được hưởng lợi từ sự phát triển các nước nghèo lại là những nước giàu. [90]. Đây không chỉ là vấn đề sửa lại những lệch lạc do viện trợ. Không được xem người nghèo như một “gánh nặng” [91] nhưng là một tài nguyên, ngay trong nhãn quan thuần túy kinh tế. Phải loại bỏ cách nhìn sai lạc của một số người nghĩ rằng kinh tế thị trường theo cơ cấu cần đến một phân số nghèo đói và chậm phát triển, để có thể vận hành tốt hơn. Quan tâm của thị trường là kích động sự giải phóng, nhưng để đạt được điều đó, nó không thể chỉ dựa vào sức mình, vì nó không có khả năng tự mình đạt được điều vượt quá khả năng của mình. Nó cần đến những sức mạnh luân lý của các chủ thể khác, có khả năng làm nảy sinh những sức mạnh này.

36. Hoạt động kinh tế không thể nào giải quyết được mọi vấn đề xã hội qua việc áp dụng lô-gích thương mại cách đơn giản. Lô-gích này *phải nhắm đến việc đạt được công ích*, là điều mà cộng đồng chính trị phải có trách nhiệm cách đặc biệt. Vì thế, không được quên rằng, một trong những nguyên nhân tạo nên sự mất quân bình trầm trọng là tách rời hoạt động kinh tế – vốn được quan niệm chỉ là sự làm giàu – với hoạt động chính trị vốn được coi là phương thể phục vụ công bằng qua việc tái phân phối.

Giáo hội luôn cho rằng không được xem hoạt động kinh tế như điều gì chống lại xã hội. Thị trường tự nó không phải là và cũng không được phép là nơi người giàu áp bức người nghèo. Xã hội không cần phải xa tránh thị trường, làm như thể việc phát triển thị trường *ipso facto* đương nhiên đưa đến chỗ dập tắt những liên hệ nhân bản đích thực. Chắc chắn, thị trường có thể có một hướng tiêu cực, không phải do bản chất của nó nhưng vì một ý thức hệ nào đó đã định hướng cho nó. Cũng không nên quên rằng, thị trường không hiện hữu với tình trạng nguyên tuyền, nhưng mang hình thức những dữ kiện văn hóa đã định dạng và định hướng cụ thể cho nó. Kinh tế và tài chính, xét như là những phương tiện, có thể bị sử dụng theo hướng xấu, khi người chịu trách nhiệm theo đuổi những mục đích thuần túy ích kỷ. Như thế, người ta có thể biến những phương tiện tự nó là tốt trở thành những phương tiện có hại. Chính lý trí đen tối của con người sản sinh các hậu quả này, chứ không phải những phương tiện ở tự nó. Vì thế lời kêu gọi không nhằm đến các phương tiện nhưng nhằm đến con người, đến lương tâm luân lý và trách nhiệm cá nhân và xã hội của con người.

Giáo huấn xã hội của Giáo hội cho rằng những mối liên hệ nhân bản và xã hội đích thực trong tình bạn và xã hội, tình liên đới và hỗ tương, có thể phát huy trong hoạt động kinh tế chứ không chỉ bên ngoài hay sau đó. Lãnh vực kinh tế không trung lập về mặt luân lý cũng không phải tự nó là phi nhân hay chống lại xã hội; nó thuộc về hoạt động của con người, và chính vì là của con người nên phải được cơ cấu hóa và tổ chức một cách có đạo đức.

Một thách thức lớn đang có trước mắt chúng ta, thách thức phát sinh từ những vấn nạn về phát triển trong thời đại toàn cầu hóa và càng trầm trọng hơn nữa do cuộc khủng hoảng kinh tế và tài chính: đó là trên bình diện suy tư cũng như hành xử, chúng ta phải chứng minh rằng không những không được hạ giá những nguyên tắc truyền thống về đạo đức xã hội như trong sáng, trung thực và tinh thần trách nhiệm, mà trong những *quan hệ thương mại, nguyên tắc nhưng không và lô-gích của quà tặng* hiểu như cách biểu lộ tình huynh đệ còn có thể có và phải có một vị trí trong hoạt động kinh tế bình thường. Đó là điều đòi hỏi của con người trong thời đại chúng ta, nhưng cũng là một lời đòi hỏi cho suy tư kinh tế, đồng thời cũng là đòi hỏi của bác ái và chân lý.

37. Giáo huấn xã hội của Giáo hội luôn xác nhận rằng *công bằng phải hiện diện trong mọi giai đoạn của hoạt động kinh tế*, chỉ vì công bằng liên hệ đến con người và những nhu cầu của họ. Việc khám phá tài nguyên, việc tài chính, sản xuất, tiêu thụ và mọi giai đoạn khác phải luôn có hiệu quả luân lý. Vì thế mọi quyết định kinh tế đều có một hệ quả luân lý. Các khoa học xã hội và những xu hướng kinh tế ngày nay đều xác nhận điều này. Có một thời gian người ta nghĩ rằng kinh tế được trao cho việc sản xuất của cải, còn chính trị có trách nhiệm phân phát sự giàu sang đó. Ngày nay điều này xem ra khó hơn, vì những hoạt động kinh tế không bị hạn hẹp trong ranh giới địa lý, trong khi thẩm quyền chính trị bị hạn hẹp trong ranh giới địa phương. Vì thế các luật lệ công bằng ngay từ đầu phải được tôn trọng khi tiến trình kinh tế bắt đầu, chứ không phải sau đó hay song song. Điều cũng cần thiết là trong thị trường, phải tạo không gian hoạt động cho những người muốn chọn lựa hành động theo những nguyên tắc khác hơn là chỉ chạy theo lợi nhuận, nhưng vẫn mang lại giá trị kinh tế. Nhiều hình thức kinh tế xuất phát từ những sáng kiến mang tính tôn giáo hay thể tục cho thấy điều này có thể thực hiện được.

Trong thời đại toàn cầu hóa, kinh tế chịu ảnh hưởng bởi những mô hình cạnh tranh, gắn liền với các nền văn hóa rất khác nhau. Những hình thái kinh tế và kỹ nghệ xuất phát từ đó cách chung tìm được một điểm gặp gỡ trong việc tôn trọng sự công bằng giao hoán. Chắc chắn đời sống kinh tế đòi hỏi những hợp đồng để điều chỉnh việc trao đổi dựa theo giá cả thích hợp. Nhưng đời sống này cũng cần đến những *luật lệ thật công bằng* và những *hình thức tái phân phối* do chính trị điều hành, và vượt lên trên là những công việc mang *tinh thần của quà tặng*. Kinh tế mang tính toàn cầu xem ra đề cao lô-gích thứ nhất tức là việc trao đổi theo hợp đồng, nhưng trực tiếp và gián tiếp cũng cho thấy nó cũng cần đến hai hình thức khác, đó là lô-gích chính trị và lô-gích quà tặng vô điều kiện.

38. Đấng tiền nhiệm của tôi là Đức Giáo Hoàng Gioan-Phaolô II đã hướng ý đến vấn nạn này, khi ngài cho thấy cần đến một hệ thống với ba chủ thể trong thông điệp *Centesimus annus – Một trăm năm: thị trường, Nhà Nước và xã hội dân sự* [92]. Ngài nhìn thấy trong xã hội dân sự những khung thích hợp cho một nền kinh tế mang tính nhưng không và huynh đệ, nhưng ngài không muốn loại bỏ hai bình diện kia. Ngày nay chúng ta có thể nói, đời sống kinh tế phải được hiểu như một thực tại mang nhiều chiều kích: trong từng chiều kích, với những mức độ khác nhau và tùy theo những thể thức đặc biệt, phải luôn luôn có sự hiện diện tình huynh đệ hỗ tương. Trong thời đại toàn cầu hóa, hoạt động kinh tế không thể từ bỏ tính nhưng không được; tính nhưng không phổ biến và nuôi dưỡng tình liên đới và ý thức trách nhiệm đối với công bằng và công ích trong nhiều chủ thể và nhà hoạt động khác nhau. Cuối cùng đây là hình thức cụ thể và sâu xa của tính dân chủ kinh tế. Tình liên đới trước tiên là mọi người đều cảm thấy có trách nhiệm với nhau [93] và vì thế không được chỉ trao phó cho Nhà Nước. Có thể ngày xưa người ta nghĩ rằng, trước tiên phải chăm lo sự công bằng rồi sau đó mới thêm vào tính nhưng không như phụ chú, ngày nay người ta phải nhận rằng, không có tính nhưng không, người ta không thể nào thực hiện sự công bằng được. Vì thế cần có một thị trường, trong đó việc kinh doanh theo đuổi cách tự do những mục đích theo cơ chế khác nhau, trong những điều kiện giống nhau. Cạnh những kinh doanh tư nhân chỉ nhắm lợi nhuận và nhiều loại khác nhau của kinh doanh Nhà Nước, cũng cần có một chỗ cho những tổ chức sản xuất theo đuổi những mục tiêu hỗ tương và xã hội, hoạt động và phát triển. Chính từ việc gặp gỡ mang tính tương hỗ trên thương trường

này mà ta có thể hy vọng sẽ có sự hoà hợp giữa nhiều hình thức thương mại, nhờ đó quan tâm hơn đến nền văn minh hóa kinh tế. Bác ái trong chân lý trong trường hợp này có nghĩa là phải đem lại hình thức và cơ chế cho các hoạt động kinh tế, tuy không phủ nhận lợi nhuận, nhưng vượt qua thứ lô-gích của việc trao đổi tương xứng và thứ lô-gích xem lợi nhuận như mục đích tự tại.

39. Trong Thông điệp *Populorum progressio* Đức Giáo Hoàng Phaolô VI yêu cầu một mẫu kinh tế thị trường có khả năng, hay ít ra có xu hướng, hội nhập tất cả mọi dân tộc, chứ không phải chỉ những nước có khả năng tham gia. Ngài kêu gọi thị trường quốc tế phải phản ánh một thế giới nơi “mọi người đều có gì để cho và để đón nhận, mà không làm cho sự phát triển của những người này trở thành rào cản cho sự phát triển của kẻ khác” [94]. Bằng cách đó, ngài áp dụng ở mức độ toàn cầu những yêu cầu và khát vọng hàm chứa trong thông điệp *Rerum novarum* – Tân sự . Thông điệp *Rerum novarum* được viết sau cuộc cách mạng công nghiệp, ở đó lần đầu tiên đưa ra ý tưởng (cách nào đó, đã đi trước thời đại) rằng: để tồn tại, trật tự dân sự cũng cần đến sự can thiệp từ phía Nhà Nước nhằm mục đích tái phân phối. Ngày nay tầm nhìn này không những được đặt lại do tiến trình mở rộng những thị trường và những nhóm xã hội, mà còn được cho là chưa đủ để thỏa mãn những đòi hỏi của một nền kinh tế mang tính nhân bản trọn vẹn. Những gì mà giáo huấn xã hội của Giáo hội vẫn bảo vệ, xuất phát từ tầm nhìn về con người và xã hội, thì ngày nay vẫn đòi hỏi như thế, do chính những năng động của toàn cầu hóa.

Khi lô-gích của thị trường và lô-gích của Nhà Nước thỏa thuận với nhau để mỗi bên tiếp tục giữ độc quyền trong lãnh vực ảnh hưởng của mình, thì về lâu dài, tình liên đới trong những tương quan giữa các công dân sẽ mất đi. Cũng mất dần sự cảm thông, sự tham gia, những hoạt động vô vị lợi vì những điều này thuộc về một bản chất khác hơn thứ *lô-gích cho đi để có lại*, tức là thứ lô-gích đổi chác, cũng khác với thứ *lô-gích cho đi vì bản phận*, tức là thứ lô-gích của đời sống công cộng được điều hành bằng những luật lệ của Nhà Nước. Để chiến thắng tình trạng chậm phát triển, đòi hỏi phải có hành động không những để làm tốt hơn hoạt động hoán chuyển dựa trên việc trao đổi sản phẩm và thiết lập những cơ cấu phục vụ phúc lợi chung, nhưng nhất là phải từ từ *mở ra ở tầm vóc toàn cầu những hình thức hoạt động kinh tế được đánh dấu bằng tính nhưng không và xã hội* . Mô hình liên kết độc đoán Thị trường-Nhà Nước sẽ phá tan ý nghĩa xã hội. Ngược lại, những hình thức của đời sống kinh tế mang tính liên đới, được tìm thấy nơi những vùng sung mãn nhất trên bình diện xã hội dân sự, không tự đóng kín mình lại, sẽ tạo được tình liên đới. Không có thứ thị trường “cho không” và người ta cũng không thể dùng lẽ luật để áp đặt cách ứng xử “cho không”. Dù vậy, cả thị trường lẫn chính trị cũng đều cần đến những con người sẵn sàng sống hiến tặng và trao ban.

40. Sân khấu kinh tế quốc tế hiện hành với những sai lệch và lạm dụng nặng nề đòi hỏi phải có *sự thay đổi sâu xa trong cách hiểu về kinh doanh*. Những hình thức xưa của hoạt động kinh doanh dần biến mất, nhưng nhiều hình thức mới đầy hứa hẹn đã lộ dạng ở chân trời. Một trong những nguy hiểm lớn nhất rõ ràng là việc kinh doanh chỉ chịu trách nhiệm đối với những người đầu tư và cuối cùng giá trị xã hội phải bị bào mòn. Do sự tăng trưởng những chiều kích và nhu cầu vốn liếng ngày càng quan trọng, càng ngày càng ít những công ty có chủ điều hành ổn định, chịu trách nhiệm về đời sống và kết quả của công ty về lâu về dài, kể cả ngắn hạn cũng không, đồng thời việc kinh doanh ít khi lệ thuộc vào một vùng đất duy nhất. Ngoài ra, điều được gọi là di chuyển địa điểm hoạt động sản xuất sẽ làm giảm ý thức trách nhiệm của nhà đầu tư đối với những người nhận lợi ích như công nhân, nhà cung cấp, người tiêu thụ, môi trường tự nhiên và nhìn xa hơn, xã hội chung quanh, vì những người hoạt động không bị ràng buộc vào một địa điểm xác định, luôn di chuyển bất thường. Thị trường tài chính quốc tế ngày nay thật sự là một sân chơi rộng lớn. Đồng thời, ý thức về sự cần thiết một “trách nhiệm xã hội” rộng khắp cũng đang lớn dần. Nếu như không phải mọi quan niệm đạo đức xác định sự tranh luận về trách nhiệm xã hội của kinh doanh, đều có thể được chấp nhận từ cái nhìn giáo huấn xã hội của Giáo hội, thì thực tế có một xác nhận căn bản đang được phổ biến, theo đó việc hướng dẫn kinh doanh *không được phép chỉ chú tâm*

vào lợi ích của những nhà tài chính, nhưng còn phải chú tâm đến lợi ích của những hạng người khác có góp phần vào đời sống kinh doanh: những công nhân, những khách hàng, những người cung cấp những thành phần khác nhau trong sản xuất, cộng đoàn lệ thuộc vào đó. Trong những năm qua, đã gia tăng một giai cấp mới là những nhà quản lý xuyên quốc gia, thường chỉ chịu trách nhiệm đối với các cổ đông (thường là những quỹ vốn vô danh) là những người trong thực tế trả lương cho họ. Ngược lại, có nhiều nhà quản lý nhìn xa trông rộng, càng ngày càng ý thức về những mối liên hệ sâu xa giữa công ty của họ và vùng đất hay những vùng đất mà công ty họ đang hoạt động. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI mời gọi mọi người chú tâm đặc biệt đến tổn hại có thể gây ra cho đất nước của mình khi chuyển vốn liếng ra ngoại quốc thuần túy chỉ vì lợi nhuận cho cá nhân [95]. Đức Giáo Hoàng Gioan-Phaolô II cũng ghi nhận rằng, việc đầu tư ngoài ý nghĩa kinh tế còn có một ý nghĩa luân lý [96]. Phải nhấn mạnh rằng điều này ngày nay vẫn còn giá trị, cho dù thị trường vốn liếng được tự do cách đáng kể, và cho dù cách suy nghĩ thời kỹ thuật tân tiến có thể cho rằng việc đầu tư chỉ là hành vi thuần túy kỹ thuật chứ không phải là hành vi nhân bản và đạo đức. Không có lý do để phủ nhận một nguồn vốn thật sự có thể tạo nên của cải khi đầu tư ở ngoại quốc hơn là ở quê hương. Dù vậy, những đòi hỏi xuất phát từ công bằng phải chú ý rằng nguồn vốn này đã được tạo thành như thế nào và tai hại sẽ đem lại cho các cá nhân nếu nguồn vốn này không được sử dụng ở nơi nó đã được làm ra [97]. Điều phải tránh là đừng chiều theo cơn cám dỗ chỉ sử dụng những nguồn tài chính nhằm tìm kiếm lợi nhuận trong một thời gian ngắn mà không quan tâm đến sự bền vững của công ty trong thời gian dài, cũng như không quan tâm đến phúc lợi cho một nền kinh tế thật sự và đẩy mạnh những sáng kiến kinh tế trong những nước cần phát triển bằng những phương thức thích hợp. Cũng không có lý do để phủ nhận rằng việc chuyển ra ngoại quốc vốn đầu tư và việc giáo dục, cũng có thể đem lại điều tốt đẹp cho dân chúng của đất nước sở tại. Lao động và kiến thức khoa học là thiện hảo mang tính phổ quát. Dù vậy cũng không được phép xuất khẩu những thiện hảo này chỉ để nhắm mục đích hưởng lợi cách đặc biệt hay bóc lột nước khác, mà không đem lại một sự đóng góp đích thực cho xã hội địa phương, bằng cách giúp thực hiện một hệ thống sản xuất và xã hội vững bền, đó là điều kiện tất yếu cho một sự phát triển bền vững.

41. Trong mạch văn của tài liệu này, cần phải thấy *hoạt động kinh doanh* có một ý nghĩa nhiều giá trị và ý nghĩa này càng ngày càng được công nhận hơn. Từ lâu, sự kết hợp nổi bật giữa Thị trường-Nhà Nước làm cho chúng ta quen suy nghĩ về nhà kinh doanh tư nhân theo kiểu tư bản chủ nghĩa, và mặt khác là Nhà Nước đóng vai trò hướng dẫn. Trong thực tế, cần phải có một lối hiểu đa dạng hơn về hoạt động kinh doanh. Điều này là kết quả do một chuỗi lý do thuộc tầm kinh tế vĩ mô. Hoạt động kinh doanh trước khi mang ý nghĩa nghề nghiệp đã có một ý nghĩa nhân bản [98]. Nó là thành phần của mọi công việc, được hiểu như là *actus personae* - hành động của nhân vị [99]; chính vì thế mỗi công nhân phải có cơ hội đóng góp phần của mình, cách nào đó nhận biết rằng họ đang làm việc cho chính họ [100]. Không phải tình cờ mà Đức Giáo Hoàng Phaolô VI dạy rằng “mỗi người làm việc là một người sáng tạo” [101]. Chính vì để đáp lại cách đúng đắn những đòi hỏi và phẩm giá của người lao động cũng như những nhu cầu của xã hội mà có nhiều loại kinh doanh khác nhau, hơn là chỉ phân biệt giữa “tư nhân” và “quốc doanh”. Mỗi việc kinh doanh đòi hỏi và thực hiện một khả năng kinh doanh đặc biệt. Để đạt được một nền kinh tế có thể phục vụ cho công ích quốc gia và quốc tế trong một tương lai gần, cần phải chú ý đến ý nghĩa rộng lớn của hoạt động kinh doanh. Quan niệm rộng rãi này đòi buộc phải có một sự trao đổi và đào tạo hỗ tương giữa nhiều loại hoạt động kinh doanh với một sự chuyển đổi thẩm quyền từ bình diện không thu nhập sang thẩm quyền có thu nhập và ngược lại, từ lãnh vực công sang xã hội dân sự, từ những vùng kinh tế phát triển sang những nước đang phát triển.

Cả *thẩm quyền chính trị* cũng có ý nghĩa đa giá trị và không được coi nhẹ ý nghĩa này trong tiến trình xây dựng một trật tự mới về sản xuất-kinh tế, có tính trách nhiệm về mặt xã hội và có tính nhân bản. Cũng như người ta muốn xây dựng một hoạt động kinh doanh khác biệt trên toàn thế giới, cũng cần phải có một thẩm quyền chính trị hoạt động hữu hiệu trên nhiều bình diện được phân chia khác nhau. Kinh tế phát triển trong thời đại của chúng ta

không loại trừ vai trò của các Nhà Nước, nhưng càng đòi buộc các chính quyền phải làm việc chung chặt chẽ với nhau. Sự khôn ngoan và cẩn trọng khuyên chúng ta chớ vội loại bỏ Nhà Nước. Việc giải quyết cơn khủng hoảng hiện tại cho thấy vai trò Nhà Nước lại càng lớn lên, khi thu hồi lại nhiều thẩm quyền của mình. Hơn nữa, trong một vài quốc gia, việc xây dựng hay tái lập Nhà Nước là yếu tố mấu chốt cho sự phát triển. Sự *trợ giúp quốc tế* trong khuôn khổ một chương trình giải quyết những vấn đề kinh tế hiện tại phải củng cố hệ thống cơ chế, pháp lý và quản trị trong những đất nước chưa được hưởng trọn vẹn những ích lợi này. Cùng với sự trợ giúp kinh tế cần có sự hỗ trợ để củng cố những bảo đảm riêng của Nhà Nước pháp quyền: một hệ thống hữu hiệu của trật tự công cộng, việc giam giữ phạm nhân nhưng phải tôn trọng nhân quyền và những cơ chế thật sự dân chủ. Không cần thiết Nhà Nước ở mọi nơi đều có chung những nét đặc thù như nhau: việc nâng đỡ nhằm củng cố hệ thống pháp lý yếu kém có thể đi đôi với sự phát triển của những chủ thể chính trị khác mang tính chất văn hóa, xã hội, địa phương hay tôn giáo bên cạnh Nhà Nước. Việc phân chia thẩm quyền chính trị trên bình diện địa phương, quốc gia và quốc tế và xã hội dân sự quốc tế và trên bình diện siêu quốc gia và xã hội toàn cầu, là một trong những con đường chính yếu để có thể hướng dẫn sự toàn cầu hóa về mặt kinh tế. Đó là phương thế để tránh xói mòn nền tảng dân chủ.

42. Đôi khi người ta có cái nhìn mang tính tất định về *toàn cầu hóa*, làm như thể những năng động vận hành ở đó phát sinh ra từ những sức mạnh hay cơ cấu vô danh và phi ngã, không lệ thuộc vào ý chí con người [102]. Theo đó, nên nhớ rằng chắc chắn cần hiểu toàn cầu hóa như một tiến trình kinh tế xã hội, nhưng đây không phải là chiều kích duy nhất. Đằng sau tiến trình cụ thể, có một thực tế: chính nhân loại đang ngày càng gắn bó với nhau; nhân loại được làm nên bằng những con người và các dân tộc được hưởng nhờ phúc lợi và phát triển từ tiến trình này [103], khi họ đảm nhận những trách nhiệm liên quan đến họ, dù cá nhân hay tập thể. Việc vượt qua những biên giới không chỉ đơn thuần là sự kiện vật chất, nhưng còn là vấn đề văn hóa xét cả về nguyên nhân lẫn hiệu quả. Nếu người ta nhìn việc toàn cầu hóa mang tính chất định mệnh, thì các tiêu chuẩn cho việc đánh giá và những định hướng của nó sẽ mất giá trị. Xét như là một thực tại nhân văn, toàn cầu hóa là sản phẩm của những xu hướng văn hóa khác biệt, cần phải xem xét cẩn thận. Sự thật về tiến trình toàn cầu hóa và tiêu chuẩn đạo đức nền tảng của nó xuất phát từ sự hợp nhất của gia đình nhân loại và sự phát triển của nó hướng đến điều thiện hảo. Do đó, phải làm việc liên li để *thúc đẩy tiến trình hội nhập toàn cầu mang tính văn hóa nhân bản và cộng đồng, hướng đến sự siêu việt*.

Mặc dù không thể phủ nhận một vài chiều kích mang tính cơ cấu, nhưng cũng không nên tuyệt đối hóa những chiều kích đó, việc “toàn cầu hóa *a priori* tiên thiên không tốt cũng không xấu. Nó sẽ trở thành điều người ta muốn cho nó” [104]. Chúng ta không thể trở thành tế vật, nhưng là người chủ chốt, khi chúng ta tiến bước với hậu ý tốt, được bác ái và chân lý hướng dẫn. Chóng đối cách mù quáng là thái độ sai lệch, một thành kiến, cuối cùng đưa chúng ta đến việc không nhận ra một tiến trình có nhiều mặt tích cực, và sẽ rơi vào nguy hiểm là bỏ qua một cơ hội lớn, có nhiều khả năng đưa đến phát triển đa dạng. Tiến trình toàn cầu hóa được lập theo kế hoạch và thực hiện thích hợp có khả năng phân chia lại sự giàu có trên bình diện thế giới mà từ xưa đến nay chưa thực hiện được; ngược lại, khi tiến trình này bị thực hiện cách sai lệch, sẽ gia tăng sự nghèo đói và bất bình đẳng cũng như những cơn khủng hoảng trên thế giới. Cần phải sửa sai những thiếu sót nặng nề của tiến trình này, đã gây nên những sự chia rẽ mới giữa các dân tộc và ngay trong một dân tộc, và phải lo lắng để việc phân chia lại sự giàu có không lôi kéo theo việc phân chia hay gia tăng sự nghèo khó, đây là mối nguy hiểm thực sự nếu tình trạng hiện tại không được điều hành cho tốt. Trong một thời gian dài, người ta nghĩ rằng những dân tộc nghèo nên ở lại trong một giai đoạn tiền phát triển cố định và phải bằng lòng với sự trợ giúp của các nước phát triển. Trong Thông điệp *Populorum progressio*, Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã đi ngược lại cách suy nghĩ này. Ngày nay những tài nguyên vật chất được sử dụng để giúp cho các dân tộc này thoát ra khỏi sự nghèo đói đã phong phú hơn ngày xưa nhiều, nhưng phần lớn những tài nguyên này lại nằm trong tay những người đến từ các nước phát triển, họ là

những người được hưởng lợi nhiều hơn trong tiến trình tự do hóa thương mại qua việc chuyển động vốn và lao động. Việc phổ biến rộng rãi sự sung túc không thể bị chặn lại vì những kế hoạch ích kỷ, chỉ nhằm bảo vệ mình và chỉ tìm lợi ích cá nhân. Sự liên kết giữa các nước trên đà phát triển và các nước phát triển có thể giúp giải quyết cơn khủng hoảng. Sự chuyển tiếp nội tại trong tiến trình toàn cầu hóa đem đến nhiều khó khăn và nguy hiểm lớn, chỉ có thể vượt thắng, khi người ta ý thức về chiều kích nhân bản và đạo đức, chiều kích này thúc đẩy cách sâu xa việc toàn cầu hóa theo hướng nhân bản hóa trong liên đới. Tiếc rằng chiều kích này thường bị lay động và trấn áp do cách nhìn đạo đức và văn hóa mang tính cá nhân và thực dụng. Việc toàn cầu hóa là hiện tượng đa phức và đa diện, phải được nắm bắt trong tính đa dạng và thống nhất mọi chiều kích khác nhau của nó – bao gồm cả chiều kích thần học. Điều này cho phép sống và định hướng việc toàn cầu hóa nhân loại theo nghĩa liên hệ, cộng đoàn và chia sẻ.

CHƯƠNG IV: PHÁT TRIỂN CÁC DÂN TỘC - QUYỀN VÀ BỔN PHẬN MÔI SINH

43. “Tình liên đới nhân loại đem lại lợi ích cho chúng ta, đồng thời cũng là một bổn phận” [105]. Ngày nay nhiều người cho rằng họ không mắc nợ ai hết, ngoại trừ chính họ. Họ chỉ quan tâm đến quyền lợi của mình và khó lòng đảm nhận trách nhiệm về sự phát triển toàn diện của chính mình cũng như của người khác. Do đó, điều quan trọng là phải suy nghĩ lại về điều này: *quyền lợi giả thiết bổn phận, nếu không, nó sẽ trở thành sự buông thả thuần túy* [106]. Ngày nay chúng ta đang chứng kiến sự bất nhất trầm trọng. Một đàng, người ta đòi hỏi những quyền vốn không phải là thiết yếu nếu xét theo bản chất, đồng thời yêu cầu các cơ cấu xã hội phải nhìn nhận và cổ võ những quyền này. Đàng khác, những quyền sơ đẳng và căn bản nhất của con người vẫn không được nhìn nhận và vẫn bị vi phạm tại nhiều nơi trên thế giới [107]. Người ta ghi nhận có mối liên hệ giữa hai điều này: một bên là đòi hỏi “quyền thặng dư” kể cả quyền vi phạm và dung dưỡng thói xấu trong những xã hội giàu có, một bên là tình trạng thiếu thực phẩm, nước sạch, giáo dục căn bản và y tế tối thiểu trong những vùng kém phát triển trên thế giới cũng như tại những vành đai của những thành phố lớn. Mối liên hệ nằm ở chỗ này: một khi bị tách ra khỏi khuôn khổ những bổn phận là khuôn khổ đem lại ý nghĩa đầy đủ cho những quyền cá nhân, thì những quyền này trở thành hoang dã, dẫn đến chỗ gia tăng những đòi hỏi vô giới hạn và không phân biệt. Quá nhấn mạnh đến quyền lợi đưa đến chỗ coi thường bổn phận. Bổn phận đặt giới hạn cho quyền lợi vì bổn phận chỉ cho thấy khuôn khổ nhân học và đạo đức mà quyền lợi là một thành phần trong đó, bằng cách này bổn phận giúp cho quyền lợi không trở thành sự buông thả. Vì thế, bổn phận củng cố, bảo vệ và thăng tiến các quyền như một bổn phận phải thực hiện nhằm phục vụ ích chung. Đàng khác, nếu những quyền của con người chỉ được dựa trên nền tảng duy nhất là quyết định của một tập thể công dân, thì những quyền này có thể bị thay đổi bất cứ lúc nào, và như thế, bổn phận phải tôn trọng và theo đuổi những quyền này sẽ dần phai mờ trong ý thức chung của cộng đồng. Khi đó, các chính phủ và các cơ quan quốc tế có thể quên mất tính khách quan và “bất khả xâm phạm” của những quyền này. Khi điều đó xảy ra, sự phát triển đích thực của các dân tộc sẽ bị lâm nguy [108]. Cách suy nghĩ và hành động như thế làm suy giảm quyền bính của các cơ quan quốc tế, nhất là đối với những nước đang cần phát triển nhất. Thật vậy, những quốc gia này yêu cầu cộng đồng quốc tế có bổn phận giúp đỡ họ để họ “làm chủ vận mạng của mình” [109], nghĩa là lãnh trách nhiệm về mình. *Sự chia sẻ bổn phận cách hỗ tương là sức đẩy mạnh mẽ cho hành động hơn là chỉ khẳng định suông về nhân quyền.*

44. Quan niệm về quyền và bổn phận trong phát triển cũng phải quan tâm đến những vấn đề liên quan đến tình trạng *gia tăng dân số*. Đây là khía cạnh rất quan trọng của sự phát triển đích thực vì nó liên quan đến những giá trị căn bản về sự sống và gia đình [110]. Thật sai lầm khi coi việc gia tăng dân số là nguyên nhân đầu tiên gây nên tình trạng kém phát triển, kể cả từ quan điểm kinh tế. Một đàng, chỉ cần xem xét sự giảm thiểu đáng kể số tử vong của trẻ sơ sinh và sự gia tăng tuổi thọ trong các nước phát triển về kinh tế, và

đàng khác là những dấu hiệu khủng hoảng trong những xã hội đang sút giảm trầm trọng về tỷ lệ sinh sản. Đương nhiên là phải chú tâm đến việc sinh sản có trách nhiệm, vốn là một trong những yếu tố quan trọng của sự phát triển con người toàn diện. Vì quan tâm đến sự phát triển đích thực của con người, Giáo hội thúc giục con người phải tôn trọng đầy đủ những giá trị nhân bản trong hành động tính dục. Tính dục không thể bị giảm thiểu thành khoái lạc hay giải trí thuần túy, cũng thế giáo dục phái tính không thể chỉ là hướng dẫn về kỹ thuật với mục đích duy nhất là làm sao khỏi bị bệnh và tránh được “nguy cơ” thụ thai. Làm như thế là coi thường và nghèo nàn hóa ý nghĩa sâu xa của tính dục, vốn là ý nghĩa cần phải được nhìn nhận và thực hiện cách có trách nhiệm, không những đối với các cá nhân mà cả với cộng đồng. Thật là vô trách nhiệm nếu chỉ nhìn tính dục như nguồn khoái lạc thuần túy, cũng như điều chỉnh tính dục bằng những kế hoạch bắt buộc kiểm soát sinh sản. Trong cả hai trường hợp, những tư tưởng và chính sách duy vật thắng thế, cuối cùng các cá nhân trở thành nạn nhân của bạo lực dưới nhiều hình thức khác nhau. Để chống lại những chính sách đó, cần phải bảo vệ quyền căn bản của gia đình trong lãnh vực tính dục [111] đối với Nhà Nước và những chính sách mang tính áp đặt của Nhà Nước, đồng thời phải cung ứng cho các người làm cha mẹ nền giáo dục thích hợp.

Về mặt luân lý, *mở ra với sự sống trong tinh thần trách nhiệm là sự phong phú về mặt xã hội và kinh tế*. Các dân tộc đông người đã có thể thoát ra khỏi cảnh đói nghèo là nhờ dân số đông và tiềm năng của dân chúng. Ngược lại, những dân tộc đã từng có thời thịnh vượng nay đang trải qua giai đoạn nghiêng ngả và đôi khi suy thoái là vì tỷ lệ sinh sản giảm sút, và đây là vấn đề then chốt của những xã hội đã phát triển cao. Tình trạng giảm số sinh sản, đôi khi ở dưới mức được gọi là “mức độ thay thế”, cũng gây khó khăn cho những hệ thống bảo hiểm xã hội, làm tăng giá bảo hiểm, ăn vào nguồn dự trữ và do đó ăn vào những nguồn tài chính cần thiết cho việc đầu tư, giảm số lao động có trình độ cao và thu hẹp lại nguồn chất xám mà dân tộc cần dựa vào. Hơn thế nữa, trong những gia đình ít người, kể cả rất ít, những tương quan xã hội có nguy cơ bị nghèo nàn đi và những hình thức liên đới truyền thống cũng không còn. Những tình trạng trên là triệu chứng của việc không còn tin tưởng vào tương lai và mệt mỏi tinh thần. Vì thế, giới thiệu cho các thế hệ tương lai về đẹp của hôn nhân và gia đình, và cho họ thấy hôn nhân và gia đình đáp ứng những nhu cầu sâu xa nhất cũng như phẩm giá của con người, điều này đã trở thành một nhu cầu xã hội, kể cả nhu cầu kinh tế. Trong viễn tượng này, các Nhà Nước được mời gọi đưa ra *những chính sách thúc đẩy tính trung tâm và toàn vẹn của gia đình* đặt nền trên hôn nhân giữa người nam và người nữ, là tế bào căn bản và sống động của xã hội [112], đồng thời phải quan tâm đến những nhu cầu kinh tế và tài chính của các gia đình, trong sự tôn trọng bản chất mang tính tương giao của gia đình.

45. Đáp ứng những đòi hỏi luân lý sâu xa nhất của con người cũng tạo ra những âm hưởng quan trọng và ích lợi trên bình diện kinh tế. Thật vậy, *để vận hành cách đúng đắn, kinh tế cần đến đạo đức*; không phải bất cứ thứ đạo đức nào nhưng là nền đạo đức thân hữu với nhân vị. Ngày nay người ta nói nhiều đến đạo đức trong lãnh vực kinh tế, tài chính hay kỹ thuật. Các trung tâm nghiên cứu và những khóa huấn luyện đạo đức kinh doanh được thiết lập. Trong các nước phát triển, hệ thống cấp bằng chứng nhận về đạo đức đang lan rộng, phát xuất từ ý thức về trách nhiệm của kinh doanh đối với xã hội. Các ngân hàng đang đề nghị những tài khoản và những nguồn vốn đầu tư được gọi là “đạo đức”. “Tài chính đạo đức” đang phát triển nhất là qua những tín dụng và tài chính nhỏ. Tiến trình này thật đáng khen và cần được nâng đỡ. Người ta cũng thấy được những hiệu quả tích cực của nó cả trong các nước kém phát triển. Tuy nhiên, cần đề ra một tiêu chuẩn phân định lành mạnh vì tính từ “đạo đức” có thể bị lạm dụng nếu sử dụng quá chung chung, có nguy cơ mang những nội dung khác nhau đến độ ẩn dưới những vỏ bọc đạo đức lại là những quyết định và chọn lựa đi ngược lại công bằng và thiện hảo đích thực của con người.

Thật vậy, điều đó tùy thuộc phần lớn vào hệ thống luân lý mà người ta qui chiếu vào. Về chủ đề này, giáo huấn xã hội của Giáo hội có phần đóng góp đặc biệt vì giáo huấn này xây nền trên việc tạo dựng con người “theo hình ảnh Thiên Chúa” (St 1,27); từ đó phát xuất phẩm giá bất khả vi phạm của nhân vị cũng như giá trị siêu việt của những luật luân lý tự

nhiên. Một nền đạo đức mà không nhìn nhận hai cột trụ này, chắc chắn có nguy cơ đánh mất ý nghĩa riêng của đạo đức và làm mờ cho những hình thức lạm dụng. Cụ thể hơn nữa, nó có nguy cơ làm nô lệ cho những hệ thống kinh tế tài chính hiện hành thay vì sửa đổi những sai trái của hệ thống đó. Cuối cùng, nó cũng có thể được sử dụng để biện chính cho việc cung cấp tài chính cho những dự án phi đạo đức. Do đó, không nên sử dụng từ “đạo đức” theo nghĩa phân biệt ý thức hệ, làm như thể những sáng kiến không mang nhãn hiệu này thì không đạo đức. Cần nỗ lực – và đây là điều tối cần thiết – để không chỉ gây dựng lãnh vực kinh tế này hoặc lãnh vực tài chính kia mang tính đạo đức, nhưng phải làm sao để toàn bộ nền kinh tế tài chính mang tính đạo đức, không chỉ do nhãn hiệu bên ngoài, nhưng do sự tôn trọng những đòi hỏi nội tại bản chất của nó. Giáo huấn xã hội của Giáo Hội đề cập đến vấn đề này cách rõ ràng khi nhắc nhở rằng kinh tế, trong nhiều ngành khác nhau, là một lãnh vực của hoạt động con người (113).

46. Khi xem xét đến những vấn đề liên quan tới mối *tương quan giữa kinh doanh và đạo đức*, cũng như sự tiến hóa của hệ thống sản xuất ngày nay, xem ra sự phân biệt truyền thống giữa các công ty nhắm lợi nhuận và các tổ chức phi lợi nhuận không còn phù hợp hoàn toàn với thực tế nữa, cũng không cung cấp định hướng thực hành cho tương lai. Trong những thập niên vừa qua, đã xuất hiện một vùng trung gian giữa hai hình thức kinh doanh nói trên. Vùng đất trung gian này được làm thành do những công ty truyền thống – nhưng lại có những thỏa ước giúp đỡ các xứ kém phát triển – những tổ chức bác ái liên kết với các công ty cá nhân hoặc nhóm công ty với định hướng lo cho phúc lợi xã hội, và những hình thức khác của cái gọi là “kinh tế dân sự” và “kinh tế hiệp thông”. Vấn đề ở đây không chỉ là “vùng đất thứ ba” nhưng là một thực tại rộng lớn và phức tạp, chạm đến đời sống riêng cũng như đời sống công, không loại trừ lợi nhuận nhưng xem lợi nhuận như dụng cụ để thực hiện những mục tiêu mang tính nhân văn và xã hội. Dù những công ty này có phân phối lợi nhuận hay không, dù cấu trúc pháp luật của những công ty này phù hợp với hình thức kinh doanh nào, điều đó không quan trọng cho bằng định hướng của các công ty đó khi coi lợi nhuận như phương thế để đạt đến mục tiêu nhân hóa thị trường và xã hội. Hy vọng rằng những loại hình kinh doanh này sẽ có được cấu trúc tài chính và pháp lý thích hợp trong mọi quốc gia. Không phủ nhận tầm quan trọng và những lợi ích kinh tế xã hội của những hình thức kinh doanh truyền thống, những loại hình mới này đang thúc đẩy hệ thống hướng đến chỗ các chủ thể kinh tế đảm nhận cách rõ ràng và đầy đủ hơn bổn phận của mình. Hơn thế nữa, *chính tính đa dạng của những hình thức kinh doanh sẽ đưa đến một thị trường không những văn minh hơn mà còn mang tính cạnh tranh hơn.*

47. Việc gia tăng các mẫu thức kinh doanh khác nhau, và đặc biệt những mẫu có khả năng xem lợi nhuận như phương tiện để đạt được mục đích nhân bản hóa thương trường và xã hội, phải được theo đuổi trong các nước bị loại trừ hay bị gạt ra bên lề vòng ảnh hưởng của kinh tế toàn cầu. Nơi đó, phải đẩy mạnh những kế hoạch dựa trên nguyên tắc hỗ trợ, được hoạch định và quản lý tốt, nhằm củng cố các quyền lợi, đồng thời cũng đảm nhận những trách nhiệm tương ứng. Trong các chương trình phát triển, *nguyên tắc về vị trí trung tâm của nhân vị* phải được bảo đảm, vì nhân vị là chủ thể có trách nhiệm đầu tiên trong việc phát triển. Lợi ích chính yếu phải là cải tạo cho tốt hơn hoàn cảnh sống của con người cụ thể trong một vùng xác định, để họ có thể chu toàn trách nhiệm của mình, điều mà họ không thể chu toàn do hoàn cảnh nghèo khó. Mọi quan tâm xã hội không bao giờ chỉ là một thái độ trừu tượng. Để có thể thích ứng với những hoàn cảnh đặc biệt, những kế hoạch phát triển cũng phải mang đặc tính uyển chuyển; và những người lãnh nhận viện trợ cũng phải được trực tiếp hội nhập vào chương trình của kế hoạch và trở thành diễn viên chính cho việc chuyển đổi của họ. Cũng cần phải áp dụng những tiêu chuẩn cho việc thăng tiến từng cấp bậc và hỗ trợ kèm theo – bao gồm cả việc kiểm soát kết quả – vì không có một bản được áp dụng cách phổ quát. Tất cả tùy thuộc vào cách thức thực hiện các chương trình. “Vì các dân tộc là những người xây dựng cho những tiến triển của chính họ, chính họ là những người đầu tiên phải nhận gánh nặng và trách nhiệm. Nhưng họ không thể làm được, nếu như bị cô lập” [114]. Ngày nay, khi thế giới càng ngày càng gắn bó với nhau, ý

kiến của Đức Giáo Hoàng Phaolô VI lại càng mang tính thời sự. Sự năng động của hội nhập không mang tính chất cơ giới. Những cách giải quyết phải dựa vào nền tảng của việc đánh giá hoàn cảnh cách cẩn thận, dựa trên đời sống của các dân tộc và những con người cụ thể. Bên cạnh những dự án lớn, cần có những dự án nhỏ và nhất là sự động viên hữu hiệu tất cả mọi người của xã hội dân sự, những pháp nhân cũng như những con người cụ thể.

Việc *hợp tác quốc tế* cần đến những người tham gia vào tiến trình phát triển kinh tế và nhân bản qua sự liên đới bằng sự hiện diện, đồng hành, việc đào tạo và tôn trọng. Từ cái nhìn này, các cơ quan quốc tế phải tự hỏi về hiệu quả thực sự của guồng máy quản lý nặng tính bàn giấy và thường rất tốn kém. Đôi khi những người lãnh viện trợ trở nên phụ thuộc vào những người giúp đỡ và những người nghèo lại giúp cho những cơ chế bàn giấy tồn tại; những cơ chế này để tồn tại phải tốn rất nhiều từ nguồn vốn đáng lý phải dành cho việc phát triển. Từ cái nhìn này, ước gì tất cả những cơ quan quốc tế và những tổ chức không thuộc chính quyền dân thân cách trong sáng, khi trình bày cho những người trợ giúp ý kiến cũng như cho công luận biết về việc phân chia theo tỉ lệ số tiền được nhận, là số tiền được dành cho những kế hoạch làm việc chung, về nội dung thực tế của dự án và cuối cùng về việc hoạch định chung các trách nhiệm định hướng.

48. Ngày nay đề tài phát triển gắn chặt với các trách nhiệm; những trách nhiệm này xuất phát từ *mối liên hệ của con người với môi trường tự nhiên*. Môi trường này được Thiên Chúa ban cho tất cả mọi người. Đối với chúng ta, việc sử dụng môi trường đặt chúng ta trước một trách nhiệm đối với các người nghèo, với thế hệ tương lai và toàn thể nhân loại. Nếu vụn vặt, và đầu tiên là con người, bị xem là kết quả của một sự ngẫu nhiên hay chủ thuyết định mệnh tiến hóa, thì ý thức trách nhiệm sẽ bị giảm đi. Ngược lại, nơi thiên nhiên, người tín hữu nhận ra công trình kỳ diệu của tác động sáng tạo của Thiên Chúa, điều này buộc con người phải sử dụng có trách nhiệm, khi thỏa mãn những nhu cầu vật chất và tinh thần với việc tôn trọng sự quân bình nội tại của sáng tạo. Nếu quan niệm này bị lung lay, cuối cùng con người sẽ nhìn vụn vặt như một thực tại không được chạm tới hay ngược lại con người sẽ bóc lột chúng. Cả hai thái độ này đều không thích hợp với cái nhìn của Kitô giáo về vụn vặt, hoa quả sáng tạo của Thiên Chúa.

Thiên nhiên bày tỏ kế hoạch của tình yêu và chân lý. Thiên nhiên xuất hiện trước chúng ta và được Thiên Chúa ban tặng như không gian sống cho chúng ta. Thiên nhiên nói với chúng ta về Đấng Sáng Tạo (Rm 1,20) và về tình yêu của Ngài với con người. Thiên nhiên được hướng đến thời cuối cùng, cũng sẽ được “qui tụ trong Đức Kitô” (Ep 1,9-10; Cl 1,19-20). Do đó chính thiên nhiên cũng là một “tiếng gọi” [115]. Thiên nhiên nằm trong tầm tay sử dụng của chúng ta không phải như “một đồng đối tượng được tung rải một cách ngẫu nhiên” [116], nhưng như là quà tặng của Đấng Sáng Tạo, Đấng đã định cho chúng những trật tự nội tại để con người có thể rút ra từ đó những định hướng cần thiết để “gìn giữ và canh tác” chúng (St 2,15). Nhưng cũng phải nhấn mạnh, nếu nhìn thiên nhiên quan trọng hơn con người, thì sẽ đi ngược với sự phát triển đích thực. Cách nhìn này sẽ đưa đến những thái độ tân-ngoại giáo hay một thứ chủ thuyết đa thần mới: ơn cứu độ con người không thể chỉ đến từ ý nghĩa tự nhiên của vụn vặt. Người ta cũng phải quay lưng với thái độ ngược lại, thái độ cố gắng thống trị thiên nhiên bằng kỹ thuật, vì môi trường tự nhiên không phải chỉ là vật chất mà chúng ta có thể sắp xếp theo ý muốn của chúng ta, nhưng là công trình kỳ diệu của Thiên Chúa, mang nơi mình một “văn phạm – Grammatik” cho thấy những mục đích và tiêu chuẩn để chúng được sử dụng với sự khôn ngoan và không bị bóc lột cách độc đoán. Ngày nay, nhiều điều tai hại cho sự phát triển xuất phát từ những quan niệm sai lầm này. Nếu đúc kết vụn vặt hoàn toàn chỉ như tổng số những dữ kiện, cuối cùng chúng ta sẽ thấy rõ nguồn gốc của bạo lực đối với môi trường, đưa đến những hành động không tôn trọng đối với bản chất của con người. Bản chất này được tạo dựng không những từ vật chất, nhưng cũng từ tinh thần và vì thế mang nhiều ý nghĩa và mục đích siêu vượt để đạt tới, điều này có một đặc tính chuẩn mực đối với văn hóa. Con người giải thích và kiến tạo môi trường tự nhiên nhờ văn hóa; văn hóa này, đến phiên mình, được xác định từ sự tự do mang ý thức trách nhiệm, luôn chú tâm vào những nguyên tắc của lẽ luật luân lý. Dự kiến cho một sự phát triển toàn diện con người không được quên những thế hệ kế tiếp, phải dựa

trên tình liên đới và công bằng liên thế hệ (la justice intergénérationnels) phải chú ý đến các bình diện thực đa dạng – môi sinh, pháp lý, kinh tế, chính trị và văn hóa [117].

49. Ngày nay, những vấn đề liên hệ đến việc chăm sóc và bảo vệ môi trường buộc phải chú tâm đến *vấn đề năng lượng*. Việc thu gom nguồn năng lượng không tái chế của một số quốc gia, của những nhóm và công ty có ảnh hưởng lớn, đặt một ngăn trở nặng nề cho việc phát triển các nước nghèo. Những nước này hoặc thiếu phương tiện kinh tế để có thể khai thác những nguồn năng lượng không tái chế đang có, hoặc thiếu tiền để cung cấp cho việc nghiên cứu những nguồn năng lượng mới thay thế. Việc thu gom các tài nguyên thiên nhiên, trong nhiều trường hợp lại xảy ra ngay giữa các nước nghèo, sẽ dẫn đến sự bóc lột và nhiều sự xung đột giữa các quốc gia cũng như ngay trong nước. Những xung đột như thế sẽ diễn ra ngày càng thường xuyên hơn ngay trên những đất nước này kéo theo những hậu quả nặng nề: chết chóc, tàn phá và những tàn hại khác. Cộng đồng quốc tế có trách nhiệm tìm những con đường mang tính cơ chế để ngăn cản sự bóc lột những tài nguyên không thể tái chế, và phải cộng tác với sự thỏa thuận của những nước nghèo để cùng với họ hoạch định tương lai.

Trên mặt trận này, có một *nhu cầu luân lý khẩn thiết về một sự liên đới cần được đổi mới*, đặc biệt trong những liên hệ giữa các nước đang phát triển và những nước đạt trình độ cao về mặt kỹ nghệ [118]. Các cộng đồng phát triển cao về mặt kỹ thuật có thể và phải hạn chế sự phung phí năng lượng, hoặc bằng cách đổi mới những phương pháp sản xuất, hoặc gây ý thức mạnh mẽ hơn về môi sinh nơi người dân của mình. Cũng còn phải thêm, ngày nay việc kiện toàn khả năng sản xuất năng lượng rất khả thi và đồng thời cũng có khả năng đẩy mạnh việc tìm kiếm những hình thức khác của năng lượng. Cần phải có việc phân chia lại trên toàn thế giới những dự trữ năng lượng, để các nước không sử dụng được nguồn riêng, cũng có thể tham gia vào. Số phận của họ không thể đặt vào tay những người hưởng lợi đầu tiên hay căn cứ theo lý luận của kẻ mạnh. Đó là những vấn đề quan trọng, để có thể giải quyết cách hiệu quả, mọi người cần phải ý thức về các hệ quả thường đổ trên đầu các thế hệ mới, nhất là nhiều giới trẻ giữa các nước nghèo, là những người “đòi buộc phải được tham gia cách tích cực vào việc xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn” [119].

50. Trách nhiệm này mang tính toàn cầu, không phải chỉ đụng chạm đến năng lượng, nhưng là toàn thể tạo thành, mà chúng ta không được phép trao lại cho những thế hệ tiếp nối một công trình tạo dựng đã bị bóc lột các tài nguyên. Chắc chắn con người có thể thực hiện *việc quản lý đầy trách nhiệm đối với thiên nhiên*, để bảo vệ, hưởng dùng và canh tác bằng những hình thức mới nhờ sự trợ giúp của kỹ thuật tân tiến, để trái đất có thể đón nhận và nuôi toàn dân đang sống. Có đủ chỗ cho mọi người trên trái đất của chúng ta: toàn thể gia đình nhân loại có thể tìm nơi đây những nguồn tài nguyên cần thiết để có thể sống đúng đắn nhờ vào thiên nhiên, là quà tặng của Thiên Chúa cho con cái của Người, nhờ cố gắng làm việc và sức sáng tạo của mình. Dù vậy, chúng ta cũng phải ý thức về trách nhiệm lớn lao là phải để lại trái đất này cho những thế hệ mới trong một tình trạng như thế nào để họ có thể sống xứng đáng và tiếp tục canh tác. Điều này đòi hỏi chúng ta phải chung tay quyết định, sau khi đã xem xét với ý thức trách nhiệm, theo con đường nào với mục đích củng cố giao ước giữa con người với môi trường, như phản ảnh tình yêu sáng tạo của Thiên Chúa, Đấng mà chúng ta hiện hữu nhờ Người và đang tiến về Người” [120]. Chúng ta hy vọng rằng, cộng đồng quốc tế và từng chính quyền phải ngăn chặn một cách hữu hiệu các hình thức khai phá tai hại làm môi trường bị bóc lột. Các nhà chức trách hiện hành phải cố gắng hết sức, để những giá trị kinh tế và xã hội cho việc sử dụng các tài nguyên tự nhiên phải được công khai, cũng như những người hưởng dùng phải mang trách nhiệm, chứ không phải các dân tộc khác hay các thế hệ tương lai: việc bảo vệ môi trường, tài nguyên và khí hậu đòi buộc tất cả những người có trách nhiệm trên toàn thế giới phải hành động chung với nhau và cho thấy quyết định làm việc cách chính đáng, trong sự tôn trọng luật lệ và liên đới với các vùng yếu kém nhất trên hành tinh của chúng ta [121]. Một trong những trách nhiệm lớn nhất của kinh tế là việc sử dụng hiệu quả nhất các nguồn tài nguyên, chứ không phải phung phí, không bao giờ quên rằng ý niệm về hiệu năng không trung lập về mặt giá trị.

51. *Cách thức con người xử sự với môi trường, sẽ ảnh hưởng đến cách con người xử sự với chính mình, và ngược lại.* Vì thế, xã hội hiện tại phải cẩn thận xem lại cách sống của mình, cách sống mà trong nhiều vùng trên trái đất thường hướng về chủ nghĩa hưởng lạc và tiêu thụ và không quan tâm đến những điều tai hại từ đó gây nên [122]. Chúng ta cần có một sự thay đổi tâm thức, giúp đón nhận những cách sống mới; “trong đó, những yếu tố xác định cho việc chọn lựa, tiết kiệm và đầu tư sẽ là việc tìm chân thiện mỹ, cũng như sự hiệp thông với những người khác để có sự tăng trưởng chung” [123]. Mọi việc gây tổn thương tình liên đới và huynh đệ dân sự sẽ đưa đến tai hại cho môi trường, cũng như những tai hại môi trường đến phiên mình lại gây ra những khó khăn cho các mối liên hệ xã hội. Đặc biệt trong thời đại chúng ta, thiên nhiên đã hội nhập vào sự năng động xã hội và văn hóa sâu xa đến độ không còn là dữ kiện độc lập nữa. Việc sa mạc hóa nhanh chóng và lâm vào cảnh khổ của nhiều vùng nông nghiệp là hậu quả của nghèo đói và chậm tiến của dân chúng sống nơi đó. Khi động viên việc phát triển kinh tế và văn hóa của những dân tộc này, thì thiên nhiên cũng được bảo vệ. Biết bao nhiêu tài nguyên thiên nhiên đã bị chiến tranh tàn phá. Hòa bình của mỗi dân tộc và giữa các dân tộc cũng giúp bảo vệ thiên nhiên tốt hơn. Việc thu gom các tài nguyên, đặc biệt là nước, có thể đưa tới những xung đột giữa các dân bị ảnh hưởng. Một sự thỏa thuận hòa bình về việc sử dụng các tài nguyên có thể bảo vệ thiên nhiên và đồng thời sự sung túc của những xã hội có liên hệ.

Giáo hội có trách nhiệm đối với công trình tạo dựng và phải làm cho trách nhiệm này được chấp nhận cách công khai. Nếu thực hiện điều này, Giáo hội không những bảo vệ trái đất, nước và không khí như những quà tặng của sáng tạo thuộc về mọi người, mà trên hết Giáo hội bảo vệ con người khỏi việc tự hủy hoại chính mình. Cần phải có sự hiểu biết đúng đắn về môi trường sinh thái của con người. Thật vậy, sự suy thoái của thiên nhiên liên hệ mật thiết với nền văn hóa đã định hình cho đời sống chung của con người. Khi môi sinh nhân bản [124] được tôn trọng trong xã hội, thì môi sinh đích thực cũng sẽ được hưởng lợi. Cũng như các nhân đức nhân bản liên hệ với nhau và sự yếu kém của một nhân đức cũng làm suy yếu các nhân đức khác, cũng thế, hệ thống môi sinh cũng được đặt nền trên sự tôn trọng một chương trình có ảnh hưởng đến cuộc sống chung lành mạnh giữa xã hội cũng như mối liên hệ tốt đẹp với thiên nhiên.

Để bảo vệ thiên nhiên, thật sự không đủ khi đưa ra những tiêu chuẩn cổ vũ hay ngăn cản, cả việc giáo dục thích ứng cũng không đủ. Đó là những phương thế trợ lực quan trọng, nhưng vấn đề quyết định là *thái độ luân lý của toàn thể xã hội*. Khi quyền được sống và quyền được chết một cách tự nhiên không được tôn trọng, khi việc thụ thai, mang thai và sinh hạ của con người chỉ được thực hiện theo kỹ thuật, khi các phôi người dành cho việc khảo sát tìm tòi, cuối cùng ý niệm môi sinh nhân bản sẽ bị chao đảo và cùng với nó, ý niệm về môi sinh môi trường cũng bị loại ra khỏi ý thức chung của con người. Thật là một điều nghịch lý khi đòi hỏi các thế hệ mới phải tôn trọng môi trường tự nhiên, trong khi giáo dục và luật lệ không giúp gì để họ tự tôn trọng chính mình. Quyền sách thiên nhiên là duy nhất và không thể phân chia, cũng như môi trường của sự sống và các bình diện tính dục, hôn nhân, gia đình, liên hệ xã hội, tất một lời của sự phát triển toàn diện con người. Những trách nhiệm của chúng ta đối với môi trường liên kết với các trách nhiệm mà chúng ta phải có đối với con người tự tại và trong liên hệ với những kẻ khác. Người ta không thể đòi buộc một trách nhiệm và giẫm đạp lên các trách nhiệm khác. Đây là một điều nghịch lý nặng nề của tâm thức và thực hành của ngày nay, làm cho con người chán nản, khuynh đảo môi trường và gây hại cho xã hội .

52. *Chân lý và tình yêu nối kết nhau, không thể tự sản xuất ra được, chúng ta chỉ có thể đón nhận như quà tặng.* Nguồn gốc tối thượng của chúng không thể là con người, nhưng là Thiên Chúa, Đấng là Chân lý và Tình yêu. Nguyên tắc này rất quan trọng cho xã hội và cho sự phát triển, vì cả tình yêu lẫn chân lý đều không thể là sản phẩm của con người; cũng thế ơn gọi để phát triển con người và các dân tộc không dựa vào quyết định của con người, nhưng đã được ghi trong một kế hoạch có trước chúng ta và đặt để cho chúng ta một trách nhiệm mà mọi người đón nhận cách tự nguyện. Điều đã đi trước chúng

ta và điều đã xây dựng chúng ta – đó là Tình yêu và Chân lý – cho chúng ta thấy điều gì là tốt đẹp và hạnh phúc của chúng ta hệ tại điều gì. *Chính Tình yêu và Chân lý sẽ chỉ cho chúng ta con đường đi đến phát triển đích thực.*

CHƯƠNG V: SỰ HỢP TÁC CỦA GIA ĐÌNH NHÂN LOẠI

53. Một trong những hình thức nghèo đói nhất mà con người có kinh nghiệm, đó là sự cô lập. Nhìn kỹ lại những hình thức khác của nghèo đói, gồm cả đói nghèo vật chất, ta thấy rằng tất cả đều bắt nguồn từ tình trạng bị bỏ rơi, không-được-yêu-thương hoặc từ những khó khăn khi thể hiện khả năng yêu thương. Nghèo đói thường phát xuất từ sự chối từ tình yêu Thiên Chúa, từ khuynh hướng cơ bản và bi thảm của con người tự khép kín lại với chính mình, nghĩ rằng chỉ có một mình là đủ hay xem mình chỉ là một sự xuất hiện vô nghĩa và chóng qua, một “người xa lạ” trong một vũ trụ được hình thành từ ngẫu nhiên. Con người bị tha hóa khi trợ trợ một mình, hay tự tách khỏi thực tại, hay khi phủ nhận suy nghĩ và tin tưởng vào một Nền tảng [125]. Toàn thể nhân loại bị tha hóa, khi chỉ dựa vào những kế hoạch hoàn toàn do con người, vào những ý thức hệ và những ảo tưởng sai lệch [126]. Ngày nay, nhân loại xem ra hoạt động chung với nhau hơn hôm qua: sự gắn gũi này phải được biến đổi thành một cộng đoàn đích thực. *Sự phát triển các dân tộc tùy thuộc trước tiên vào việc nhận thức mình là một gia đình duy nhất*, làm việc chung với nhau trong mỗi hiệp thông đích thực, chứ không chỉ đơn thuần là một nhóm người tình cờ sống kề cận bên nhau [127].

Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã ghi nhận: “Thế giới đang xáo trộn vì thiếu suy tưởng” [128]. Ngài đưa ra một nhận xét, đồng thời cũng diễn tả một ước vọng: cần phải đổi mới tư duy để có thể hiểu rõ hơn sự kiện chúng ta tạo thành một gia đình; mối tương tác giữa các dân tộc trên địa cầu đòi buộc sự đổi mới này, để việc hội nhập có thể được thực hiện trong hướng liên đới chứ không loại trừ [129]. Một suy tư như thế buộc chúng ta phải có *một đánh giá mang tính phê phán sâu xa hơn về phạm trù “tương quan”*. Đây là một trách nhiệm không thể chỉ dành cho các khoa học xã hội nhưng cần đến sự đóng góp của các ngành khác như siêu hình học và thần học, để có thể hiểu rõ phẩm giá cao vời của con người.

Là thọ tạo có bản chất tinh thần, con người hiện thực chính bản thân mình qua những tương quan liên nhân vị. Con người càng sống những tương quan này cách đích thực, càng làm cho căn tính nhân vị của mình trưởng thành. Con người xác lập phẩm giá của mình không phải trong sự cô lập nhưng bằng cách đặt mình trong mối tương quan với tha nhân và với Thiên Chúa. Do đó những tương quan này có tầm quan trọng nền tảng. Điều này cũng áp dụng cho mọi dân tộc. Vì thế một tầm nhìn siêu hình về những tương quan giữa con người sẽ mang lại lợi ích lớn lao cho phát triển. Về điểm này, lý trí sẽ tìm được hứng khởi và một định hướng trong mạc khải Kitô giáo, theo đó, nhân vị không bị tan biến trong cộng đồng con người, sự độc lập không bị xóa đi, như đã từng xảy ra trong những hình thức khác nhau của chủ nghĩa độc tài. Trong tư tưởng Kitô giáo, cộng đồng vẫn tôn trọng nhân vị, vì liên hệ giữa con người và cộng đồng là mối liên hệ giữa một toàn thể và một toàn thể khác [130]. Cũng như gia đình không xóa đi các nhân vị tạo thành gia đình, và cũng như Giáo hội hoan hỉ vì mỗi “thọ tạo mới” (Gl 6,15; 2Cr 5,17) được hội nhập vào nhiệm thể mình qua bí tích Rửa Tội, thì sự hợp nhất gia đình nhân loại cũng không nhận chìm các nhân vị, các dân tộc và văn hóa, nhưng sẽ làm cho tất cả được trong sáng và kết hợp tất cả trong sự đa dạng hợp pháp của mình.

54. Đề tài phát triển các dân tộc cũng trùng hợp với đề tài kết hợp tất cả mọi người và dân tộc vào trong cộng đồng gia đình nhân loại, căn cứ trên những giá trị căn bản và hòa hợp trong tình liên đới. Cái nhìn này được soi sáng rõ ràng nhờ liên hệ Ba Ngôi Vị của mầu nhiệm Chúa Ba Ngôi trong cùng một bản thể. Mầu nhiệm Ba Ngôi Thiên Chúa là sự hiệp nhất tuyệt đối, vì ba Ngôi Vị Thiên Chúa là tương quan thuần túy. Sự trong sáng hỗ tương giữa các Ngôi vị Thiên Chúa là hoàn toàn và dây liên hệ giữa Đấng này với Đấng khác là trọn vẹn, vì các Ngài tạo thành một sự Duy Nhất và Độc Nhất tuyệt đối. Thiên Chúa cũng

muốn đón nhận chúng ta vào thực tại hiệp thông này: “Để chúng nên một, như CHÚNG TA là một” (Ga 17,22). Hội Thánh là dấu chỉ và khí cụ cho sự hợp nhất này [131]. Các tương quan giữa con người trong suốt chiều dài lịch sử đều có thể rút được sự hữu ích từ mẫu thần linh này. Cách riêng, *dưới ánh sáng mạc khải của mẫu nhiệm Chúa Ba Ngôi*, chúng ta hiểu rằng việc khai mở đích thực không có nghĩa là đánh mất căn tính cá nhân của mình là sự thâm thấu cách sâu xa. Điều này cũng xuất hiện qua kinh nghiệm của con người về tình yêu và chân lý. Như tình yêu mang tính bí tích liên kết hai người phối ngẫu cách thiêng liêng thành “một thịt” (St 2,24; Mt 19,5; Ep 5,31) và từ cả hai tạo nên sự duy nhất đích thực trong liên hệ; cũng tương tự như thế, chân lý liên kết các tinh thần lại với nhau và làm cho tất cả hiệp nhất trong suy tưởng khi lôi kéo và liên kết tất cả vào trong mình.

55. Mạc khải Kitô giáo về sự hợp nhất nhân loại giả thiết một *cách giải thích mang tính siêu hình về humanum – nhân bản*, khi trình bày tính tương quan như một yếu tố căn bản. Những nền văn hóa và tôn giáo khác cũng giảng dạy tình huynh đệ và hòa bình, và vì thế có tầm quan trọng đặc biệt cho việc phát triển toàn diện nhân bản. Tuy nhiên, một vài thái độ tôn giáo và văn hóa không đón nhận trọn vẹn nguyên tắc tình yêu và chân lý, cuối cùng đã làm chậm lại hay ngăn chặn sự phát triển đích thực của con người. Một vài tôn giáo và văn hóa trong thế giới ngày nay không đòi buộc con người sống hiệp thông, nhưng đúng hơn đã tách biệt họ ra nhằm kiếm tìm hạnh phúc cá nhân, giới hạn hạnh phúc này trong việc thỏa mãn những khát vọng tâm lý. Cũng nở rộ những “con đường” tôn giáo với chủ trương chiết trung, lôi kéo các nhóm nhỏ, kể cả từng cá nhân, những “con đường” này có thể dẫn đến sự phân tán hay thiếu sự gắn kết. Một hiệu quả tiêu cực của tiến trình toàn cầu hóa là xu hướng đón nhận thứ chiết trung tôn giáo này, khi cung cấp những hình thức “tôn giáo” làm cho con người tha hóa, thay vì giúp họ gặp gỡ nhau, đã tách họ ra khỏi thực tế. Đồng thời, vẫn còn tồn tại những gia sản văn hóa và tôn giáo đóng khung xã hội vào những giai cấp cố định, dưới những hình thức của niềm tin ma thuật, không tôn trọng phẩm giá nhân vị trong những thái độ lệ thuộc vào những quyền lực ma thuật. Trong những trường hợp này, tình yêu và chân lý khó tự khẳng định được, do đó sẽ đem lại nhiều tai hại cho một sự phát triển đích thực.

Một mặt, nếu thật sự việc phát triển cần đến các tôn giáo và văn hóa của nhiều dân tộc khác nhau, thì mặt khác, cũng từ nền tảng này, cần có một sự phân định thích đáng. Tự do tôn giáo không có nghĩa là dừng dừng đối với tôn giáo, cũng không cho mọi tôn giáo đều như nhau [133]. Cần có sự phân định về sự đóng góp của các nền văn hóa và tôn giáo trong việc xây dựng cộng đồng xã hội nhằm tôn trọng công ích, điều này thật cần thiết cho những người thực hành chính trị. Một phân định như thế phải dựa trên tiêu chuẩn tình yêu và chân lý. Vì sự phát triển của con người và các dân tộc đang lâm nguy, nên sự phân định này sẽ phải quan tâm đến nhu cầu giải phóng và hội nhập, trong bối cảnh một cộng đồng nhân loại thực sự mang tính phổ quát. “Con người toàn diện và tất cả mọi người” là tiêu chuẩn để đánh giá các nền văn hóa và tôn giáo. Kitô giáo, tôn giáo của “Thiên Chúa có gương mặt nhân tính” [134] mang trong mình một tiêu chuẩn như thế.

56. Kitô giáo và các tôn giáo khác có thể đóng góp phần mình vào sự phát triển, *khi Thiên Chúa có được vị trí của Người trong lãnh vực công cộng*, điều này bao gồm những chiều kích văn hóa, xã hội, kinh tế và đặc biệt chính trị. Giáo huấn xã hội của Giáo hội được hình thành để đòi “quyền công dân” [135] của Kitô giáo. Việc phủ nhận quyền tuyên xưng đức tin nơi công cộng và quyền đem ra thực hành những chân lý đức tin tác động trên đời sống công cộng, sẽ mang theo những hậu quả tiêu cực cho việc phát triển đích thực. Việc loại bỏ tôn giáo ra khỏi bình diện công cộng – và ở một cực đoan khác là chủ trương bảo thủ cực đoan – sẽ ngăn cản việc gặp gỡ giữa con người và sự cộng tác của họ cho sự tiến triển nhân loại. Đời sống công cộng sẽ nghèo nàn và chính trị sẽ mang bộ mặt đàn áp và gây hấn. Nhân quyền sẽ gặp nguy hiểm vì không còn được tôn trọng, hoặc vì nền tảng siêu việt của nhân quyền bị cướp mất hay vì sự tự do của con người không được công nhận. Cả chủ thuyết thế tục hóa lẫn chủ trương bảo thủ cực đoan đều làm cho con người mất khả năng có được một sự đối thoại đầy hiệu năng và sự cộng tác đầy thắng lợi giữa lý trí và

niềm tin tôn giáo. Lý trí luôn cần được đức tin thanh luyện, điều này cũng áp dụng cho lý trí chính trị, thứ lý trí này không được phép cho mình là toàn năng. Mặt khác, tôn giáo cũng cần để lý trí thanh luyện, để có thể bày tỏ khuôn mặt mang tính nhân bản đích thực. Sự đổ vỡ cuộc đối thoại này phải trả một giá đắt cho sự phát triển nhân loại.

57. Việc đối thoại tốt đẹp giữa đức tin và lý trí sẽ làm cho công trình bác ái về mặt xã hội được hữu hiệu, và tạo khung cho cho việc *cộng tác huynh đệ giữa những người tín hữu và những người vô tín* trong ý hướng chung là hoạt động cho công bằng và hòa bình của nhân loại. Trong Hiến Chế Mục vụ *Gaudium et spes*, các nghị phụ viết: “Người tin và người không tin đều đồng ý chung một điểm: mọi sự trên trái đất đều qui hướng về con người như trung tâm và chóp đỉnh” [136]. Đối với các tín hữu, thế giới không phải là sản phẩm của ngẫu nhiên hay tất định, nhưng là sản phẩm kế hoạch của Thiên Chúa. Do đó, trách nhiệm của các tín hữu là phải kết hợp mọi cố gắng của mình với những người thiện tâm – thuộc các tôn giáo khác hay những người vô tín – để thế giới của chúng ta đáp ứng được kế hoạch của Thiên Chúa: sống với nhau như một gia đình dưới ánh mắt của Đấng Tạo Hóa. Nguyên tắc hỗ trợ [137], một cách biểu lộ sự tự do không thể chuyển nhượng của con người, chắc chắn là dấu chỉ tình yêu và tiêu chuẩn hướng dẫn cho sự cộng tác huynh đệ của các tín hữu và những người vô tín. Trước tiên, nguyên tắc hỗ trợ là một sự trợ giúp cho con người ngang qua sự độc lập của những nhóm và hiệp hội trung gian. Sự trợ giúp này được đề nghị khi con người và những chủ thể xã hội tự sức mình không thể thực hiện những gì thuộc phận vụ của họ, và sự trợ giúp này luôn nhắm đến việc giải phóng con người vì nó thúc đẩy tự do và tham gia qua việc đảm nhận trách nhiệm. Sự hỗ trợ tôn trọng phẩm giá con người, khi nhìn họ như một chủ thể có khả năng trao ban một cái gì đó cho kẻ khác. Khi công nhận tính hỗ tương như tâm điểm của đời sống con người, sự hỗ trợ thực sự là phương tiện đối kháng hữu hiệu với bất cứ hình thức nào của hệ thống xã hội nặng tính gia trưởng. Sự hỗ trợ có thể quan tâm đến những chương trình khác nhau – và như thế có nghĩa là sự đa dạng của chủ thể – cũng như sự phối hợp giữa các chương trình. Do đó, hỗ trợ là một nguyên tắc đặc biệt có khả năng hướng dẫn sự toàn cầu hóa và định hướng vào một sự phát triển thực nhân bản. Để không làm nảy sinh một quyền lực độc tài ở mức toàn cầu, *sự lãnh đạo việc toàn cầu hóa phải là một loại hỗ trợ*, được phân chia ra thành nhiều cấp bậc và nhiều bình diện khác nhau; sự hỗ trợ đòi buộc phải có một thẩm quyền, nhưng phải được tổ chức theo cách thức hỗ trợ [138], để đừng làm tổn thương sự tự do và phải thật hữu hiệu.

58. Nguyên tắc hỗ trợ phải liên kết chặt chẽ với nguyên tắc liên đới và ngược lại. Vì hỗ trợ nếu không có tình liên đới sẽ rơi vào chủ nghĩa địa phương xã hội, cũng thế, liên đới mà không có hỗ trợ cũng rơi vào một hệ thống gia trưởng, hạ thấp giá trị của những người được giúp đỡ. Phải cẩn thận chú ý đến điều này khi bàn đến những vấn đề trợ giúp quốc tế cho việc phát triển. Cho dù người cho có ý định thế nào đi nữa, sự trợ giúp có thể giữ một dân tộc trong tình trạng lệ thuộc hay tạo hoàn cảnh cho việc áp bức ở địa phương và bóc lột ngay trong đất nước nhận viện trợ. Để cho viện trợ kinh tế thật hữu ích, không được phép theo đuổi những mục đích kèm theo. Các viện trợ không những đòi buộc phải có sự cộng tác của chính quyền những nước tiếp nhận, nhưng phải có cả những nhà hoạt động kinh tế địa phương và những nhà hoạt động văn hóa của xã hội dân sự, bao gồm cả những Giáo hội địa phương. Những chương trình viện trợ phải ngày càng mang đặc tính tham gia và thực hiện từ mức cơ sở. Thật vậy, nguồn tài nguyên lớn lao trong những đất nước lãnh nhận viện trợ, chính là tài nguyên nhân bản (con người): đó là vốn liếng đích thực, phải tăng trưởng, để những nước nghèo được bảo đảm một tương lai độc lập đích thực. Phải nhớ rằng, trong lãnh vực kinh tế, nguồn viện trợ chính mà các nước đang phát triển cần thiết, bao gồm việc từng bước cho phép tham gia các sản phẩm của họ vào những thị trường thế giới và tạo khả năng để họ được chia sẻ trọn vẹn vào đời sống kinh tế thế giới. Thường trong quá khứ, việc trợ giúp chỉ được sử dụng để tạo những thị trường bên lề cho những sản phẩm của những nước này. Điều này là do thiếu yêu cầu thực sự cho các sản phẩm: vì thế cần phải giúp các nước này kiện toàn sản phẩm của họ và thích ứng hơn theo yêu cầu.

Hơn thế nữa, có những người, trong một thời gian dài, sợ hậu quả của cạnh tranh qua việc nhập khẩu các sản phẩm – thường là sản phẩm nông nghiệp – đến từ các nước có nền kinh tế nghèo. Tuy nhiên, không nên quên rằng đối với các nước này, khả năng bán các sản phẩm cũng mang ý nghĩa bảo đảm cho sự sống còn của họ, ngắn hạn cũng như dài hạn. Một nền thương mại quốc tế công bằng và quân bình trong lãnh vực nông nghiệp có thể đem lại lợi ích cho mọi người, cho người cung cấp cũng như cho người tiêu thụ. Vì thế, không những cần phải định hướng các sản phẩm theo kế hoạch thương mại, nhưng còn phải xác lập luật lệ giao thương thế giới để giúp họ, và gia tăng tài chính viện trợ phát triển làm cho các nền kinh tế này sản xuất nhiều hơn.

59. Sự hợp tác vào việc phát triển không được phép chỉ nhắm vào chiều kích kinh tế mà thôi, nhưng phải trở thành cơ hội tốt đẹp cho *sự gặp gỡ giữa các nền văn hóa và các dân tộc*. Nếu những người có trách nhiệm trong những nước kinh tế đã phát triển này không chú tâm đến văn hóa của chính họ cũng như của người khác, như nhiều lần đã xuất hiện, họ không thể nào có được một cuộc đối thoại sâu xa với các công dân của những nước nghèo này. Về phần các nước nghèo, nếu họ mở ra với những đề nghị văn hóa mà thiếu phê phán hay phân biệt, thì họ cũng không thể đảm đương trách nhiệm về sự phát triển đích thực [139]. Những xã hội phát triển về kỹ thuật không được phép coi sự phát triển kỹ thuật của nước mình như một thứ đẳng cấp cao về mặt văn hóa, nhưng đúng hơn họ phải tái khám phá những đức tính đôi khi đã bị quên lãng, đã làm cho họ phát triển theo dòng lịch sử. Các xã hội trên đường phát triển phải trung thành với những gì thật nhân bản trong truyền thống của họ, tránh cơn cám dỗ tôn sùng chủ thuyết cơ giới của nền văn minh kỹ thuật toàn cầu. Có sự hội tụ những khuôn mẫu đạo đức trong mọi nền văn hóa, đó là cách biểu lộ một nhân tính duy nhất, do chính Đấng Sáng Tạo muốn như thế; truyền thống khôn ngoan của nhân loại gọi là luật tự nhiên [140]. Luật luân lý phổ quát là nền tảng vững chắc cho một cuộc đối thoại mang tính chất văn hóa, tôn giáo và chính trị, chấp nhận một sự đa nguyên, đa dạng của nhiều nền văn hóa khác nhau, hợp tác để cùng nhau tìm những gì là chân, thiện và Thiên Chúa. Do đó, việc gắn bó với lề luật đã được ghi trong tâm hồn con người sẽ là tiền đề cho công tác xây dựng xã hội. Trong tất cả các nền văn hóa, cũng còn nhiều điều xem ra nặng nề cần phải giải tỏa và những bóng tối con người cần phải thoát ra. Niềm tin Kitô giáo đã nhập thể vào văn hóa và nâng cao nền văn hóa lên mức siêu việt; có thể giúp các nền văn hóa trưởng thành trong cộng đồng và tình liên đới phổ quát, tạo ưu thế cho việc phát triển chung cùng trên thế giới.

60. Trong việc tìm những cách giải quyết cho cơn khủng hoảng kinh tế hiện tại, *việc viện trợ phát triển cho các nước nghèo phải thực sự là phương tiện để tạo của cải cho mọi người*. Đây là dự án có thể mang tới viễn cảnh tăng trưởng – kể cả từ quan điểm kinh tế thế giới – để nâng đỡ các dân tộc đang ở giai đoạn đầu hay mới tiến bước trong tiến trình phát triển kinh tế của họ? Từ viễn tượng này, những nước có nền phát triển kinh tế cao hơn có thể dùng hết khả năng để giúp đỡ các nước nghèo tăng triển cao hơn, nhưng vẫn luôn tôn trọng những bó buộc mà cộng đồng quốc tế đã đề ra. Họ cũng có thể làm việc này khi kiểm soát lại chính sách chăm sóc và liên đới xã hội trong chính đất nước mình, khi áp dụng nguyên tắc hỗ trợ, tạo hệ thống bảo trợ xã hội giúp đẩy mạnh việc tham gia tích cực của những tư nhân và xã hội dân sự. Với cách thức này, có thể làm tốt công tác xã hội và chăm sóc, đồng thời tiết kiệm tiền bạc – cả việc loại bỏ sự phung phí và lạm dụng quá đáng – để hướng đến sự liên đới toàn cầu. Một hệ thống liên đới xã hội, có sự tham gia rộng rãi và có tổ chức, sẽ giảm bớt chế độ bàn giấy, thu hút nhiều người cộng tác, sẽ đem đến nhiều năng lực, dù hiện tại còn ngấm ngấm, nhưng có giá trị cho tình liên đới giữa mọi dân tộc.

Một trong những cách tiếp cận việc trợ giúp phát triển là áp dụng cách hữu hiệu điều mà người ta gọi là nguyên tắc hỗ trợ về mặt thuế khóa, cho phép người công dân quyết định gửi một phần thuế má họ đóng cho Nhà Nước đến một địa chỉ xác định. Nếu tránh được nhiều loại chủ nghĩa địa phương, cách làm này có thể thúc đẩy những hình thức liên đới xã hội khởi đi từ chính người công dân, với những lợi ích rõ ràng trên bình diện liên đới nhằm phục vụ cho việc phát triển.

61. Tình liên đới rộng lớn hơn trên bình diện quốc tế được biểu lộ trước hết qua việc tiếp tục *thúc đẩy việc giáo dục* – cho dù trong những hoàn cảnh khủng hoảng kinh tế – vì giáo dục là điều kiện chính yếu cho việc hợp tác quốc tế được hữu hiệu. Thuật ngữ “giáo dục” không chỉ nhằm vào các bài học và huấn luyện ngành nghề, dù cả hai là những nền tảng quan trọng cho việc phát triển, nhưng còn nhằm vào việc đào tạo con người toàn diện. Về vấn đề này, phải ghi nhận một phương diện thiết yếu: để giáo dục, phải biết rằng con người là ai và bản chất con người là gì. Một quan niệm mang tính tương đối về bản tính con người – đây lại là quan niệm ngày càng phổ biến – sẽ đặt ra những vấn đề nghiêm trọng cho việc giáo dục, nhất là giáo dục đạo đức, vì nó đe dọa tầm vóc phổ quát của giáo dục. Nếu người ta chạy theo thuyết tương đối, tất cả sẽ trở nên nghèo nàn hơn, sẽ đưa đến những hậu quả tiêu cực trên hiệu năng của những trợ giúp các dân đang trong tình trạng đau khổ; những người dân này không chỉ cần đến các phương tiện kinh tế và kỹ thuật, nhưng còn cần đến những phương pháp và phương tiện giáo dục nhằm hỗ trợ người dân thể hiện đầy đủ tiềm năng con người của họ.

Một ví dụ về tầm quan trọng của vấn đề này là hiện tượng *du lịch quốc tế* [141] vốn có thể là một yếu tố đáng ghi nhận cho việc phát triển kinh tế và gia tăng văn hóa, nhưng đôi khi lại trở thành cơ hội bóc lột và sa đọa luân lý. Hoàn cảnh hiện tại đem lại nhiều thuận lợi đặc biệt, để những khía cạnh kinh tế của việc phát triển – có nghĩa dòng chảy tài chính và việc tạo ra trong địa phương những việc kinh doanh quan trọng – có thể liên kết với những khía cạnh văn hóa, trong đó giáo dục đứng hàng đầu. Điều này đã được thực hiện trong nhiều trường hợp, thế nhưng trong rất nhiều trường hợp khác, du lịch quốc tế lại là yếu tố phản giáo dục không những cho người du lịch mà cả cho dân chúng địa phương. Dân chúng phải đối mặt với những thái độ vô luân hay đồi bại, tỉ như điều người ta gọi là du lịch tình dục, nhiều người phải trở thành nạn nhân, nhất là những người trẻ. Thật đau buồn khi phải xác nhận rằng, thứ du lịch này thường diễn ra với sự đồng ý của chính quyền sở tại, với sự thỉnh lạng của chính quyền những nước có dịch vụ du lịch và trong sự đồng lõa của nhiều người hoạt động trong các chi nhánh. Cho dù không có những mục đích này, du lịch quốc tế vẫn thường được tổ chức theo hướng tiêu thụ và hưởng lạc, được xem như cơn lũ vì được tổ chức theo những điều kiện mẫu mực từ những nước tổ chức du lịch; điều này không thích hợp cho một cuộc gặp gỡ đích thực giữa con người và giữa các nền văn hóa. Do đó, nên phát triển một loại hình du lịch khác, có khả năng tạo sự hiểu biết lẫn nhau, mà vẫn không mất đi không gian cần thiết cho việc nghỉ ngơi và giải trí lành mạnh: phải triển khai loại hình du lịch như thế – để tạo những liên hệ chặt chẽ hơn giữa những kinh nghiệm hợp tác quốc tế và kinh doanh phục vụ cho phát triển.

62. *Hiện tượng di dân* là một phương diện khác cần chú ý khi nói về việc phát triển nhân bản toàn diện. Đây là một hiện tượng đáng báo động vì số đông những người di dân, vì những vấn đề xã hội, kinh tế, chính trị, văn hóa và tôn giáo mà hiện tượng di dân đặt ra, và vì những thách đố bi thảm mà hiện tượng này đặt ra cho các cộng đồng quốc gia và quốc tế. Có thể nói, chúng ta đang đối mặt với hiện tượng xã hội đặc thù của thời đại, đòi buộc có một nền chính trị hợp tác quốc tế, một nền chính trị vững mạnh và có tầm nhìn xa để nắm bắt cách thích ứng. Một nền chính trị như thế đòi buộc phải được triển khai từ sự cộng tác chặt chẽ giữa những nước nguyên gốc của những người di tản và những nước đón nhận họ; nền chính trị này phải tiếp cận với những luật lệ quốc tế thích ứng, có khả năng hòa hợp với những trật tự pháp lý khác, với mục đích bảo vệ những nhu cầu và quyền lợi của những người và những gia đình di tản, đồng thời của những xã hội mà các người di tản nhắm đến. Không nước nào một mình có thể đối mặt với vấn đề di tản trong thời đại hôm nay. Tất cả chúng ta đều chứng kiến gánh nặng của khổ đau, bất ổn và khát vọng đi kèm theo làn sóng di dân. Tất cả chúng ta đều biết, quản lý vấn đề này thật nhiều khê; rõ ràng những người lao động nước ngoài, mặc dù có những khó khăn gắn liền với việc hội nhập vào xã hội mới, nhưng qua lao động, họ đem lại nhiều đóng góp đáng kể cho việc phát triển kinh tế của những nước đã đón nhận họ, và cả cho quê hương của họ bằng việc gởi tiền về nhà. Đương nhiên, không được xem những người lao động này là hàng hóa hay chỉ là sức lao

động thuần túy. Không được coi họ như một động lực sản xuất. Mỗi người di tản là một nhân vị, có những quyền lợi bất khả xâm phạm mà mọi người phải tôn trọng trong mọi hoàn cảnh [142].

63. Khi nhìn vào những vấn đề phát triển, người ta không được phép quên *mối liên hệ chặt chẽ giữa nghèo đói và thất nghiệp*. Trong nhiều trường hợp, nghèo đói là hậu quả của việc vi phạm phẩm giá lao động của con người, có thể vì những khả năng lao động của họ bị hạn hẹp (thất nghiệp, bị đánh giá thấp) hay người ta đã trút đi “những quyền lợi do lao động, nhất là quyền được trả lương xứng đáng, sự bảo đảm cho chính người lao động cũng như gia đình họ” [143]. Vì thế, ngày 01 tháng 5 năm 2000, vị tiền nhiệm đáng nhớ của tôi là Đức Giáo Hoàng Gioan-Phaolô II trong dịp Năm Thánh dành cho người lao động, đã kêu gọi một “liên minh thế giới cổ võ cho lao động xứng đáng” [144] khi động viên cho chiến lược của Tổ chức Lao động quốc tế. Với cách thức đó, ngài đã ủng hộ mạnh mẽ về mặt luân lý cho mục tiêu mà các gia đình trên thế giới đều khao khát. Từ “xứng đáng” (trong cụm từ Lao động xứng đáng) có ý nghĩa gì khi áp dụng cho lao động? Có nghĩa là một công việc mà trong bối cảnh của mỗi xã hội, được xem như biểu lộ phẩm giá đích thực của mỗi người đàn ông và mỗi người đàn bà: một công việc được tự do lựa chọn mà người lao động, đàn ông cũng như đàn bà, tham gia cách hữu hiệu vào việc phát triển cộng đồng của mình; một công việc cho phép người lao động được tôn trọng không có bất cứ sự kỳ thị nào; một công việc có thể giúp họ thỏa mãn các nhu cầu của gia đình và gởi con đến trường, và các em không buộc phải làm việc; một công việc cho phép người lao động tự tổ chức đời sống mình cách tự do và tiếng nói của mình được lắng nghe; một công việc cho phép có đủ thời gian để có thể khám phá lại gốc rễ của mình trên bình diện cá nhân, gia đình và tinh thần; một công việc bảo đảm cho người lao động khi đến tuổi hưu được có những điều kiện sống xứng đáng.

64. Khi suy nghĩ về đề tài lao động, phải nhắc đến đòi hỏi khẩn cấp: *các tổ chức công đoàn* của những người lao động, luôn được Giáo hội động viên và nâng đỡ, phải mở ra cho những viễn tượng mới nảy sinh, trong lãnh vực lao động. Vượt lên trên những ranh giới riêng của các công đoàn như vẫn có, các tổ chức công đoàn được mời gọi chú tâm vào những vấn đề mới của xã hội chúng ta: tôi nghĩ đến toàn bộ những vấn đề mà các nhà chuyên môn về xã hội học phát hiện trong những xung đột giữa cá nhân người lao động và cá nhân người tiêu thụ. Dù không nhất thiết phải ủng hộ lập luận theo đó người ta đi từ vị trí trung tâm của giới thợ thuyền sang vị trí trung tâm của giới tiêu thụ, điều này là lãnh vực thích hợp cho những kinh nghiệm công đoàn mang tính canh tân. Khung cảnh toàn cầu, nơi lao động đang được thực hiện, đòi buộc những tổ chức công đoàn quốc gia, thường hạn hẹp vào việc bảo vệ những nhu cầu của các thành viên, cũng phải nhìn đến những người không thuộc công đoàn và đặc biệt đến những người lao động trong những nước đang phát triển, nơi các lề luật xã hội thường bị vi phạm. Việc bảo vệ các người lao động này, được đòi hỏi qua những dự án thích hợp đối với những nước nguyên gốc, cho phép các tổ chức công đoàn nêu lên các lý do đạo đức và văn hóa đích thực, trong môi trường xã hội và lao động khác biệt, thành một động lực quyết định cho việc phát triển. Giáo huấn truyền thống của Giáo hội vẫn luôn có giá trị khi đề nghị phân biệt vai trò và trách nhiệm của công đoàn và chính trị. Sự phân biệt này cho phép các tổ chức công đoàn xác định trong xã hội dân sự, lãnh vực thích hợp nhất cho hoạt động cần thiết để bảo vệ và thăng tiến thế giới lao động, nhất là đối với những người lao động bị bóc lột và không có người đại diện, nhất là hoàn cảnh cay đắng của họ bị ánh mắt xã hội bỏ rơi.

65. Cuối cùng, vấn đề *tài chính* cần một sự đổi mới về cơ cấu và những phương pháp hoạt động sau khi những sai trái đã gây thiệt hại trầm trọng cho nền kinh tế thật sự. Với cách thức này, nền tài chính có thể trở thành một công cụ phục vụ cho sản xuất của cải tốt hơn và cho việc phát triển. Toàn bộ nền kinh tế và nền tài chính – chứ không phải chỉ vài lãnh vực – được sử dụng như công cụ phải dựa theo các tiêu chuẩn đạo đức để tạo những điều kiện thích hợp cho việc phát triển con người và các dân tộc. Thật hữu ích và trong một

số hoàn cảnh tất yếu, phải gọi lên những dự án tài chính, trong đó chiều kích nhân bản phải được nổi bật. Tuy nhiên, không nên quên rằng toàn bộ hệ thống tài chính phải nhắm vào việc nâng đỡ sự phát triển đích thực. Nhất là không nên cho rằng không thể có sự tương hợp giữa ý hướng làm việc tốt và khả năng sản xuất của cải thật sự. Các nhà tài chính phải tái khám phá nền tảng đạo đức đích thực trong hoạt động của họ, để không lạm dụng những phương tiện chuyên môn cao có thể được sử dụng để lừa gạt những người đóng góp tiết kiệm. Ý hướng ngay thẳng, sự minh bạch và việc kiểm tìm những kết quả khả quan phải được liên kết với nhau và không bao giờ được tách rời nhau. Nếu tình yêu gắn liền với khôn ngoan, thì tình yêu có thể tìm ra những phương cách hoạt động phù hợp với sự tiết kiệm đúng đắn và có tầm nhìn xa, như nhiều kinh nghiệm cho thấy trong lãnh vực hợp tác xã tín dụng.

Việc điều hành lãnh vực tài chính để bảo vệ những người yếu kém nhất và ngăn chặn những việc đầu cơ đầy tai tiếng, cũng như việc tìm ra những hình thức tài chính mới nhằm nâng đỡ những dự án phát triển, cả hai đều là những kinh nghiệm tích cực cần đào sâu và khuyến khích, làm nổi bật trách nhiệm của nhà đầu tư. Hơn nữa, cũng nên củng cố và thích ứng kinh nghiệm của tài chính vi mô (la microfinance das Mikrofinanzwesen) xuất phát từ suy tư và hoạt động của những nhà nhân bản dân sự, tôi nghĩ trước tiên đến việc xuất hiện các nhà cầm đồ (Leihhaus – tiếng Pháp: la création des Monts de Piété). Điều này lại càng khẩn thiết hơn trong thời điểm này khi những khó khăn tài chính có thể trở nên bi đát cho những thành phần dân chúng dễ bị tổn thương nhất; những người này cần được bảo vệ để chống lại những nguy cơ cho vay nặng lãi hay thất vọng. Những thành phần yếu kém trong xã hội phải được giúp đỡ để tự bảo vệ mình trước nạn cho vay nặng lãi, cũng như các dân tộc nghèo phải được giúp đỡ để có được lợi nhuận từ tín dụng nhỏ. Theo cách này, những khả năng bóc lột có thể bị ngăn chặn. Trong các nước giàu, cũng xuất hiện những hình thức mới của sự nghèo đói, nên tín dụng nhỏ cũng có thể là sự trợ giúp cụ thể khi mở ra những sáng kiến mới và những lãnh vực mới cho tầng lớp xã hội yếu kém trong thời đoạn nghèo khó của xã hội.

66. Mạng lưới liên kết toàn cầu đã dẫn đến chỗ hình thành một quyền lực chính trị mới, đó là *quyền lực của những người tiêu dùng và các tổ chức của họ*. Đây là một hiện tượng cần phải được nghiên cứu vì nó chứa chất những yếu tố tích cực cần củng cố cũng như những thái quá cần phải tránh. Thật tốt khi con người ý thức rằng việc mua sắm không chỉ là một hành động kinh tế, nhưng vẫn luôn là một hành động luân lý. Vì thế những *người tiêu dùng cũng phải có một trách nhiệm xã hội rõ ràng*, cùng chung với trách nhiệm của kinh doanh. Họ phải luôn được giáo dục về vai trò [145] hàng ngày họ phải thực hiện và chú trọng đến những nguyên tắc luân lý mà không làm giảm đi luận lý kinh tế của việc mua sắm. Ngay trong thời đại chúng ta đang sống, sức mua có thể giảm đi và người ta điều độ hơn trong việc mua sắm, vì thế cần khai mở những con đường mới, tỉ như những hình thức hợp tác xã mua bán như các hợp tác xã tiêu thụ xuất hiện vào thế kỷ XIX do công của các Kitô hữu khởi xướng. Xa hơn nữa, cũng hữu ích khi có những hình thức thương mại các sản phẩm xuất xứ từ các vùng bị đàn áp trên thế giới, để bảo đảm cho người sản xuất một đồng lương có thể chấp nhận. Tuy nhiên, để đạt được mục đích này, cần quan tâm đến một vài điều kiện: thị trường phải minh bạch; những người sản xuất không những nhận được giá cao, nhưng còn nhận được sự đào tạo về kỹ năng và kỹ thuật chuyên môn; và cuối cùng việc phát triển không được liên kết với những quan niệm mang ý thức hệ đảng phái. Khi người tiêu dùng không bị thao túng do những hiệp hội không thực sự đại diện cho họ, và họ có vai trò có tính quyết định hơn, thì đây sẽ là một động lực cho nền dân chủ về mặt kinh tế.

67. Đối mặt với việc gia tăng sự tương thuộc ở tầm vóc toàn cầu, và cho dù hiện tại với sự suy thoái trên thế giới, cần phải có một sự đổi mới Tổ chức liên hiệp quốc cũng như những cơ chế kinh tế và tài chính quốc tế để quan niệm về gia đình của các dân tộc có thể có âm vang rộng lớn thực sự. *Người ta cũng cảm nhận nhu cầu khẩn thiết phải tìm những hình thức mới để thực hiện nguyên tắc về trách nhiệm bảo vệ [146] và nguyên tắc về việc để cho các nước nghèo có tiếng nói hữu hiệu đóng góp vào những quyết định chung. Điều này*

thật quan trọng để đạt đến một trật tự chính trị, pháp lý và kinh tế đáp ứng sự cộng tác quốc tế nhằm vào việc phát triển có tính cách liên đới của tất cả các dân tộc. Để hướng dẫn kinh tế thế giới, hòng chữa trị các nền kinh tế bị tai hại vì sự khủng hoảng, để báo trước sự gia tăng tệ hại của cuộc khủng hoảng và từ đó đưa đến sự bất bình đẳng, để thực hiện việc giảm thiểu hoàn toàn vũ khí, để tiến đến việc bảo đảm lương thực và hòa bình, để điều chỉnh việc bảo vệ môi trường và dòng người di tản, cần phải có một thẩm quyền thế giới về mặt chính trị, như vị tiền nhiệm của tôi là Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII đã nói. Một thẩm quyền như thế phải được luật lệ điều chỉnh, phải tuân giữ các nguyên tắc bổ trợ và liên đới nhằm vào việc thực hiện công ích [147], *dẫn thân cho việc thực hiện phát triển con người toàn diện, được gọi hứng từ các giá trị tinh yếu trong chân lý*. Ngoài ra thẩm quyền này phải được mọi người công nhận, được hưởng một thực quyền hữu hiệu để bảo đảm cho mọi người được bình an, tôn trọng công lý và các quyền lợi. Đương nhiên thẩm quyền này phải có khả năng buộc các thành phần khác phải tôn trọng các quyết định của mình, cũng như các tiêu chuẩn do những nghị trường quốc tế yêu cầu. Nếu thiếu những điều kiện này, luật lệ quốc tế, cho dù có những phát triển lớn được áp dụng trong nhiều lãnh vực, có nguy cơ bị điều kiện hóa bởi cán cân quyền lực giữa các quốc gia mạnh nhất. Việc phát triển toàn diện các dân tộc và việc hợp tác quốc tế đòi buộc phải thiết lập một cấp bậc cao hơn của trật tự quốc tế theo mẫu bổ trợ nhằm điều hành việc toàn cầu hóa [149]. Điều đó cũng đòi hỏi việc xây dựng một trật tự xã hội phù hợp với trật tự luân lý, với sự liên kết giữa bình diện luân lý và xã hội, và với sự liên kết giữa chính trị và các bình diện kinh tế và dân sự, mà điều lệ của Liên Hiệp Quốc đã thấy trước.

CHƯƠNG VI: PHÁT TRIỂN CÁC DÂN TỘC VÀ KỸ THUẬT

68. Sự phát triển của các dân tộc liên kết chặt chẽ với sự phát triển của các cá nhân. Ở tự bản chất, nhân vị tham gia cách tích cực vào sự phát triển chính mình. Sự phát triển được bàn đến ở đây không chỉ đơn thuần là kết quả của vận hành tự nhiên, vì như mọi người đều biết, tất cả chúng ta đều có thể có những chọn lựa tự do và có trách nhiệm. Phát triển cũng không chỉ tùy thuộc vào tính khí thất thường của chúng ta, vì tất cả chúng ta đều biết rằng mình là một quà tặng chứ không phải là cái gì tự sinh. Tự do của ta được định hình cách sâu xa bởi chính hữu thể và bởi cả những giới hạn của mình. Không ai định hình lương tâm của mình cách độc đoán nhưng tất cả chúng ta đều xây dựng cái “tôi” trên nền tảng cái “ngã” (nhân tính) đã được ban cho ta. Không những người ở bên ngoài không thể kiểm soát chúng ta, nhưng ngay chúng ta cũng không thể hoàn toàn kiểm soát chính mình. *Sự phát triển của một con người sẽ bất thành nếu người đó cho rằng mình là tác giả duy nhất của phát triển*. Nói theo cách loại suy, sự phát triển của các dân tộc sẽ bị biến chất nếu nhân loại nghĩ rằng mình có thể tái tạo chính mình nhờ những “kỳ công” của kỹ thuật, cũng thế sự phát triển kinh tế sẽ đem đến những tai hại nếu nó chỉ dựa vào những “kỳ công” của tài chính để duy trì sự tăng trưởng giả tạo gắn liền với việc tiêu thụ quá mức. Đối diện với tham vọng chỉ dựa vào sức mạnh con người này (prométhée), chúng ta phải củng cố tình yêu nhằm xây dựng sự tự do không mang tính độc đoán, nhưng là thứ tự do mang chất nhân bản khi nhìn nhận sự thiện đi trước chúng ta. Để đạt được mục đích này, con người cần trở về với chính mình để nhận ra những lẽ luật nền tảng của luật luân lý tự nhiên mà Thiên Chúa đã ghi khắc vào lòng chúng ta.

69. Thách đố của phát triển ngày nay liên kết chặt chẽ với *tiến bộ kỹ thuật*, được ứng dụng cách ngoạn mục trong lãnh vực sinh học. Cần nhấn mạnh rằng kỹ thuật là một thực tại mang tính nhân văn sâu sắc, gắn liền với sự tự lập và tự do của con người. Kỹ thuật diễn tả và khẳng định cách mạnh mẽ sự làm chủ của tinh thần trên vật chất. Tinh thần, “được giải thoát khỏi sự nô lệ các thụ tạo, có thể dễ dàng nâng lòng lên hướng đến việc thờ phượng và chiêm ngắm Đấng Tạo Hoá” [150]. Kỹ thuật cho phép ta chế ngự vật chất, giảm thiểu những nguy cơ, tiết kiệm sức lực và cải thiện hoàn cảnh sống. Kỹ thuật đáp trả chính ơn gọi của lao công: nhờ kỹ thuật vốn là công trình của trí tuệ con người, con người nhận ra

chính mình và hoàn thành nhân tính của mình. Kỹ thuật là khía cạnh khách quan của hành động nhân loại [151], nhưng nguồn gốc và lý do của hành động này lại nằm ở yếu tố chủ quan: con người làm việc. Do đó, kỹ thuật không bao giờ chỉ thuần túy là kỹ thuật. Nó biểu lộ con người và những khát vọng của con người hướng đến sự phát triển, nó diễn tả nỗ lực của tinh thần muốn dần dần vượt qua những giới hạn vật chất. Theo nghĩa này, *kỹ thuật là lời đáp trả của con người trước mệnh lệnh của Thiên Chúa trao cho con người canh tác và giữ gìn trái đất* (St 2,15), và kỹ thuật phải hướng đến chỗ củng cố giao ước giữa nhân loại và môi trường sống, một giao ước phản ánh tình yêu sáng tạo của Thiên Chúa.

70. Phát triển kỹ thuật có thể khiến người ta nghĩ rằng chỉ cần kỹ thuật là đủ, khi con người đặt ra quá nhiều câu hỏi **“làm thế nào”** mà ít khi đặt câu hỏi **“tại sao”** vốn là những câu hỏi thúc đẩy con người hành động. Chính vì thế kỹ thuật mang những nét hàm hồ. Xét như là khí cụ của tự do phát sinh từ tính sáng tạo của con người, kỹ thuật có thể được hiểu như một yếu tố của tự do tuyệt đối, sự tự do muốn vượt lên trên những giới hạn nội tại trong sự vật. Tiến trình toàn cầu hóa có thể lấy kỹ thuật thay thế cho các ý thức hệ, để rồi đến lượt nó kỹ thuật lại trở thành một quyền lực ý thức hệ đẩy con người đến nguy cơ khép kín chính mình cách tiên thiên, làm cho nó không thể bước ra bên ngoài để gặp gỡ hữu thể và chân lý. Nếu điều đó xảy ra, có lẽ tất cả chúng ta sẽ nhận biết, đánh giá và quyết định về đời sống của mình hoàn toàn từ chân trời văn hóa mang tính kỹ trị là thứ chân trời mà chúng ta bị ảnh hưởng xét về mặt cơ cấu, thế nhưng sẽ không bao giờ tìm được ý nghĩa (đời sống) bởi lẽ ý nghĩa đó không hoàn toàn do ta làm ra. Ngày nay, tầm nhìn này làm cho não trạng kỹ trị thắng thế đến độ nó đồng hóa cái “thật” với cái “có thể làm ra”. Thế nhưng khi tiêu chuẩn duy nhất của chân lý chỉ là tính hiệu năng và thực dụng, thì lập tức sự phát triển bị chối từ. Sự phát triển đích thực không hệ tại chủ yếu ở cái “làm”. Chìa khoá của phát triển là một tâm trí có khả năng suy tư theo lý luận kỹ thuật, đồng thời nắm bắt được ý nghĩa nhân văn đầy đủ của hoạt động con người, trong chân trời của ý nghĩa toàn diện về hiện hữu nhân sinh. Ngay cả khi chúng ta làm việc qua các vệ tinh hay qua những phương tiện điện tử được điều khiển từ xa, thì hành động của ta vẫn là hành động của con người, là cách thể diễn tả sự tự do mang tinh thần trách nhiệm của ta. Kỹ thuật có sức hút đặc biệt vì nó lôi ta ra khỏi những giới hạn thể lý của mình và mở rộng chân trời của ta. Thế nhưng *tự do của con người chỉ là tự do đích thực khi nó đáp ứng sự cuốn hút của kỹ thuật bằng những quyết định vốn là hoa trái của trách nhiệm luân lý*. Do đó xuất hiện nhu cầu khẩn thiết là phải huấn luyện việc sử dụng kỹ thuật một cách có trách nhiệm về đạo đức. Khởi đi từ sự cuốn hút của kỹ thuật, chúng ta phải tìm lại ý nghĩa đích thực của tự do, vốn không nằm ở chỗ say mê sự tự lập hoàn toàn nhưng ở lời đáp trả trước tiếng gọi của hữu thể, bắt đầu bằng chính hữu thể của mình.

71. Một vài những ứng dụng kỹ thuật trong lãnh vực phát triển và hòa bình cho thấy não trạng kỹ thuật có thể đưa đến những lệch hướng khỏi những nguyên lý mang tính nhân văn vững chắc. Sự phát triển của các dân tộc thường được xem như vấn đề kích thích tài chính, mở cửa thị trường, giảm thuế, đầu tư sản xuất và những đổi mới cơ chế; nói cách khác, là vấn đề thuần túy kỹ thuật. Tất cả những điều nói trên đều có tầm quan trọng cả, nhưng chúng ta tự hỏi tại sao những chọn lựa kỹ thuật như thế cho đến nay chỉ đem lại những kết quả bất toàn. Phải tìm kiếm những lý do sâu hơn. Phát triển sẽ không bao giờ được bảo đảm hoàn toàn nhờ những sức mạnh có thể nói là tự động và vô hồn, cho dù là những sức mạnh phát xuất từ thị trường hay chính trị. *Sẽ không thể có phát triển nếu không có những con người liêm chính, những nhà tài chính và những chính trị gia có lương tâm phù hợp với những đòi hỏi của công ích*. Cả năng lực chuyên môn lẫn sự vững vàng về luân lý đều cần thiết. Khi kỹ thuật chiếm thế thượng phong thì hậu quả là sẽ có sự lẫn lộn giữa phương tiện và mục đích, đến độ tiêu chuẩn duy nhất cho hành động trong kinh doanh sẽ là lợi nhuận tối đa, trong chính trị là củng cố quyền lực, trong khoa học là những kết quả nghiên cứu. Như thế, ẩn dưới những mạng lưới trao đổi kinh tế, tài chính và chính trị, vẫn còn đó những hiểu lầm, bất ổn và bất công. Dòng chảy kiến thức kỹ thuật gia tăng nhưng chỉ

có lợi cho những người sở hữu kiến thức đó, còn hoàn cảnh sống của những người dân không biết đến kiến thức đó vẫn không hề thay đổi và ít có cơ may giải phóng đối với họ.

72. Ngay cả hòa bình cũng có nguy cơ bị xem như một sản phẩm kỹ thuật, chỉ là kết quả của những thỏa ước giữa các chính phủ hoặc những sáng kiến nhằm bảo đảm sự trợ giúp kinh tế hiệu quả. Quả thật là việc *xây dựng hòa bình* đòi hỏi phải thường xuyên thiết lập những quan hệ ngoại giao, những trao đổi kinh tế và kỹ thuật, những gặp gỡ văn hóa, những thỏa thuận về các dự án chung, cũng như những nỗ lực hỗ trợ nhằm ngăn chặn mối đe dọa xung đột quân sự và nhờ tận gốc những nguyên nhân tiềm ẩn của chủ nghĩa khủng bố. Tuy nhiên, nếu muốn cho những nỗ lực đó mang lại kết quả lâu dài, thì nó cần được đặt nền trên những giá trị cắm rễ sâu trong sự thật về đời sống con người. Nói cách khác, phải lắng nghe tiếng nói của các dân tộc bị ảnh hưởng và xem xét hoàn cảnh sống của họ để hiểu cho đúng tâm tư nguyện vọng của họ. Như thế, người ta phải ghi nhận ở đây biết bao cố gắng của biết bao người đã mạnh mẽ dấn thân nhằm thúc đẩy sự gặp gỡ giữa các dân tộc và cổ vũ sự phát triển trên nền tảng tình yêu và sự hiểu biết lẫn nhau. Trong số những người này, phải kể đến các Kitô hữu đã dấn thân cho nhiệm vụ vĩ đại là mang đến cho phát triển và hòa bình một chiều kích đầy tính nhân văn.

73. Gắn liền với phát triển kỹ thuật là sự gia tăng rất nhanh những *phương tiện truyền thông* xã hội. Ngày nay, hầu như không thể tưởng tượng đến đời sống của gia đình nhân loại mà lại không có những phương tiện này. Dù tốt hay xấu, những phương tiện này đã là thành phần thiết yếu của đời sống đến nỗi thật là hàm hồ nếu cho rằng nó ở thế trung lập, và đòi hỏi cho nó quyền độc lập đối với luân lý đạo đức liên quan đến con người. Thông thường, những quan điểm nhấn mạnh bản chất thuần túy kỹ thuật của truyền thông như thế thực ra chỉ biện hộ cho sự lệ thuộc của nó vào những tính toán kinh tế nhằm mục đích thống trị thị trường, và điều khác nữa là cố gắng áp đặt những mô thức văn hóa phục vụ cho mục tiêu chính trị và ý thức hệ. Do tầm quan trọng nền tảng của truyền thông trong việc kích thích những thay đổi cách nhìn nhận thực tại và chính con người, chúng ta phải suy nghĩ cẩn thận về ảnh hưởng của truyền thông, đặc biệt là trên bình diện đạo đức-văn hóa của toàn cầu hóa và của sự phát triển các dân tộc trong tình liên đới. Nếu toàn cầu hóa và phát triển đòi hỏi phải có cách tiếp cận mang tính đạo đức, thì cũng thế, *phải kiếm tìm ý nghĩa và mục đích của truyền thông trong viễn tượng nhân học*. Điều này có nghĩa là truyền thông có thể có giá trị văn minh hóa không những khi nó gia tăng khả năng thông tin, nhưng trên hết mọi sự là khi nó được tổ chức và định hướng theo tầm nhìn về con người và công ích phù hợp với những giá trị phổ quát. Không nhất thiết vì các phương tiện truyền thông gia tăng khả năng kết nối và gieo rắc ý tưởng, nên nó thúc đẩy tự do và đem đến sự phát triển và dân chủ cho mọi người. Để đạt được những mục tiêu này, các phương tiện truyền thông cần tập chú vào việc cổ vũ phẩm giá của con người và các dân tộc, phải được thúc đẩy bởi bác ái và nhằm mục đích phục vụ sự thật, sự thiện, cũng như tình huynh đệ tự nhiên và siêu nhiên. Thật vậy, sự tự do của con người gắn kết cách nội tại với những giá trị cao cả này. Truyền thông có thể góp phần quan trọng vào việc gia tăng sự hiệp thông trong gia đình nhân loại và đạo đức (ethos) trong xã hội, khi nó được sử dụng để thúc đẩy sự tham gia rộng rãi vào việc kiếm tìm những gì là đúng đắn.

74. Trong cuộc đấu tranh văn hóa ngày nay giữa sự thống trị của kỹ thuật và trách nhiệm luân lý của con người, lãnh vực *đạo đức sinh học* là trận địa then chốt. Đó là nơi mà chính khả thể phát triển con người toàn diện bị đặt thành vấn đề ở mức độ căn đở nhất. Trong lãnh vực tế nhị và có tính quyết định này, câu hỏi nền tảng là: con người là sản phẩm của chính mình hay nó lệ thuộc vào Thiên Chúa? Những khám phá khoa học trong lãnh vực này và những khả năng can thiệp về mặt kỹ thuật đã tiến rất xa đến độ đòi chúng ta phải chọn lựa giữa hai loại lý luận: hoặc là lý luận mở ra với siêu việt hoặc là lý luận khép kín trong tính nội tại. Chúng ta đứng trước câu trả lời: hoặc thế này, hoặc thế khác. Tuy nhiên, thứ "lý tính" của hành động kỹ thuật chỉ tập trung vào chính mình xem ra phi lý, bởi lẽ nó hàm chứa sự phủ nhận dứt khoát ý nghĩa và giá trị đời sống. Không phải ngẫu nhiên khi con

người khép kín cánh cửa với siêu việt, thì con người lại phải đối mặt với nỗi khó khăn là: làm sao hiện hữu lại có thể phát sinh từ hư vô, và làm sao trí tuệ lại được sinh ra từ ngẫu nhiên? [153]. Đối diện với những câu hỏi quyết liệt này, lý trí và đức tin có thể hỗ trợ lẫn nhau. Và chỉ như thế mới có thể cứu độ con người. *Chỉ hoàn toàn cậy dựa vào kỹ thuật, lý trí không có đức tin sẽ tan biến trong ảo tưởng về sự toàn năng của nó. Đức tin không có lý trí sẽ có nguy cơ trở thành xa lạ với đời sống thường ngày của con người* [154].

75. Đức Phaolô VI đã nhận ra và chú tâm đến chiều kích toàn cầu của vấn đề xã hội. Bước theo sự hướng dẫn của ngài, ngày nay chúng ta cần khẳng định rằng *vấn đề xã hội đã trở thành vấn đề nhân học* ở tận căn, theo nghĩa là vấn đề này không chỉ liên quan đến câu hỏi sự sống đã được thụ thai như thế nào, nhưng còn là câu hỏi người ta có thể thao túng sự sống như thế nào, khi mà kỹ thuật sinh học ngày càng đặt sự sống dưới bàn tay con người. Thụ tinh trong ống nghiệm, nghiên cứu phôi, khả năng tạo ra những nhân bản và phôi người: tất cả những điều đó đang phát triển và được cổ xúy trong nền văn hóa ngày nay, nền văn hóa tin rằng đã làm chủ được mọi màu nhiệm bởi vì nguồn cội sự sống đã nằm trong tay ta. Ở đây ta thấy rõ nhất sự thống trị của kỹ thuật. Trong loại văn hóa này, ý thức được mời gọi cứ làm theo những khả năng của kỹ thuật. Tuy nhiên chúng ta đừng nên coi thường viễn cảnh đáng ngại đe dọa tương lai của chúng ta, cũng đừng coi thường quyền lực của những phương tiện mới mà “nền văn hóa” sự chết đang có trong tay. Thêm vào cơn dịch bi thảm và rộng khắp của nạn phá thai, có lẽ trong tương lai chúng ta sẽ phải thêm vào điều này – và quả thật nó đã được gieo mầm từ hôm nay – là việc lên chương trình một cách hệ thống cho việc sinh sản. Mặt khác, não trạng ủng hộ chủ trương an tử cũng đang xâm nhập, hiểu như sự khẳng định quyền kiểm soát trên sự sống trong những trường hợp bị cho là không đáng sống nữa. Ẩn dưới tất cả những cảnh trên là những quan điểm văn hóa chối từ phẩm giá con người. Đến lượt nó, những thực hành nói trên lại cổ vũ cho quan niệm duy vật và máy móc về con người. Ai có thể đo lường được những hậu quả tai hại của thứ não trạng này đối với việc phát triển? Làm sao chúng ta không khỏi ngạc nhiên về sự dửng dưng trước những hoàn cảnh bi thảm của con người, khi mà sự dửng dưng ấy đã ảnh hưởng đến cả thái độ của ta trước ranh giới giữa cái “là người” và cái “không phải là người”. Điều lạ lùng là người ta rất độc đoán và kỳ thị trong việc quyết định xem đâu là điều đáng kính trọng và đề cao. Những chuyện không đáng gì thì làm âm ỉ lên, còn những bất công trầm trọng lại dễ dàng được dung thứ. Trong khi người nghèo trên thế giới tiếp tục gõ cửa người giàu, thì thế giới giàu có lại có nguy cơ không còn nghe thấy tiếng gõ cửa đó nữa, do thứ lương tâm không còn phân biệt được cái gì là của con người. Thiên Chúa mạc khải con người cho chính họ; lý trí và đức tin có thể sát cánh trong việc chứng minh cho chúng ta biết điều gì là tốt, miễn là chúng ta muốn thấy; luật tự nhiên là nơi mà Lý trí sáng tạo chiếu soi, luật ấy mạc khải sự vĩ đại của chúng ta nhưng cũng cho ta thấy sự khốn cùng của con người khi nó không nhận biết tiếng gọi của sự thật luân lý.

76. Một khía cạnh của não trạng kỹ thuật đương đại là khuynh hướng xem những vấn đề và cảm xúc của đời sống nội tâm thuần túy từ quan điểm tâm lý, kể cả giảm thiểu thành vấn đề của não bộ. Theo đó, nội giới của con người bị tước đoạt ý nghĩa và dần dần nhận thức của chúng ta về chiều sâu hữu thể của linh hồn bị mất đi, như các thánh đã chứng minh. *Vấn đề phát triển liên kết chặt chẽ với quan niệm của chúng ta về linh hồn con người*, khi ta giảm thiểu cái ‘ngã’ thành tâm lý và lẫn lộn sức khỏe của linh hồn với sự thoải mái về cảm xúc. Sự đơn giản hóa quá mức này bắt nguồn từ sự thiếu hiểu biết sâu xa về đời sống thiêng liêng, và làm cho ta không nhận ra được điều này: sự phát triển của các cá nhân và các dân tộc tùy thuộc một phần vào việc giải quyết những vấn đề thiêng liêng. *Phát triển không chỉ bao gồm sự tăng trưởng vật chất mà còn cả sự tăng trưởng thiêng liêng*, vì con người là “sự hợp nhất xác hồn” [156], được sinh ra từ tình yêu sáng tạo của Thiên Chúa và hướng đến sự sống vĩnh cửu. Con người phát triển khi lớn lên trong tinh thần, khi linh hồn nhận biết chính mình và nhận biết những chân lý Thiên Chúa đã gieo trồng trong chiều sâu lòng họ, khi họ bước vào cuộc đối thoại với chính mình và với Thiên Chúa. Khi con người xa lìa Thiên Chúa, họ sẽ khắc khoải bản khoăn mãi. Sự tha hóa về mặt tâm lý và xã

hội và nhiều thứ bệnh tâm thần đang phát triển trong những xã hội giàu có một phần là do những yếu tố thiêng liêng. Một xã hội phồn thịnh, phát triển cao về vật chất nhưng lại bóp nghẹt linh hồn, xã hội đó ở tự nó không thể dẫn đến phát triển đích thực. Những hình thức nô lệ mới như nghiện ngập và thiếu hy vọng mà nhiều người ngày nay đang rơi vào, không thể chỉ giải thích bằng lý do xã hội hay tâm lý nhưng chủ yếu là về thiêng liêng. Dù có vô vàn cách trị liệu vật lý và tâm lý, sự trống rỗng mà ở đó linh hồn cảm nhận mình bị bỏ rơi, sẽ làm cho con người đau khổ. *Không thể có sự phát triển toàn diện và công ích phổ quát nếu không quan tâm đến thiện hảo luân lý và tinh thần của con người*, vì con người là toàn thể xác và hồn.

77. Sự thống trị của kỹ thuật làm cho con người không còn nhận biết những gì không thể giải thích chỉ bằng vật chất. Tuy nhiên tất cả mọi người đều có kinh nghiệm về những chiều kích phi vật chất và thiêng liêng của sự sống. Nhận thức không đơn thuần chỉ là một hành vi vật chất, vì đối tượng được nhận biết luôn ẩn giấu cái gì đó vượt trên dữ kiện thường nghiệm. Mọi tri thức của chúng ta, dù là tri thức đơn giản nhất, cũng đều là một phép lạ nhỏ, bởi lẽ tri thức ấy không bao giờ được giải thích đầy đủ chỉ bằng những phương tiện vật chất mà ta sử dụng. Trong mọi sự thật đều có cái gì đó lớn hơn cái mà ta mong đợi, trong tình yêu mà ta đón nhận, luôn có một yếu tố khiến ta bất ngờ. Chúng ta sẽ không bao giờ hết ngỡ ngàng về những điều này. Trong mọi tri thức và mọi hành vi yêu thương, linh hồn luôn cảm nghiệm điều gì đó “lớn hơn”, xem ra giống như một món quà ta lãnh nhận, hay một chiều cao ta được nâng lên. Sự phát triển của các cá nhân và các dân tộc cũng được đặt ở chiều cao như thế, nếu ta nhận ra rằng phải có chiều kích thiêng liêng thì sự phát triển mới mang ý nghĩa đích thực. Điều đó đòi hỏi cặp mắt mới và con tim mới, có thể vượt lên trên tầm nhìn duy vật về những biến cố của nhân loại, có thể thoáng thấy cái “vượt lên trên” mà kỹ thuật không thể ban tặng. Bước theo con đường này, sẽ có thể theo đuổi sự phát triển con người toàn diện, sự phát triển có chuẩn mực định hướng là sức năng động của bác ái trong chân lý.

KẾT

78. Không có Thiên Chúa, con người không biết mình sẽ đi về đâu và cũng không thể hiểu mình là ai. Đối mặt với biết bao vấn đề lớn lao của việc phát triển các dân tộc, gần như chúng ta mất can đảm và buông xuôi; lời của Đức Giêsu Kitô đến trợ giúp chúng ta, Đáng muốn chúng ta biết rằng: “Không có Thầy, anh em chẳng làm gì được” (Ga 15,5) và động viên chúng ta: “Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế” (Mt 28,20). Đối mặt với bao công tác phải chu toàn, sự hiện diện của Chúa bên cạnh những ai kết hợp trong Danh Người và làm việc cho công bằng, sẽ nâng đỡ chúng ta. Trong thông điệp *Populorum progressio*, Đức giáo hoàng Phaolô VI đã nhắc nhở chúng ta rằng con người không đủ khả năng tự tạo sự phát triển, vì con người tự mình không thể thiết lập một chủ thuyết nhân bản đích thực. Chỉ khi chúng ta, từng người cũng như từng cộng đồng, nhận ra rằng chúng ta được mời gọi trở thành con cái trong một gia đình của Thiên Chúa, khi đó chúng ta mới có khả năng đưa ra một tầm nhìn mới và triển khai những năng lực mới nhằm phục vụ cho một chủ thuyết nhân bản toàn diện [157]. Do đó, công việc phục vụ lớn nhất cho phát triển là nền nhân bản Kitô giáo, nền nhân bản làm sống lại đức bác ái và để cho chân lý hướng dẫn mình, khi đón nhận người này kẻ khác như những quà tặng thường xuyên của Thiên Chúa. Việc đón nhận Thiên Chúa cũng kéo theo sự đón nhận anh chị em và sự sống, phải được xem như một trách nhiệm liên đới và hân hoan. Ngược lại, việc đóng kín dựa theo ý thức hệ đối với Thiên Chúa và chủ thuyết vô thần của sự dửng dưng, quên mất Đáng Sáng Tạo, sẽ gặp nguy hiểm là quên đi những giá trị của con người; ngày nay đó là những ngăn trở lớn lao cho việc phát triển. *Một nền nhân bản loại trừ Thiên Chúa là một nền nhân bản phi nhân*. Chỉ có nền nhân bản nào khai mở cho Đáng Tuyệt Đối mới có thể hướng dẫn chúng ta trong việc thúc đẩy và hiện thực những hình thức sống mang tính xã hội và dân sự – trên bình diện cơ cấu, tổ chức, văn hóa và đạo đức – đồng thời giúp chúng ta tránh những nguy hiểm

trở thành nô lệ cho những trào lưu hiện hành. Ý thức về tình yêu bất biến của Thiên Chúa sẽ nâng đỡ chúng ta trong sự dấn thân cực nhọc nhưng cao thượng, cho sự công bằng và sự phát triển các dân tộc, giữa thành công và thất bại trong việc theo đuổi không mệt mỏi những trật tự chân chính cho những thực tại nhân sinh. Tình yêu Thiên Chúa kêu gọi chúng ta vượt qua tất cả những gì ngăn cách và chông qua; củng cố sức lực chúng ta để tiếp tục làm việc trong công cuộc tìm kiếm công ích cho mọi người, cho dù chưa hiện thực ngay bây giờ; và những gì chúng ta cố gắng hiện thực – chúng ta và những nhà chức trách chính trị và chuyên viên kinh tế – vẫn luôn thấp kém hơn những gì chúng ta khao khát [158]. Thiên Chúa ban cho chúng ta sức mạnh để chiến đấu và để chịu đau khổ vì tình yêu, lo lắng cho công ích, vì Người là TẤT CẢ cho chúng ta, là hy vọng vĩ đại của chúng ta.

79. *Sự phát triển cần đến các Kitô hữu biết giang tay hướng về Thiên Chúa* trong thái độ cầu nguyện; các Kitô hữu đó ý thức rằng bác ái ngập tràn chân lý – caritas in veritate, từ đó xuất phát sự phát triển đích thực – không phải là công trình của chúng ta, nhưng được Thiên Chúa ban tặng cho chúng ta. Vì thế ngay trong những thời điểm khó khăn nhất và hoàn cảnh phức tạp nhất, chúng ta không những phải phản ứng cách ý thức, nhưng trước hết phải gắn bó vào tình yêu của Người. Sự phát triển đòi hỏi phải chú tâm đến đời sống tinh thần, quý trọng những kinh nghiệm tin tưởng vào Thiên Chúa, tình huynh đệ tinh thần trong Đức Kitô, phó thác vào sự quan phòng và lòng nhân từ của Thiên Chúa, tình yêu và sự tha thứ của Người, sự từ bỏ mình, đón nhận tha nhân, công bằng và hòa bình. Tất cả những điều này rất cần thiết để biến “các trái tim chai đá” thành “trái tim thịt” (Ed 36,26), để làm cho cuộc sống trên trái đất mang tính “thần linh” và nhờ thế mà xứng đáng với phẩm giá của con người hơn. Tất cả đều thuộc về con người, vì con người là chủ thể sự hiện sinh của mình; và đồng thời cũng thuộc về Thiên Chúa, vì Thiên Chúa là nguyên lý và cùng đích của tất cả những gì có giá trị và dẫn đến ơn giải thoát: “Thế gian, sự sống, sự chết, hiện tại hay tương lai, tất cả đều thuộc về anh em, mà anh em thuộc về Đức Kitô, và Đức Kitô lại thuộc về Thiên Chúa” (1Cr 3,22-23). Khao khát sâu xa nhất của các Kitô hữu là cả gia đình nhân loại có thể gọi Thiên Chúa là “Cha chúng con!”. Cùng với Người Con Một, ước gì mọi người có thể học cầu nguyện cùng Cha, và với những lời kinh mà chính Đức Giêsu đã dạy chúng ta, xin Cha cho ta biết làm cho Danh Cha được cả sáng khi sống theo Thánh Ý của Người, và tiếp theo là có được lương thực hằng ngày cũng như sự hiểu biết và khoan dung đối với những người có lỗi, xin đừng để chúng con sa chước cám dỗ, nhưng giải thoát chúng ta khỏi sự dữ (Mt 6,9-13).

Vào cuối năm thánh Phaolô, tôi muốn diễn tả ước muốn này bằng chính những lời của thánh Tông đồ trong thư Rôma: “*Lòng bác ái không được giả hình giả bộ. Anh em hãy ghét điều dữ, tha thiết với điều lành; thương mến nhau với tình huynh đệ, coi người khác trọng hơn mình*” (Rm 12,9-10). Đức Trinh nữ Maria, Đấng đã được Đức giáo hoàng Phaolô VI tuyên bố là Mẹ Hội thánh (Mater Ecclesiae) và được các Kitô hữu tôn vinh là Speculum iustitiae (Gương công lý) và Regina Pacis (Nữ Vương bình an), xin Mẹ che chở và ban cho anh chị em, qua lời cầu bầu trên thiên quốc của Mẹ, sức mạnh, hy vọng và niềm vui mà chúng ta đang cần để tiếp tục dấn thân cách quảng đại để thực hiện “sự phát triển con người toàn diện và tất cả mọi người” [159].

Ban hành tại Rôma, gần Đền Thờ thánh Phêrô, ngày 29 tháng 6, nhằm ngày lễ hai thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô, năm 2009, vào năm thứ năm triều giáo hoàng của tôi

BENEDICTUS PP. XVI

GHI CHÚ

1. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, Thông điệp Populorum progressio (26.3.1967, 22: AAS 59 (1967), 268; Công đồng Vaticanô II, Gaudium et Spes, 69.
2. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, Giáo huấn nhân ngày Phát triển, Bogota 923.8.1968): AAS 60 (1968), 626-627.

3. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II , sứ điệp ngày quốc tế cầu nguyện cho hòa bình 2002: AAS 94 (2002), 132-140.
4. Công đồng Vaticanô II, Gaudium et spes, số 26.
5. Đức giáo hoàng Gioan XXIII, Thông điệp Pacem in terris (11.4.1963): AAS (1963), 268-270
6. như trên, số 16
7. như trên, 82
8. như trên, số 42
9. như trên ,số 20
10. Công đồng Vaticanô II , Gaudium et spes, số 36; Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, tông thư Octagesima adveniens (14.5.1971): AAS 63 (1971), 403-404; Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Thông điệp Centesimus annus (1.5. 1991), 43: AAS 83 (1991), 847.
11. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, Thông điệp Populorum progressio (26.3.1967), số 13.
12. Ủy ban Công lý và Hòa bình, Toát yếu chủ thuyết xã hội của Giáo hội, số 76.
13. Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI, Giáo huấn nhân dịp khai mạc Hội nghị khoáng đại Hội đồng Giáo mục Nam Mỹ và vùng Karibê (13.5.2007): Insegnamenti III,1 (2007), 854-870.
14. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, Thông điệp Populorum progressio (26.3.1967), số 13
15. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II , Thông điệp Sollicitudo rei socialis (30.12.1987), số 6-7: AAS 80 (1988), 517-519.
16. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, Thông điệp Populorum progressio, số 14
17. Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI , Thông điệp Deus caritas est (25.12.2005) số 18: AAS 98 (2006), 232.
18. như trên, số 6
19. Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI, Giáo huấn cho giáo triều Rôma vào dịp Giáng sinh (22.12.2005): Insegnamenti I (2005), 1023-1032.
20. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Thông điệp Sollicitudo rei socialis, số 3
21. như trên, số 1
22. như trên, số 3
23. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Thông điệp Laborem exercens (14.9.1981) số 3: AAS 73 (1981), 583-584.
24. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II , Thông điệp Centesimus annus (1.5.1991) số 3
25. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, Thông điệp Populorum progressio (26.3.1967), số 3
26. như trên, số 34
27. như trên, số 8-9; Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI, giáo huấn cho những tham dự viên Hội nghị đại học Lateran nhân dịp 40 năm Thông điệp Humanae vitae (10.5.2008): Insegnamenti, IV, 1 (2008), 753-756.
28. Thông điệp Evangelium vitae (25.3.1995), số 93: AAS 87 (1995), 507-508.
29. như trên, số 101.
30. như trên, số 29
31. như trên, số 31
32. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Thông điệp Sollicitudo rei socialis, số 41.
33. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Thông điệp Centesimus annus, số 5.54
34. như trên, số 15

35. như trên, số 2; Đức giáo hoàng Lêô XIII, Thông điệp *Rerum novarum* (15.5.1891): Leonis XIII P.M. Acta, XI, Romae,. 1892, 97-144; Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo rei socialis* số 8; Thông điệp *Centesimus annus* , số 5
36. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, Thông điệp *Populorum progressio*, số 2.13
37. như trên, số 42
38. như trên, số 11; Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, ts *Centesimus annus*, số 25.
39. Thông điệp *Populorum progressio*, số 15
40. như trên, số 3
41. như trên, số 6
42. như trên, số 14.
43. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, số 53-62; Thông điệp *Redemptor hominis* (4.3.1979), số 13-14: AAS 71 (1979), 282-286.
44. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, Thông điệp *Populorum progressio* , số 12
45. Công đồng Vaticanô II, *Gaudium et spes*, số 22
46. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, Thông điệp *Populorum progressio*, số 13.
47. Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI, Giáo huấn cho các tham dự viên Đại hội Giáo hội Ý lần thứ 4 (19.10.2006): *Insegnamenti* II,2 (2006), 465-477.
48. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, Thông điệp *Populorum progressio*, số 16.
49. như trên
50. Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI , Sứ điệp cho giới trẻ , Sydney ngày 17.7.2008.
51. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, Thông điệp *Populorum progressio*, số 20
52. như trên, số 66
53. như trên, số 21
54. như trên, số 3.29.32
55. Thông điệp *Sollicitudo rei socialis* , số 28
56. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI , Thông điệp *Populorum progressio*, số 9
57. Thông điệp *Sollicitudo rei socialis*, số 20
58. Thông điệp *Centesimus annus*, số 22-29
59. như trên, số 23.33
60. như trên
61. Công đồng Vaticanô II , *Gaudium et spes*, số 63
62. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, số 24
63. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Thông điệp *Veritatis splendor* (6.8.1993), số 33.46.51: AAS 85 (1993); Sứ điệp cho Liên Hiệp Quốc nhân dịp 50 năm thành lập (5.10.1995, số 3
64. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, Thông điệp *Populorum progressio*, số 47; Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo rei socialis*, số 42
65. Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI , sứ điệp giáng sinh 2007: AAS 99 (2007), 933-935.
66. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Thông điệp *Evangelium vitae* (25.3.1995) số 18.59.63-64
67. Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI, Sứ điệp hòa bình thế giới 2007, số 5: *Insegnamenti*, II,2 (2006) 778.
68. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II Sứ điệp hoàn bình thế giới 2002, 4-7.12-15: AAS 94 (2002) 134-136.138-140; Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI , sứ điệp hòa bình thế giới 2006, 9-10
69. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II , Sứ điệp hòa bình thế giới 2002; Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI , sứ điệp hòa bình thế giới 2006, 9-10.
70. Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI , Bài giảng ở Regensburg (12.9.2006): *Insegnamenti* II,2 (2006), 252-256.

71. Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI, Thông điệp Deus caritas est (25.12.2005)
số 1
72. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Thông điệp Sollicitudo rei socialis , số 28
73. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, Thông điệp Populorum progressio , số 19
74. như trên, số 39
75. như trên, số 75
76. Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI, Thông điệp Deus caritas est, số 28
77. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II , Thông điệp Centesimus annus, số 59
78. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, Thông điệp Populorum progressio, số 40.85
79. như trên, số số 13
80. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II , Thông điệp Fides et ratio (14.9.1998)
số 85: AAS 91 (1999), 72-73
81. như trên, số 83.
82. Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI, Bài giảng tại đại học Regensburg (12.9.2006): Insegnamenti II,2 (2006), 265.
83. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, Thông điệp Populorum progressio , số 33.
84. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II , Sứ điệp Hòa bình thế giới 2000, số 15
85. Sách Giáo lý toàn cầu, số 407; Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Thông điệp Centesimus annus , số 25.
86. như trên, số 17
87. như trên, số 23
88. Thánh Augustinô triển khai giáo lý này cách chi tiết trong “Đối thoại với ý chí tự do – de libero arbitrio II 3,8ff). Ngài nói về “ý nghĩa nội tại” hiện diện trong linh hồn con người . Ý nghĩa này nằm trong hành động, có thể thực hiện bên ngoài những phạm vi bình thường của lý trí, một hành động không cần suy nghĩ và đồng thời đầy bản năng, nhờ qua lý trí, khi ý thức điều kiện chóng qua và yếu đuối, chấp nhận sự hiện hữu của một cái gì Vĩnh Cửu, tuyệt đối chân thật và chắc chắn. Thánh Augustinô gọi chân lý nội tại này là Thiên Chúa (Tự thú Như trên, số, 24,35; XII, 25,35; De libero arbitrio II 3,8) và thường là Đức Kitô (De magistro 11,38; Tự thú VII 18,24; XI 2,4)
89. Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI Thông điệp Deus aritas est, số 3
90. như trên, số 49
91. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Thông điệp Centesimus annus, số 28
92. như trên, số 35
93. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Thông điệp Sollicitudo rei socialis , số 38
94. như trên, số 44
95. Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI , Thông điệp Deus caritas est, số 3
96. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II Thông điệp Centesimus annus , số 36
97. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, Thông điệp Populorum progressio , số 24
98. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II , Thông điệp Centesimus annus, số 32
99. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II , Thông điệp Laborem exercens, số 24
100. như trên, số 15
101. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, Thông điệp Populorum progressio , số 27
102. Ủy ban giáo lý đức tin, Huấn thị Libertatis conscientia (22.3.1987) số 74
103. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II , phỏng vấn báo La croix ngày 20.8.1997
104. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II , giáo huấn cho phân khoa khoa học xã hội (27.4.2001) : Insegnamenti XXIV, 1 (2001),800
105. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, Thông điệp Populorum progressio , số 17
106. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Sứ điệp hòa bình thế giới 2003, số 5: AAS 95 (2003), 343.
107. như trên
108. Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI, Sứ điệp hòa bình thế giới 2009, số 13
109. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI , Thông điệp Populorum progressio , số 65

110. như trên, số 36-37
111. như trên, số 37
112. Công đồng Vaticanô II, Sắc lệnh về tông đồ giáo dân *Apostolicam actuositatem*, số 11.
113. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, Thông điệp *Populorum progressio*, số 14; Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus* số 32
114. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, Thông điệp *Populorum progressio*, số 77
115. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Sứ điệp Hòa bình thế giới 1990, số 6
116. “Heraklit von Ephesus (khoảng 535-475 tcn) di cảo 22B124
117. Toát yếu chủ thuyết xã hội của Giáo hội, số 451-487
118. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, sứ điệp hòa bình thế giới 1990, số 10
119. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, Thông điệp *Populorum progressio*, số 65
120. Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI, sứ điệp hòa bình thế giới 2008, số 7
121. Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI, Huấn thị cho các thành viên LHQ (18.4.2008): *Insegnamenti IV,1* (2008) 618-626
122. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Sứ điệp hòa bình thế giới 1990, số 13
123. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus* số 36
124. như trên, số 38; Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI, Sứ điệp hòa bình thế giới 2007, số 8
125. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, số 41
126. như trên
127. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Thông điệp *Evangelium vitae*, số 20
128. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, Thông điệp *Populorum progressio*, số 85
129. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Sứ điệp hòa bình thế giới 1998, số 3: AAS 90 (1998), 150
130. Theo thánh Thomas: “ratio partis contrariatur rationi personae” trong: III Sent.d.5,3,2; và “Homo non ordinatur ad communitatem politicam secundum se totum et secundum omnia sua”, trong *Summa Theologiae I-II*, q.21,a.4, ad 3
131. Công đồng Vaticanô II *Lumen gentium*, số 1
132. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Huấn thị cho Ủy ban thần học và Ủy ban về thánh Thomas thành Aquin (8.11.2001) số 3: *Insegnamenti XXIV, 2* (2001) 676-677.
133. Ủy ban giáo lý đức tin, Giải thích về tính duy nhất và tính phổ quát ơn cứu độ của Đức Giêsu Kitô và Hội thánh Dominus Jesus (6.8.2000) số 22
134. Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI, Thông điệp *Spe salvi*, số 31
135. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, số 5
136. như trên, số 12
137. Đức giáo hoàng Piô XI, Thông điệp *Quadragesimo anno* (15.5.1931) AAS 23 (1931) 203; Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, số 48
138. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Thông điệp *Pacem in terris*, số 74
139. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, Thông điệp *Populorum progressio*, số 10.41
140. Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI, Huấn thị cho Ủy ban thần học quốc tế (5.10.2007): *Insegnamenti III, 2*(2007) 418-421.
141. Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI, Huấn thị cho các Giám mục Thái Lan nhân dịp *Ad limina* (16.5.2008): *Insegnamenti IV,1* (2008) 798-801.
142. Huấn thị *Erga migrantes caritas Christi* (3.5.2004): AAS 96 (2004) 762-822.
143. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Thông điệp *Laborem exercens*, số 8
144. Huấn thị kết thúc cử hành Bí tích Thánh Thể cho người lao động (1.5.2000): *Insegnamenti XXIII, 1* (2000) 720
145. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, số 36
146. Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI, Huấn thị cho thành viên LHQ (18.4.2008) tại New York
147. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Thông điệp *Pacem in terris* (11.4.1963); Toát yếu chủ thuyết xã hội của Giáo hội, số 441.
148. Công đồng Vaticanô II, *Gaudium et Spes*, số 82

149. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II , Thông điệp *Sollicitudo rei socialis*, số 43
150. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, Thông điệp *Populorum progressio*, số 41; Công đồng Vaticanô II, *Gaudium et spes*, số 57
151. Đức giáo hoàng Gioan-Phaolô II , Thông điệp *Laborem exercens*, số 5
152. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI , Tông thư *Octogesima adveniens*, số 29
153. Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI , Huấn thị choc ác thành viên Giáo hội Ý (19.10.2006) a.a.o 465-477
154. Ủy ban giáo lý đức tin , Chỉ thị về vài vấn đề Sinh học *Dignitas personae* (8.9.2008): AAS 100 (2008), 858-887.
155. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI , Thông điệp *Populorum progressio* , số 3
156. Công đồng Vaticanô II , *Gaudium et spes*, số 14
157. như trên, số 42
158. Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI , Thông điệp *Spe salvi*, số 35
159. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI , Thông điệp *Populorum progressio* (26.3.1967) số 42.